ĐẢNG BỘ XÃ SUỐI KIẾT - HUYỆN TÁNH LINH

LSĐ
X032

# LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ SUỐI KIẾT (1945 - 2010)

NĂM 2010

ĐẢNG BỘ XÃ SUỐI KIẾT - HUYỆN TÁNH LINH

# LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ SUỐI KIẾT (1945 - 2010)

NĂM 2010

# BẢN ĐỒ XÃ SUỐI KIẾT

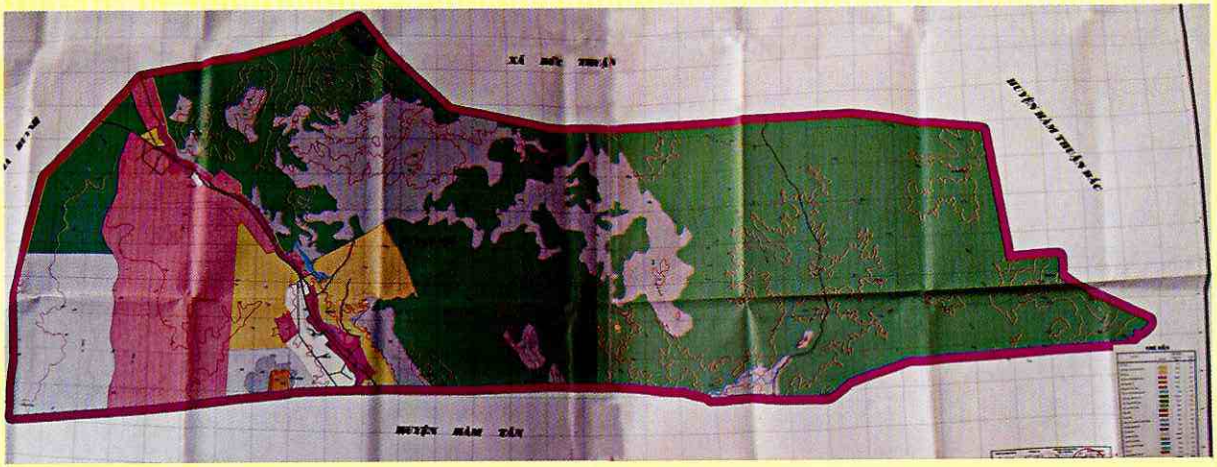

## LỜI GIỚI THIỆU:

# SUỐI KIẾT - ĐẤT LÀNH CHIM ĐẬU

Suối Kiết là một xã của huyện Tánh Linh, nằm ở Nam sông La ngà, cách xa trung tâm huyện trên 20 km; phía Đông giáp xã Mỹ Thạnh (huyện Hàm Thuận Nam); phía Tây giáp xã Gia Huynh (huyện Tánh Linh); phía Nam giáp thị trấn Tân Minh, (huyện Hàm Tân); phía Bắc giáp xã Gia Huynh và xã Đức Thuận (huyện Tánh Linh). Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, nhân dân đến sinh sống xung quanh khu vực 03 ga xe lửa khoảng vài, ba trăm người. Đến nay, dân số xã có trên 6.500 người; được chia làm 05 thôn; mật độ dân số 24 người/km$^2$. Ngoài ra, Suối Kiết còn là địa bàn có nhiều lao động từ các nơi đến để làm ăn, lúc nào cũng có trên dưới 1000 người. Diện tích tự nhiên của xã trên 22.004 ha; trong đó hầu hết đất trồng cây công nghiệp dài ngày, như: cao su, điều, các loại cây ăn trái...

Suối Kiết là xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Hiện nay xã có 07 dân tộc thiểu số, với dân số là: 203 hộ/871 khẩu; bao gồm dân tộc: Rắclây, Chăm, Châu Ro, Tày, Thái, Khơme, Mường; dân tộc thiểu số có số dân đông nhất là

dân tộc Rắclây, với 192 hộ/826 khẩu, tập trung chủ yếu ở thôn 2. Suối Kiết có đường tàu lửa chạy qua, có 03 nhà ga xe lửa. *(Sau chia tách xã còn 02 ga: Sông Dinh và Suối Kiết).*

Suối Kiết có đặc thù, khác hơn so với các địa phương khác trong huyện. Có thể nói, mặc dù là xã miền núi của huyện trọng điểm về lương thực, nhưng là xã không có diện tích gieo trồng cây lúa. Bù lại Suối Kiết có diện tích cây màu, cây công nghiệp khá lớn, đất đai trù phú, màu mỡ phì nhiêu thích hợp trong việc trồng các loại cây công nghiệp. Hàng năm bà con gieo trồng trên 1000 ha bắp; gần 1.500 ha cây mỳ, bí trồng xen trong diện tích cây công nghiệp dài ngày. Đến nay bà con đã trồng được các loại cây công nghiệp có diện tích khá lớn, như: điều 712 ha; cao su: 4.226 ha; cây ăn quả: 257,8 ha, trong đó chủ yếu là xoài (trái vụ), nhãn, cam, quýt... xã được mệnh danh là suối mát trong lành, có nhiều sông, suối như: Sông Phan, Sông Tôm, Sông Giang, Sông Dáu, Sông Dinh,... đi vào tiềm thức của con người nơi đây từ bao thế hệ qua. Xã Suối Kiết có nhiều núi đá dọc theo tỉnh lộ 720, với một trữ lượng đá xây dựng khá lớn, hàng năm khai thác bình quân hàng ngàn $m^3$ đá xây dựng và các loại đá trang trí khác. Với địa bàn giàu tiềm năng về đất đai và khoáng sản như vậy, nên

Suối Kiết là địa phương trong huyện có nhiều đồng bào trong cả nước về đây sinh cơ lập nghiệp; có nhiều doanh nghiệp đến đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đến nay, trên địa bàn xã có trên 10 doanh nghiệp hoạt động, chủ yếu lập các trang trại có quy mô hàng trăm, đến ngàn ha và khai thác khoáng sản.

Suối Kiết là địa bàn đất rộng, diện tích trải dài từ đầu xã đến cuối xã gần 14km. Dân cư tập trung chủ yếu dọc theo đường tỉnh lộ DT 720. Suối Kiết là nơi đất lành chim đậu, nơi hội tụ đủ các yếu tố của một vùng dân cư sôi động, phong phú đa dạng bản sắc văn hoá các dân tộc, giàu tiềm năng về kinh tế, văn hoá và xã hội.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, quân và dân Tánh Linh kiên cường bám trụ, thì Suối Kiết chính là cửa ngõ vững chắc ngăn chặn các cuộc tấn công của địch. Do vậy, Suối Kiết là nơi mà quân và dân huyện Tánh Linh cũng như của tỉnh Bình Thuận, nhiều lần làm cho địch điên đảo thất kinh, tổn thất nặng nề, tiêu hao lực lượng và gìm chân không cho chúng tiến quân vào trung tâm huyện.

Sau ngày giải phóng, với chính sách của Đảng, Nhà nước nhân dân từ nhiều địa phương về

đây lập nghiệp. Với nhiều tiềm năng, thế mạnh được thiên nhiên ưu đãi, bà con làm ăn ngày càng phát triển làm giàu cho gia đình và quê hương. Suối Kiết trong một tương lai không xa, với những bước đi đúng hướng sẽ còn vươn xa hơn nữa để trở thành một vùng chuyên canh cây công nghiệp của huyện nhà Tánh Linh.

Quyển Lịch sử truyền thống xã Suối Kiết, bao gồm có 10 chương: nêu khái quát sự hình thành và quá trình đấu tranh chống Pháp-Mỹ, xây dựng quê hương của Đảng bộ và nhân dân xã Suối Kiết trong giai đoạn 1945-2010.

Tổ chức biên soạn Lịch sử truyền thống xã (giai đoạn 1945-2010) là một công việc hết sức khó khăn. Đảng uỷ, Ban chỉ đạo biên soạn đã có nhiều cố gắng, song không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc gần xa để tái bản lần sau được đầy đủ và hoàn chỉnh hơn./.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**
**BÍ THƯ**

**Phạm Hương**

Cao su xã Suối Kiết

*Chương I*

# SUỐI KIẾT ĐẤT NƯỚC - CON NGƯỜI

## 1. Địa danh Suối Kiết:

Địa danh Suối Kiết được hình thành từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Theo lịch sử truyền thống huyện Tánh Linh ghi: Trước phong trào Cần Vương năm 1885, có Phan Trung "Bình Tây Phó Nguyên Soái" cùng ông Lê Quang Quyền đưa nghĩa quân đến vùng Suối Kiết để xây dựng căn cứ, khai khẩn ruộng nương, rèn đúc khí giới, luyện quân để đánh giặc Pháp xâm lược.

Sau khi thực dân Pháp xâm lược đất nước ta, để dễ bề khai thác tài nguyên thiên nhiên, chúng mở đường sắt chạy xuyên Việt từ Bắc đến - Nam. Suối Kiết là địa bàn duy nhất của huyện Tánh Linh có đường sắt chạy qua; chúng cho xây dựng 02 Ga xe lửa nằm trên địa phận xã Suối Kiết (1) Sau khi mở đường sắt, thực dân Pháp bắt một số người dân ở các nơi trong nước về đây làm culy cho chúng, chủ yếu là khai thác gỗ cho thực dân Pháp. Suối Kiết là xã nằm ở giữa hai ga, từ ga Gia Rây đến

(1) *Đó là ga Sông Dinh và ga Suối Kiết.*

Suối Kiết và từ Suối Kiết đi Mương Mán, làm trung tâm cho các đoàn tàu từ thời Pháp thuộc. Nơi đây cung cấp chất đốt cũng như nước phục vụ cho đầu máy chạy bằng than thời đó. Ga Suối Kiết là ga chính. Thời kỳ này Suối Kiết là một đại công trường khai thác gỗ, hình thành nhiều bãi xe be vận chuyển gỗ ra đường ray, rồi bốc lên tàu cho chúng chở đi chế biến và tiêu thụ. Năm 1954 về trước, mỗi ga tàu lửa chỉ có một ít dân cư quanh khu vực ga sống bằng nghề khai thác gỗ vận chuyển gỗ be (cây lớn), lá buông và khai thác dầu rái. Ban đầu đến Suối Kiết hầu hết là những người lao động chính, có sức khoẻ để làm ăn, sau đó thấy việc làm ăn sinh sống ở đây có nhiều thuận lợi, nên bằng con đường tàu lửa họ về quê đưa cả gia đình đến sinh sống lập nghiệp.

Suối Kiết ngày xưa được kết tụ bởi những dãy rừng già trùng trùng điệp điệp. Xã có hai dạng địa hình chủ yếu:

*Một là* dạng địa hình đồi núi thấp chiếm 1/3 diện tích toàn xã, có độ cao từ 100-200mét; nằm ở phía Tây và Tây Nam của xã. Dạng địa hình này tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là những cây công nghiệp ngắn, dài ngày có giá trị kinh tế cao.

*Hai là* dạng địa hình vùng đồi núi cao, chủ yếu nằm ở khu vực phía Bắc và Đông Bắc của xã, chiếm 2/3 diện tích tự nhiên toàn xã; vùng này có nhiều núi đồi cao, chập chùng, như:

- Núi Kiết (tiếng của đồng bào dân tộc Rắc-lây gọi là *chỡ Kiết* - chỡ là núi, Kiết là tên núi) cao 491 mét;

- Núi Nhang (chỡ dăl - *chỡ là núi, dăl là dài* hoặc là Nhang ), có độ cao: 361mét; (1)

- Núi Chì (chỡ Tơ mơ răl, *Tơ mơ răl là chì*, núi chì); núi Xã Zú có độ cao 271 mét; núi Lốp cao 733 mét, núi Già cao 353 mét; núi Đen cao 509 mét và nhiều núi, đồi khác với diện tích chiếm hơn 80% diện tích toàn xã, nhưng nay chuyển đổi ra khỏi 3 loại rừng, nên diện tích rừng còn lại khoảng 10% (địa danh các dãy núi này có tên trong bản đồ Việt Nam).

Suối Kiết cũng như các xã khác của huyện Tánh Linh, rừng, núi có quần thể động - thực vật đa dạng, phong phú và quý hiếm, như: cây gió cho trầm hương từ núi Nhang đến núi Ông; các loại gỗ

(1) *Núi Nhang là do núi có nhiều cây gió, loại cây lấy trầm hương. Từ xưa đồng bào dân tộc đến núi này để lấy cây gió về làm nhang về cúng ông bà theo tập quán. Nên từ đó có tên là núi Nhang. Hoặc gọi là núi Dài, là do nó có chiều dài từ ga Sông Dinh đến gần ga Sông Phan.*

hương, trắc, cẩm lai, gõ đỏ, huỳnh đàn và hàng trăm loại gỗ quý hiếm khác ở dày đặc các khu rừng. Đặc biệt Suối Kiết có rừng lá buông trên 1000 ha và các loại mây tre, nứa, thuận lợi cho chế biến các mặc hàng thủ công - mỹ nghệ. Vô số các loại trái cây rừng ăn được như: thanh trà, dâu, gùi, chà rang, ươi, nhãn...

Có nhiều loài động vật quý hiếm được ghi vào sách đỏ Quốc gia. Về thú rừng hàng trăm loài như: voi, cọp, trâu rừng, bò rừng, nai, mễn, heo, các loài gấu, các loài khỉ, dộc, vượn, các loài chồn, cheo, thỏ, nhím, têtê; các loài chim như công, trĩ, gà lôi, gà rừng và hàng trăm loài chim khác cư trú làm tổ nhiều đời ở đây.

Ở sông, suối có rất nhiều loài cá, như: cá chình, cá lóc, cá trê, cá lăng, lươn... chỉ cần ra bờ sông, bờ suối kéo vó, giăng câu, đặt lờ... một thời gian ngắn là có những món ăn thú vị cho gia đình.

Với những tài nguyên thiên nhiên phong phú ưu đãi đó, chính nơi đây là miếng mồi béo bở cho thực dân Pháp đến để khai thác. Do là thân phận nô lệ qua các thời phong kiến, người công nhân làm thuê chịu nhiều khắc nghiệt, tù túng, cơm ăn không đủ no, áo không đủ mặc. Ban ngày làm việc cật lực, tối về phơi thân trong rừng già âm u cho

muỗi đốt. Hầu hết những người bị muỗi đốt đều sinh ra bệnh sốt rét; nhiều người bị bệnh sốt rét đến nỗi không có thuốc để chữa trị nên có nhiều người chết do sốt rét. Thời kỳ này, nghe nói đến hai từ Suối Kiết là làm cho người ta kinh hồn, khiếp vía, rùng mình khiếp sợ vì cho rằng nơi đây là rừng thiêng nước độc. Có thể nói đây là vùng sốt rét nổi tiếng nhất ở Tánh Linh xưa. Không những đối với những người culy, những người thợ rừng, người dân bản địa mới bị bệnh sốt rét, mà ngay cả những người Pháp cũng bị bệnh sốt rét chết tại đây. Có 1 bà vợ là người Pháp theo chồng đến vùng đất Suối Kiết sinh sống (1) bị sốt rét chết và chôn tại đây. Sau đó, nơi chôn bà "Tây" này, người dân gọi với địa danh là Bà Đầm và cho đến ngày nay, vẫn còn địa danh cống Bà Đầm.

Suối Kiết nằm giáp ranh với thị trấn Tân Minh của huyện Hàm Tân, thuộc vùng lõm, vùng chuyển tiếp giữa vùng Đông Nam và phía Tây của tỉnh Bình Thuận nên có lượng mưa tăng từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam. Mùa mưa đến sớm và kéo dài khoảng 5 tháng rưỡi; bắt đầu từ trung tuần tháng 5 rồi tăng dần lượng mưa lên và kết thúc vào cuối tháng 10 đầu tháng 11 hàng năm.

(1) *Nơi người Pháp tổ chức làm trại cưa, cưa cây làm tà vẹt đường sắt*

Lượng mưa trung bình hàng năm dao động từ 1.500 - 1.900mm; số ngày mưa trong năm khoảng 110-120 ngày. Hàng năm có 02 mùa gió chính ảnh hưởng đến khí hậu của xã, đó là gió mùa Đông - Bắc, từ tháng 11 năm này đến tháng 4 năm sau; gió mùa Tây - Nam, từ tháng 5 đến tháng 10. Độ ẩm không khí trung bình của xã là 83,3%, thấp nhất vào tháng 1,2 và cao nhất vào tháng 7,8,9 với 88%.

Xã Suối Kiết có rất nhiều sông, suối. Mạng lưới sông, suối ở xã Suối Kiết dày đặc, tạo thành một hệ thống sông suối chạy dọc bao xung quanh theo chân các dãy núi và các ngọn đồi. Những tên sông, tên suối gắn liền với cuộc sống của người dân nơi đây từ bao đời nay, như: Sông Phan, Sông Tôm, Sông Giang, Sông Dáu, Sông Dinh,... nhưng đáng kể nhất là Sông Dinh. Sông Dinh là con sông lớn bắt nguồn từ những vùng núi cao ở phía Tây và Tây Bắc uốn lượng dọc theo các chân núi và chảy theo hướng Bắc xuống hướng Nam chảy ra cửa biển Lagi. Mùa mưa đến, lưu lượng nước trên dòng sông Dinh rất lớn; nhưng đến mùa nắng thì lại khô cạn, do vậy rất hạn chế trong việc sản xuất nông nghiệp, nhất là vào mùa Xuân Hè, nắng nóng, làm hạn chế về sản xuất của bà con ở đây.

Suối Kiết vùng đất giàu tiềm năng tài nguyên thiên nhiên. Đất ở đây chia thành 3 nhóm chính:

+ Nhóm phù sa;
+ Nhóm đất đỏ, vàng;
+ Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá.

Suối Kiết có nhiều núi đá dọc theo tỉnh lộ DT 720, có trữ lượng đá xây dựng khá lớn. Hàng năm khai thác bình quân trên 1000$m^3$ đá xây dựng và các loại đá trang trí khác. Với trữ lượng đá như vậy, nên Trung ương, tỉnh cho phép nhiều đơn vị đến thăm dò khai thác đá ở các khu vực núi Chì, núi Gà Lôi... Riêng tại khu vực núi Đen, ngày 11/4/2008 Bộ Xây dựng đã có Công văn số 673/BXD-VLXD gửi Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc Quy hoạch thăm dò đá ốp lát tại khu vực núi Đen, xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh và xã Tân Lập, huyện Hàm Thuận Nam. Khu vực thăm dò đá ốp lát có diện tích 88,2 ha đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận dự kiến quy hoạch khai thác làm đá ốp lát (giai đoạn 2008 đến 2020) và đề nghị Bộ Xây dựng đưa vào quy hoạch chung của cả nước tại Công văn số 4217/UBND-KT ngày 19/9/2007.

Các cụ cao niên cho biết, hai từ Suối Kiết có nghĩa là Kiết Tường, Cát Tường, là Suối Lành.

Chính những người đến Suối Kiết làm ăn, sinh sống đặt tên vùng đất này là SUỐI KIẾT, đây là niềm ước ao, khao khát, niềm hy vọng của bao lớp người đến đây lao động, sinh sống về một sự tốt lành, bình an trên vùng đất trù phú giàu tiềm năng của thiên nhiên ưu đãi. Từ đó có tên gọi là SUỐI KIẾT.

**2. Dân số:**

Từ xưa đến nay, qua tìm hiểu vẫn chưa có ai biết được con người lần đầu tiên sinh sống ở xã Suối Kiết có từ bao giờ. Chỉ còn tìm thấy được một số di tích mồ mả, gốc mồ mả ấy là của người Rắc-lây, K'Ho, nhưng cũng chưa có dữ liệu xác định được mồ mả này có từ bao giờ, thời kỳ nào? Nhưng khi Pháp làm đường sắt và đặt các ga, thì có nhiều người đến sinh sống.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, năm 1975 - 1976 tổng điều tra dân số cả nước, Suối Kiết có chưa đến 1000 người. Trước đó, qua tìm hiểu trước thời kỳ Pháp xâm lược, Suối Kiết đã có dân cư sinh sống rải rác trên các núi của xã, như: Xã Dú, núi Lốp, núi Già, núi Kiết, núi Nhang... chủ yếu là bà con đồng bào dân tộc thiểu số Rắc-lây, K'ho; họ sống ở giữa rừng

thiêng nước độc, trùng trùng điệp điệp. Cho nên, người dân ở núi này ít khi gặp người dân ở núi khác. Đồng bào sống du canh, du cư nay ở núi này, mai ở núi khác. Toàn bộ lương thực, thực phẩm đều từ rừng nuôi sống họ. Bởi vậy cho nên họ rất ít khi gặp nhau; lâu lâu mới gặp nhau một lần; mỗi lần gặp họ thường hỏi nhau bác, chú, anh, em... ở núi nào? Như gặp người lạ ở giữa rừng họ hỏi thăm nhau:

- Kây nao pờ lây (bác đi đâu đó)? Theo tiếng dân tộc thiểu số thì: Ha nao ta lây kây là mày đi đâu đó bác?

- Kây nao ngắt doặt (tôi đi gài bẫy)!
- Kây dơ chơ lây (bác ở núi nào)?
- Do chơ K,iết (tôi ở núi Kiết)!
- Ai Dõ chỡ lây (anh ở chỗ nào)?
- Hơ lăl dõ chỡ K,iết (tôi ở Núi Kiết)!

Về tổ chức hành chánh, thời kỳ trước khi xây dựng các ga chưa có làng, xóm; bà con còn sống theo tập quán du canh, du cư, chủ yếu là săn bắn, hái lượm và dựa vào nương rẫy để sống. Năm này khai phá rừng, phát dọn cây cối làm nương, rẫy để gieo trồng, tỉa bắp, lúa, đậu... thì bà con tập trung sống ở đó, vài ba năm sau khi nương rẫy đất bạc

màu, bà con lại khai hoang đốt rừng làm nương rẫy mới. Cứ mỗi lần chuyển nương, rẫy là bà con chuyển cả gia đình theo sống tại đó. Do vậy đời sống rất khó khăn, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, bệnh tật triền miên. Đói ăn rau rừng, củ rừng; đau, bệnh thì chỉ biết chữa bằng lá rừng và cúng bái thiên địa, thần linh.

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước giành được độc lập, một số người từ nhiều nơi trong cả nước đến Suối Kiết để làm rừng, khai thác cây, lá. Là một vùng cửa ngõ của huyện Tánh Linh, Suối Kiết có thời kỳ chiến tranh đến mức khốc liệt. Địch lợi dụng nơi đây làm địa bàn tập kết, tấn công, hỗ trợ cho chi khu Tánh Linh. Đối với ta, đây là nơi trọng yếu để xây dựng căn cứ, triển khai bố trí lực lượng phục kích, tập kích, tiến công ngăn chặn địch. Do vậy, có những giai đoạn, nhất là trong những năm kháng chiến chống Mỹ (1964-1974), người dân sống không nổi phải bỏ đi nơi khác để sinh sống, lập nghiệp. Mãi đến những năm sau ngày giải phóng, nơi đây được biết đến như vùng đất lành chim đậu, người dân các nơi về đây sinh cơ lập nghiệp chung tay, góp sức xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Về phong tục tập quán, Suối Kiết là địa phương có nhiều dân tộc, tôn giáo, trong đó đồng bào dân tộc Kinh chiếm đa số, ngoài ra còn có 06 đồng bào dân tộc thiểu số khác cùng sống trên địa bàn. Đa số thờ cúng ông bà, tổ tiên; có khoảng 369 hộ, 627 khẩu gia đình theo đạo Phật; 207 gia đình, với trên 600 khẩu theo đạo Thiên Chúa; ngoài ra còn có một số ít theo đạo Tin Lành (sau năm 2000), với 34 hộ, trên 100 khẩu; Cao Đài có 06 hộ, với 19 khẩu; còn lại là đồng bào dân tộc thiểu số khác như: Răc-lây, Chăm, Châu Ro, Tày, Thái, Khơme, Mường... do dân số ít nên họ cùng sinh hoạt theo tập quán người Kinh.

*Chương II*

# SUỐI KIẾT BUỔI ĐẦU HÌNH THÀNH (GIAI ĐOẠN 1945 - 1963)

## 1. Giai đoạn 1945-1954:

Từ năm 1945, sau cách mạng Tháng Tám thành công, Suối Kiết hình thành làng dân cư sống xung quanh các ga tàu lửa, đó là ga Suối Kiết và Sông Dinh. Ở mỗi ga tàu lửa chỉ có vài, ba chục hộ dân cư sống, chủ yếu là dân từ các nơi như Quảng Nam, Quảng Ngãi đến đây lập nghiệp. Nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi vốn là quê hương có truyền thống cách mạng qua các thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngoài ra, còn có một số người vì hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn, không có đất sản xuất, không có công ăn việc làm nên vào Nam để mưu cầu cuộc sống mới và Suối Kiết là mảnh đất nơi họ dừng chân. Buổi đầu họ khai thác gỗ, vận chuyển gỗ be (cây lớn), lá buông và khai thác dầu rái. Do vậy, dân cư xung quanh các nhà ga xe lửa trên địa bàn Suối Kiết giai đoạn này đều là những thanh niên trai tráng, vạm vỡ, những người lao động chính mới đủ sức để làm rừng là chính. Qua một thời gian sinh sống làm ăn tại Suối

Kiết, thấy việc làm ăn sinh sống có nhiều thuận lợi, cho nên bằng con đường tàu lửa họ về quê tìm cách đưa cả gia đình đến sinh sống lập nghiệp. Từ đó dân cư Suối Kiết ngày càng đông đúc hơn.

Ngày 02/9/1945, tại Ba Đình - thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Nhân dân Suối Kiết cùng với nhân dân các xã trong huyện Tánh Linh và cả nước vui mừng thoát khỏi cảnh nô lệ, được làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ đất nước. Ngày 06/01/1946, nhân dân Suối Kiết cùng với cả nước nô nức đi bầu cử Quốc Hội, lần đầu tiên trong cuộc đời được thể hiện quyền công dân của mình. Trong thời gian giành được chính quyền vài tháng, tại huyện Tánh Linh phát hiện có một số tên lính Nhật lẩn trốn ở Núi Ông, huyện cho lực lượng bắt giữ thu hồi súng ống đạn dược. Tại Suối Kiết cũng trong thời gian này, trong một đêm đi tuần tra, anh Ban (một công nhân nhà ga Suối Kiết) phát hiện và bắt giữ một tên lính Nhật lẩn trốn trong toa tàu lửa và giao cho huyện.

Nhân dân ta sống trong hòa bình được một thời gian ngắn, thì thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tháng 02/1946, sau khi chiếm

xong Phan Thiết và khai thông quốc lộ 1, nối đường Xuân Lộc - Sài Gòn, giặc Pháp tiếp tục tấn công các vùng nông thôn. Giữa tháng 7/1946 quân Pháp bất ngờ từ xe lửa đổ quân xuống xã Suối Kiết, mở đầu cho đợt tấn công vào Lạc Tánh, chiếm đóng Tánh Linh. Bọn chúng đóng đồn ở huyện, hàng ngày đi lùng sục bắt cán bộ Việt Minh. Chúng thành lập các bộ máy tề, xã và các thôn xóm đều do tên Lu-i Đờ Phốt (Louis de Fosse) nắm giữ sắp đặt, (1) Sau khi sắp xếp xong bộ máy cai trị, chúng tăng cường truy quét đánh vào làng, xóm, bắt giết chết một số đồng bào. Nhân dân Suối Kiết, cùng với nhân dân Tánh Linh thà chết chứ nhất quyết không hợp tác với giặc Pháp, quyết không trở lại làm đời nô lệ. Thời kỳ này, Suối Kiết rất vinh dự được huyện chọn làm nơi đóng quân, làm căn cứ. Cơ quan huyện rút vào đóng tại rừng Xã Zú (núi Gà Lôi) thuộc địa phận thôn 3 xã Suối Kiết ngày nay. Đây là địa thế thuận lợi, núi có độ cao 271mét, có thể quan sát được nhiều khu vực gần

(1) *Khi ta giành chính quyền trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bình Thuận, tên này đã bỏ trốn ở thôn Trà Cụ ( thị trấn Lạc Tánh) bị ta bắt giải về Phan Thiết giao cho tỉnh, được Pháp giải cứu, nay đưa về làm đồn Trưởng ở Tánh Linh với cấp bậc thiếu uý, nắm quyền cai quản Tánh Linh cả mặt hành chính, lẫn quân sự. Tên Lu-I Đờ Phốt cùng con trai chết trong trận quân ta tấn công Chi khu Tánh Linh ngày 05/4/1954.*

kề. Đồng thời, nơi đây còn là nơi sơn thuỷ hữu tình, nơi hội tụ của chim muông, thú quý, nơi có sườn núi là những tảng đá to, nhỏ nhấp nhô; nhiều tảng đá to cao dựng đứng xếp lớp và bao quanh những dãy rừng già, những cây cổ thụ tạo nên vị trí xây dựng căn cứ, đóng cơ quan làm việc hết sức chắc chắn làm cho địch khó đưa quân đánh phá.

Đóng quân ở đây được thời gian, cơ quan của huyện chuyển đến Núi Lốp (núi Chì); lập chiến khu ở Núi Nhang (núi Dài); các dãy núi này đều nằm về hướng Đông-Bắc của xã Suối Kiết, giáp với Núi Ông hùng vĩ và huyền thoại - nơi đóng quân lâu dài của Quân Khu, của tỉnh cũng như quân dân Tánh Linh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ xâm lược.

Từ khi Pháp trở lại đóng chiếm ở Tánh Linh, chúng đưa quân đánh phá phong trào cách mạng trong huyện, nên đây là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng ở Suối Kiết cũng như các địa phương khác ở huyện Tánh Linh. Nhưng những người con Tánh Linh, trong đó có người dân Suối Kiết luôn một lòng, một dạ theo cách mạng, theo Đảng, theo Bác Hồ. Không sợ khó khăn gian khổ, không sợ hy sinh, vẫn thường xuyên tiếp tế cho cách mạng. Đến năm 1953, tình hình kháng chiến trong huyện

ngày càng phát triển mạnh mẽ, huyện thành lập Ban cán sự đường sắt do đồng chí Trần Như làm Trưởng ban, phụ trách các ga Sông Phan, Sông Dinh, Suối Kiết, Gia Huynh. Khu vực xung quanh nhà ga trên địa bàn xã Suối Kiết lúc này có 2 xóm: xóm Bà Giêng, chủ yếu là bà con dân tộc Châu Ro sinh sống; xóm Đá Mài chủ yếu là đồng bào Rắclây, khoảng trên 200 khẩu. Bà con ở đây dù ít nhưng bám trụ rất kiên cường.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; giặc Pháp tổ chức càn quét không biết bao nhiêu đợt, đánh phá nhiều lần hết sức ác liệt, tàn khốc nhưng bà con không sợ, ra sức bố phòng cẩn trọng, chống Pháp bằng lối đánh du kích làm cho địch nhiều tổn thất.

Để không ngừng đẩy mạnh phong trào đoàn kết đánh Tây, huyện mở Hội nghị "Đoàn kết đánh Tây", Suối Kiết lại vinh dự được huyện chọn làm nơi tổ chức hội nghị, tại địa điểm Đá Mài, nơi giáp khu vực Hàm Tân.

Hội nghị được trang trí lộng lẫy có đèn, đuốc thắp sáng, băng rôn, khẩu hiệu, cờ Tổ Quốc, chân dung lãnh tụ Hồ Chí Minh trang trí trang trọng; có trên 200 đại biểu về dự. Tại hội nghị này nhiều

đoàn báo cáo thành tích đánh Tây. Suối Kiết, địa bàn cửa ngõ của huyện chống giặc xâm lược đã xuất hiện nhiều người con ưu tú, trung kiên, như: anh Trần Mít, người dân tộc K'ho (có 2 người em Trần Dê, Trần Bưởi là liệt sỹ); anh Mười Lô, đi múc dầu rái từ Suối Kiết ra Suối Nhang tiếp tế gạo cho cách mạng ở trong rừng; các anh Tám Huỳnh, Sáu Xuân... bám trụ hoạt động cách mạng được Hội nghị "Đoàn kết đánh Tây" năm 1953 của huyện Tánh Linh biểu dương, khen ngợi.

Nằm trong kế hoạch của Tỉnh uỷ Bình Thuận mở chiến dịch Miền tây với mục đích giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh. Trận đánh có 3 mục tiêu quan trọng mở màn là: Chi khu Tánh Linh; yếu khu La Dày và yếu khu Gia Bác và tiếp đó là các đồn ở Suối Kiết. Sau khi giành thắng lợi trong các trận đánh ở các mục tiêu trên, 15giờ ngày 09/4/1954 quân ta tấn công đồn Suối Kiết và chỉ 1 giờ chiến đấu, ta giành thắng lợi hoàn toàn, thu được nhiều kết quả thắng lợi (1).

Sau đợt tấn công này địch suy yếu không dám mở đợt tấn công nào vào vùng giải phóng. Suối Kiết cùng với các xã khác trên địa bàn huyện Tánh

(1) *Xem diễn biến trận đấu tiêu diệt đồn Suối Kiết*

Linh sạch bóng quân thù cho đến Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hoà bình được lập lại. Nhân dân trong xã, trong huyện được hưởng những ngày thái bình trên quê hương.

Do là địa bàn cửa ngõ của huyện, nơi có nhiều địa thế chiến lược quan trọng cho nên suốt giai đoạn từ 1946 - 1954 địa bàn Suối Kiết luôn là chiến trường nóng bỏng giữa ta và địch. Nhiều trận đánh diễn ra ác liệt và đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của quân dân tỉnh Bình Thuận cũng như Tánh Linh, trong đó nổi bật có một số trận tiêu biểu: (1)

## * TRẬN PHỤC KÍCH DIỆT ĐẠI ĐỘI ĐỊCH TẠI DỐC SỎI (KM 9) ĐƯỜNG SUỐI KIẾT - TÁNH LINH CỦA ĐẠI ĐỘI B/ TRUNG ĐOÀN 812 (ngày 11/4/1949)

Ngày 11/4/1949, tại Dốc Sỏi đường số 2 (trước đây gọi là đường 336, 710 nay là đường DT720), đoạn Suối Kiết đi Tánh Linh đường đất, đá, xấu nhưng ô tô chạy được. Từ khi giặc Pháp trở lại lại

(1) *Xem Tánh Linh những trận đánh tiêu biểu (1945-1975) do BCH Quân sự huyện xuất bản năm 1993.*

chiếm đóng Tánh Linh đầu năm 1946, địch không dùng ô tô vận chuyển mà thường là đi bộ, dùng xe trâu, xe bò chuyển tải hàng hóa, quân trang. Hai bên rừng cây mọc sát ven đường. Do là đường rừng núi gập ghềnh lại vận chuyển thồ chở cây nặng, nên xe trâu, xe bò đi lại lâu ngày hình thành nên con đường. Sau này, khi mở đường các nhà thiết kế cũng dựa vào nền đường cũ, nên đường Suối Kiết không được thẳng như những trục lộ khác.

Đoạn từ Suối Kiết đi Tánh Linh có 1 dốc cao hơn các dốc khác, đó là dốc Sỏi. Dốc Sỏi có chiều dài hơn 100m; 2 bên đường có láng tranh cao đến thắt lưng, rộng gần 1 ha, là rẫy cũ bên bìa rừng cách đường từ 80 đến 100m, phía Đông đường dáng đất cao hơn, phía Tây đường là chân núi Kiết đổ ra. Dốc Sỏi cách ga Suối Kiết 3 km về hướng Bắc. Mùa mưa đi lại rất khó khăn.

Địch ở xóm Suối Kiết có ga xe lửa, 1 đồn cấp trung đội, do lính partisan đóng, do một sĩ quan Pháp chỉ huy, bọn này chủ yếu là giữ trục giao thông đường sắt Bắc - Nam và tuần tiễu gần trong khu vực ga. Tánh Linh, thời ấy là tiểu khu, có 1 đại đội lính Partisan do sĩ quan Pháp chỉ huy, thỉnh thoảng có đi tuần tiễu từ Tánh Linh đến Suối Kiết.

Từ năm 1946 đến năm 1949, hoạt động quân sự của ta ở khu vực Suối Kiết - Tánh Linh chưa mạnh.

Ở Suối Kiết, địch lập các tổ vũ trang (goum) bắt một số người dân tộc thiểu số tham gia, do tên Đờ-pốt quận trưởng Tánh Linh mua chuộc tổ chức để chống lại kháng chiến. Cán bộ các đội vũ trang tuyên truyền của ta đi công tác lẻ thường bị tổn thất vì những ổ (goum) này.

Về địch, hàng tháng có 1 chuyến tiếp tế từ Phan Thiết bằng xe lửa đến Suối Kiết, bọn lính ở Tánh Linh đi bộ xuống vận chuyển về. Vì chưa bị đánh lần nào nên địch rất chủ quan. Quân số đi vận chuyển nhiều, từ 2 trung đội đến 1 đại đội.

Trận đánh này nhìn chung địa hình kín đáo, tiện việc phục kích nhưng lại khó quan sát xa, vận động khó khăn.

Đây là trận phục kích của Đại đội B, thuộc Trung đoàn 812, do đồng chí Nguyễn Sơn Diệp chỉ huy, diệt 1 đại đội lính partisan đi vận tải tiếp tế cho Chi khu Tánh Linh, do sĩ quan Pháp chỉ huy. Địch thường vận chuyển súng đạn, lương thực thực phẩm bằng xe bò. Đường đất đá, hai bên rừng rậm không có dân. Nơi chiến đấu xa, ta di chuyển một đơn vị lớn, cắt rừng, giữ bí mật là đều rất khó khăn.

Đơn vị hầu hết là người đồng bằng, không thạo đường sá, lạ địa hình, phải tự mang theo lương thực. Địa phương có một bộ phận cán bộ công tác vùng Tánh Linh tham gia, chủ yếu giúp đơn vị về chỗ trú quân và dẫn đường.

Về phía ta Đại đội B là chủ lực Trung đoàn 812, cơ động tác chiến trên địa bàn toàn tỉnh, nhưng từ trước đến nay thường hoạt động ở đồng bằng, chủ yếu là vùng Tam Giác (Hàm Thuận). Đơn vị có đến 7 trung đội bộ binh, 1 trung đội chỉ huy (liên lạc, trinh sát, văn phòng) do đồng chí Nguyễn Sơn Diệp làm chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Minh Dương làm chính trị viên. Trang bị mỗi trung đội từ 2 đến 3 trung liên Bren hoặc FM 24, mỗi tiểu đội có 1 tiểu liên, súng rất thiếu đạn trung liên và súng trường, phải dùng đạn rờ-sạt, không đảm bảo chất lượng. Thông tin liên lạc chủ yếu là các chiến sỹ bộ binh.

Là đơn vị tập trung của Trung đoàn, nhưng trang bị chưa mạnh, chưa có cối 60, chỉ có phóng lựu AT nhưng tinh thần chiến đấu cao, có kinh nghiệm đánh phục kích, tập kích, chống càn, đánh địch dã chiến. Qua hơn 3 năm chiến đấu, đã đánh thắng nhiều trận, đơn vị đã trưởng thành một bước, được nhân dân tin tưởng, thương mến.

Tình hình nhân dân ở Suối Kiết giai đoạn này hầu hết là người dân tộc K'ho, có một số ít là người Kinh, sống tập trung xung quanh ga và đồn bót. Người dân tộc K'ho làm nghề rừng, làm nương rẫy đời sống nghèo đói, hết sức khổ cực. Người Kinh buôn bán nên cuộc sống có khá hơn.

Sau khi đến nơi tập kết an toàn, tổ chức cán bộ đi trinh sát thực địa, chỉ huy trưởng chỉ vị trí phục kích giao nhiệm vụ cho từng bộ phận và tổ chức hiệp đồng tại chỗ. Đến khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 14/4 đài quan sát hướng Tánh Linh báo cáo có địch hành quân theo đường bộ xuống. Toàn trận địa im lặng cho địch qua, chúng không phát hiện gì, đi thẳng xuống Suối Kiết. Khi địch qua khỏi 15 phút, chỉ huy trưởng cho bộ phận chặn đầu ra sát đường 10 m để chặn đánh địch khi chúng rút về. Cả đơn vị tin tưởng đánh được như ý định và chắc thắng.

Khoảng gần 10 giờ, đài quan sát hướng Suối kiết báo cáo địch kéo về cách trận địa 1km, đội hình đi hàng dọc, 1 tiểu đội đi trước đội hình 50 m, có 3 xe bò chở vũ khí đạn dược, quân trang lương thực thực phẩm đi giữa đội hình. Chỉ huy trưởng ra tính hiệu toàn đơn vị chuẩn bị chiến đấu.

10 giờ 15 phút, địch đến ngay dốc Sỏi dừng lại nghỉ chân, nói chuyện ồn ào, tiên binh của địch

cách đơn vị chặn đầu của ta khoảng 30 m, đơn vị rất lo bị lộ, nhưng tất cả vẫn giữ được bí mật. Đến 10 giờ 30 phút, địch hành quân tiếp.

Tiểu đội tiên binh của địch đi được 50 m, gần tới cống thì dừng lại vì chưa thấy đội hình phía sau đến. Khoảng 2 phút sau chúng đi tiếp, khi toán địch đi đầu cách đội hình chính của địch 20 m, đồng chí Diệp ra lệnh nổ súng. Trung liên nổ một loạt dài, các loại súng trên trận địa của ta đều bắn vào đội hình địch đang đi. Cùng lúc đó đồng chí Chính đơn vị chặn đầu bắn vào bọn tiên binh vừa qua mặt, cả tiểu đội địch tháo chạy về Tánh Linh. Bị đánh phủ đầu bất ngờ, bọn địch phía sau chạy dạt qua phía Tây đường, bị ta nổ súng chặn lại. Địch cụm lại dưới 3 xe bò cố chống trả, trung liên địch bắn xối xả vào 2 bên đường. Lực lượng của ta ở Đông đường vận động ra cách địch 20 m, thì phải nằm lại vì địch bắn rát. Đã 20 phút chiến đấu, ta vẫn chưa giải quyết xong trận đánh. Một số tên địch lợi dụng hầm đất bên Đông đường, có 2 trung liên bắn chặn dữ dội; 2 cánh đối diện và khóa đuôi của ta nằm nổ súng cách địch 50 m. Thấy tình huống kéo dài, đồng chí Sơn Diệp ra lệnh cho tiểu đội đồng chí Chính kẹp theo mé đường đánh xuống. Lợi dụng được gốc cây cao của đồng bào phát rẫy còn lại,

đồng chí Tập đặt súng trên gốc cây bắn quét vào hố địch co cụm. Khi đồng chí Tập bắn được 2 băng thì bị một loạt đạn ở phía trái bắn vào hông hy sinh; đồng chí Chính bị thương gãy tay. Tuy bị thương nhưng đồng chí Chính vẫn ra lệnh cho đồng đội mang đạn thay, bắn trung liên vào mục tiêu cũ. Nhờ súng chặn đầu ở vị trí cao bắn xuống có hiệu quả và lúc này ở chính diện đồng chí Tâm Hùng đánh thọc ra tới đường và lực lượng đối diện cũng tiến ra gần đường. Địch bị diệt một số lớn, chống cự yếu ớt. Thời cơ thuận lợi, chỉ huy trưởng ra lệnh toàn đơn vị xung phong, số địch còn lại đưa tay đầu hàng. Lúc đó là 01 giờ sáng. Ta bắt tù binh thu dọn chiến trường, 20 phút sau thu chiến lợi phẩm xong, ta bắt tù binh chôn bọn địch chết, rồi giao cho Ban địch vận quản lý giáo dục khai thác, sau đó thả chúng tại chỗ. Địch không có phản ứng gì, ta lui quân thuận lợi, chiều hôm sau đến Đọng Đò (Hàm Tân) an toàn.

Kết quả trận này ta tiêu diệt tại chỗ 25 tên, bắn bị thương 15 tện, bắt sống 10 tên, một số bị thương chạy khỏi, chết trong rừng ta không nắm được. Thu 53 súng gồm 2 trung liên, 1 cối 60 li, 50 súng trường, 3 xe bò chở đầy đạn dược, quân trang quân dụng, thuốc men, lương thực thực phẩm. Ta hy sinh 2 đồng chí và bị thương 4 đồng chí.

Trận đánh Dốc Sỏi có ý nghĩa rất quan trọng, lần đầu tiên chống Pháp, ở địa bàn Suối Kiết (Tánh Linh), đã diễn ra một trận đánh diệt gần hết một đại đội địch, thu nhiều súng đạn, chiến lợi phẩm. Trận đánh thắng lợi đã làm cho địch một đòn choáng váng, xác địch nằm ngổn ngang, số bỏ chạy, số mất tinh thần, số còn sống sót sau đó thời gian không dám bung ra đánh phá như trước. Qua trận này, cán bộ địa phương có điều kiện để tuyên truyền giáo dục, giác ngộ cho đồng bào tin tưởng Chính phủ cụ Hồ, bộ đội cụ Hồ, tin tưởng kháng chiến thắng lợi, xây dựng phát triển phong trào có kết quả hơn. Đó là ý nghĩa chính trị của chiến thắng này, vì đồng bào dân tộc phải thấy trực tiếp họ mới nghe và tin tưởng cách mạng, tin tưởng cán bộ.

Trận phục kích Dốc Sỏi ngày 11/4/1949 của Đại đội B Trung đoàn 812 là trận đánh thắng trên địa bàn Suối Kiết-Tánh Linh trong kháng chiến chống Pháp, có ảnh hưởng chính trị lớn đối với phong trào cách mạng địa phương. Chỉ huy kiên quyết, chiến sĩ dũng cảm, tuy diễn biến chiến đấu có phức tạp và kéo dài nhưng kết quả là trận đánh giành thắng lợi, diệt nhiều địch, bồi dưỡng lớn cho lực lượng ta về kinh nghiệm phục kích đánh địch, hoàn thành nhiệm vụ trên giao.

Chiến thắng Suối Kiết - Tánh Linh tháng 4/1949 là niềm tự hào của đơn vị và địa phương, được ghi nhớ mãi với câu bài chòi :

*Năm mươi khẩu súng trường Anh*
*Ăng-Lê chính hiệu đành rành, mới tinh*
*Quân trang, quân dụng đủ dùng*
*Bao da, dây nịt, đạn thùng thiếu chi...*

## * TRẬN TẬP KÍCH ĐỒN SÔNG DINH CỦA TIỂU ĐOÀN 86, TRUNG ĐOÀN 812 (vào tháng 8 năm 1949)

Sau chiến thắng vang dội tại Dốc Sỏi tháng 4/1949, đến tháng 8/1949 trên địa bàn Suối Kiết diễn ra trận tập kích đồn Sông Dinh của tiểu đoàn 86, trung đoàn 812.

Trong cuộc chống Pháp, đường sắt Bắc - Nam đoạn Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ rất quan trọng trong việc vận chuyển quân sự của địch, nên chúng đã đóng đồn bót trên tất cả các ga để bảo vệ các chuyến xe lửa, đồng thời các nơi đó cũng là điểm xuất phát hành quân đánh phá các vùng căn cứ giải phóng của ta.

Trong phong trào thi đua Ái Quốc năm 1949, bộ đội Bình Thuận luyện quân tại xã Thắng Bình (huyện Hàm Tân), sau đó về chống địch càn thắng lợi ở khu kích Tam Giác (huyện Hàm Thuận). Tinh thần bộ đội phấn khởi, quyết tâm tiếp tục lập công.

Trận tập kích tiêu diệt đồn ga Sông Dinh thuộc huyện Tánh Linh của tiểu đoàn 86, trung đoàn 812 vào tháng 8 năm 1949, nằm trong đợt luyện quân lập công năm 1949, là trận thắng lớn, thu toàn bộ vũ khí trong đó có khẩu đại liên Browning (Mỹ) chiến lợi phẩm đầu tiên trên chiến trường cực Nam Trung Bộ.

Đồn ga Sông Dinh nằm ở cột số 1596 (tính từ Hà Nội vào). Đồn nằm trên đoạn đường sắt có Sông Dinh chảy qua kéo dài xuống Hàm Tân và ra biển; cách 13 km về phía Bắc có ga Sông Phan, 7 km về phía Nam có ga Suối Kiết, khu vực này giáp vùng căn cứ miền Tây Tánh Linh của ta. Đường 336 (còn gọi là lộ 2) là đường lộ đất đá, làm từ thời Pháp thuộc, nối quốc lộ 1A tại ngã 3 Trảng Táo (nam Phan Thiết 60 km) chạy qua các ga Sông Dinh, Suối Kiết lên Tánh Linh, dài gần 40 km. Dọc hai bên đường là rừng núi cao; Đông bắc có dãy núi Nhan chạy dài theo đường sắt; phía Tây Nam

có Xã Zú, rừng lá buông mênh mông giáp đến Xuân Lộc, Long Khánh. Đây là vùng khí hậu ẩm thấp, mưa nhiều, sốt rét cao. Thời tiết khi ta đánh đồn Sông Dinh gặp lúc nắng ráo, Sông Dinh nước cạn, dễ qua.

Sau khi quân Pháp chiếm đóng tỉnh Bình Thuận vào đầu năm 1946, địch đóng quân ngay hệ thống đồn bót trên các ga để giữ đường sắt. Đồn ga Sông Dinh do 1 đại đội lính GVF (garde voie ferree) đóng giữ. Sĩ quan chỉ huy là người dân tộc thiểu số. Trang bị của địch, ngoài trung liên, tiểu liên, AT súng trường còn có 1 đại liên Mỹ Browning. Đồn hình vuông, mỗi cạnh độ 50 m, xung quanh có rào dây thép gai và rào tre bao bọc. Trong có vòng tường gỗ cao 1,60m, dày 0,60 m có lỗ châu mai, góc có lô cốt. Bên trong là các nhà chỉ huy, nhà lính, nhà kho và 1 tháp canh (mirador) để quan sát xa. Mặt trước cổng vào đồn có rào chắn và bót gác để xét người ra vào.

Hoạt động chủ yếu của địch là bảo vệ đường sắt, nên ban ngày thường tổ chức các cuộc tuần tra dọc tuyến đường sắt, cầu cống để bảo vệ các đoàn tàu, ban đêm thường chỉ canh gác tại chỗ. Trước đây, bộ đội ta chưa có hoạt động vùng này nên địch cũng chủ quan, ít đề phòng ta tấn công.

Tại ga Sông Dinh dân cư thưa thớt, ngoài số gia đình người Kinh buôn bán còn lại là xóm đồng bào dân tộc thiểu số làm rừng và làm rẫy, đời sống khổ cực. Tuy vậy, do được tiếp xúc cán bộ giáo dục, nên nhân dân hiểu biết cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Ngoài ra còn có 1 số cơ sở cung cấp cho ta tình hình và giúp địa phương móc nối xây dựng cơ sở nối tuyến trong số binh lính người dân tộc thiểu số.

Về tình hình ta, trong đợt luyện quân tháng 5/1949 ở xã Thắng Bình (Hàm Tân), Tiểu đoàn 86 được học tập chính trị, huấn luyện quân sự nâng cao trình độ kỹ chiến thuật. Sang tháng 6/1949, Tiểu đoàn về lại Tam Giác chống càn bảo vệ khu du kích thắng lợi, khí thế bộ đội phấn khởi, đang trên đà thi đua giết giặc lập công. Quân số tiểu đoàn khá đầy đủ, trang bị mạnh, gồm 3 đại đội bộ binh A, B, xung kích, một đại đội trợ chiến gồm một trung đội đại liên Vicker và hốc-kít, 1 trung đội trọng liên phòng không 12,7 li và một trung đội cối 60, 81 ly. Tiểu đoàn đã đánh thắng nhiều trận, có kinh nghiệm đánh phục kích giao thông ở Thái An, Bàu Đá, An Lâm, Suối Dầu... cải trang kỳ tập ở Lầu Ông Hoàng, Xóm Lụa... và chống càn nhưng chưa đánh công sự vững chắc. Cán bộ phần lớn là

chiến sĩ Nam tiến thời kỳ đầu kháng chiến và chiến sĩ hầu hết là người địa phương, trưởng thành trong chiến đấu, thông thạo chiến trường. Tiểu đoàn 86 là 1 đơn vị thiện chiến.

Đây là trận chiến đấu hết sức đặc biệt bằng sự kết hợp của bộ phận địch vận địa phương với cơ sở nội tuyến. Ta có phương án: từ 1 đến 2 giờ sáng, cơ sở nội tuyến dùng cát đổ vào các nòng súng trung, đại liên của chúng, đồng thời bộ đội sẽ vào thay cơ sở giữ cổng, gác và các cơ sở sẽ đưa từng tổ bộ đội đi chiếm giữ các hỏa lực, các nhà kho, nhà lính, nhà chỉ huy theo kế hoạch. Chiều tối hôm đó, cơ sở tổ chức cho binh lính ăn nhậu để chúng ngủ say, tiện cho ta hành động. Nhưng cơ sở cũng say và ngủ, không thực hiện được như kế hoạch nên đến đêm N, cán bộ ta vào không liên lạc được với cơ sở. Có một cơ sở trong khi say đã cải lộn với tên đồn trưởng và bị đánh, đuổi ra ngoài đồn. Anh ta ra ở ngoài dân, nhờ đó ta tìm gặp được anh này. Tình huống mới này nảy sinh rất phức tạp, tuy không lộ bí mật nhưng không làm đúng như kế hoạch đã đề ra.

Đồng chí Nguyễn Minh Châu họp Ban chỉ huy Tiểu đoàn 86 và Ban chỉ huy Đại đội B bàn kế hoạch chiến đấu mới. Sau khi tính toán kỹ, ta động

viên anh cơ sở này dẫn lực lượng đại đội B đến nấp ở cổng đồn và mở cửa đồn, liên lạc với tên lính gác bót (không phải là cơ sở). Khi thấy đồng đội vào, tên lính gác cổng không bắn, nhưng cũng không cho cơ sở của ta vào bên trong và Y xin đồn trưởng cho vào đồn. Tên đồn trưởng tự mình ra mở cổng lập tức ta nổ súng diệt ngay tay đồn trưởng, chiếm bót gác. Lực lượng của ta nhanh chóng vào đồn chiếm các mục tiêu quy định không bị trở ngại gì, vì binh lính đều đang ngủ say. Anh cơ sở của ta nói rõ cho họ biết là bộ đội cách mạng đã lấy đồn, đồn trưởng đã chết. Số cơ sở còn lại sau khi tỉnh dậy, biết rõ sự tình, vội đầu hàng nên tất cả số còn lại đều râm rấp nghe theo. Có một số ít binh lính địch là người Kinh nhảy rào chạy trốn, vì đêm tối ta không bắn và không đuổi theo.

Ta làm chủ đồn, chiếm kho vũ khí, đưa đơn vị vào lần lượt thu hết vũ khí và các chiến lợi phẩm khác. Gần sáng, sau khi giải quyết xong các chiến lợi phẩm ta thiêu hủy toàn bộ khu vực đồn và lui quân an toàn về Hàm Tân, địch không có phản ứng gì.

Trận diệt đồn Sông Dinh ta sử dụng lực lượng cơ sở nội tuyến, nên không phải chiến đấu bằng sức mạnh tấn công của toàn tiểu đoàn và cũng bảo vệ được cơ sở. Kết quả trận đánh ta đã diệt đồn trưởng

Sông Dinh, bắt toàn bộ binh lính, thu toàn bộ vũ khí đạn dược và các loại chiến lợi phẩm khác gồm trên 100 súng các loại (có 1 đại liên Browning, 6 trung liên Brenn và FM 24, nhiều tiểu liên, AT, súng ngắn còn lại là súng trường MAS 36 và cácbin) rất nhiều đạn, lưu đạn, Smok, AT. Ta hoàn toàn vô sự. Số cơ sở và tù hàng binh giao cho bộ phận quân báo Trung đoàn và địa phương giải quyết.

Trận đánh có ý nghĩa rất lớn, nhờ công tác dân vận và địch vận có kết quả nên trận đánh đã thắng lợi lớn mà không tốn xương máu. Chiến thắng Sông Dinh được Bộ Quốc phòng đánh giá là 1 trong 5 trận tiêu biểu của Quân Đội nhân dân Việt Nam trong năm 1949 (trận Hố Mít, Đại Bục, Bông Lau, Lũng Phầy, Sông Dinh). Chiến thắng Sông Dinh đã hỗ trợ tích cực cho phong trào chính trị địa phương các vùng ven đường sắt và lộ 2 Tánh Linh. Các đội công tác có nhiều thuận lợi trong việc xây dựng và phát triển cơ sở. Chiến thắng Sông Dinh còn mở ra một địa bàn kinh tế tài chánh đắc lực cho tỉnh trong giai đoạn bấy giờ. Cửa ngõ Sông Phan, Sông Dinh, Suối Kiết là nơi ta thu thuế khai thác, vận chuyển gỗ và thuế hàng hoá ra vào huyện cao, đóng góp quan trọng cho ngân sách huyện, tỉnh.

## * TRẬN TIÊU DIỆT ĐỒN SUỐI KIẾT CỦA ĐƠN VỊ ĐẶC CÔNG TỈNH VÀ BỘ BINH ĐỊA PHƯƠNG (ngày 09/4/1954)

Giai đoạn này, Tánh Linh đã tổ chức thành công Đại hội "Đoàn kết đánh Tây" (1953) khí thế cách mạng của nhân dân lên cao, phong trào đánh Tây được củng cố vững chắc và mạnh mẽ. Tánh Linh được tỉnh ghi nhận là một trong 3 vùng căn cứ cách mạng hoàn chỉnh và có phong trào kháng chiến mạnh mẽ của tỉnh (1).

Nằm trong chiến dịch giải phóng huyện Tánh Linh của tỉnh và huyện phối hợp với đợt 2 của chiến dịch Điện Biên Phủ. Trận tiêu diệt đồn Suối Kiết giữa ban ngày, thắng lợi đã tác động mạnh mẽ vào hàng ngũ binh lính địch ở các ga, như ga Sông Dinh, ga Sông Phan. Làm cho binh lính các ga này không còn cầm cự đã bỏ chạy. Quân ta chưa kịp đến ga Gia Huynh thì địch ở đây cũng rút chạy về Trảng Táo. Mảng đường sắt không còn bóng địch.

Đối với địch, từ đầu năm 1946, khi quân Pháp tái chiếm Bình Thuận thì chúng đóng đồn theo hệ thống các ga xe lửa để bảo vệ tuyến đường sắt

(1) *Tánh Linh truyền thống đấu tranh cách mạng (1945-975).*

Bắc - Nam. Đồn ga Suối Kiết là cầu nối tiếp tế chi viện cho cả Tánh Linh, cũng là nơi địch xuất phát đánh vào căn cứ miền Đông và Nam Tánh Linh. Tại đây địch cho xây dựng 1 đồn cấp đại đội, hình vuông, mỗi cạnh 50mét, có một lô cốt cố thủ ở gần trung tâm đồn và 2 lô cốt ở 2 góc hướng Bắc-Nam trước mặt đồn. Mặt sau, ở 2 góc có 2 ổ đề kháng bố trí trung liên. Bờ thành gờ đất cao 1,60mét, dày 0,60mét, có lỗ châu mai. Bên trong là các nhà chỉ huy, nhà lính, nhà sinh hoạt, kho tàng... Xung quanh có 4 lớp rào, 3 lớp ngoài bằng kẽm gai, lớp bên trong chúng rào bằng tre nhọn hình lông nhím; giữa các lớp rào có bố trí mìn nổ, mìn sáng, vật phát tiếng động. Phía trong hàng rào về phía Nam có 1 khu gia binh.

Lực lượng địch đóng giữ có 1 đại đội (thiếu) GVF do 1 sĩ quan người Âu chỉ huy; binh lính hầu hết là người dân tộc thiểu số, có một số ít là người Kinh. Trong đồn trang bị đầy đủ vũ khí như: trung liên, tiểu liên, AT, súng trường và 1 đại liên Vicker. Lực lượng ứng cứu có xe lửa thường cơ động đoạn Mương Mán, Trảng Táo đến bộ binh có lực lượng cơ động ở Tánh Linh và lính ga Sông Dinh. Nhìn chung, tình hình địch có lực lượng tại chỗ mạnh, bố phòng kiên cố.

Về phía nhân dân địa phương, cạnh ga Suối Kiết có một xóm nhỏ vài chục nóc nhà tranh, vách lá. Đây là dân từ các nơi đến làm nghề rừng, một vài người khác buôn bán. Có một số gia đình là cơ sở cách mạng, gia đình có người thân thoát ly ra căn cứ theo cách mạng.

Đối với lực lượng của ta, sau khi tiêu diệt đồn Tánh Linh, Ban chỉ huy chiến dịch phái 1 bộ phận đặc công tỉnh gồm có 06 đồng chí, đêm 07/4/1954 chuẩn bị vào Suối Kiết nhưng bị lộ nên không đánh được. Sáng ngày 06/4/1954, Ban Chỉ huy giao tiếp nhiệm vụ cho đặc công phối hợp với đại đội 222 bộ binh tập kích ban ngày vào Suối Kiết.

Đại đội 222 do đồng chí Đinh Văn Hào làm Đại đội trưởng, đồng chí Hồ Văn Tâm - Chính trị viên; là bộ đội địa phương huyện Hàm Tân hoạt động vùng giáp ranh 3 huyện Hàm Tân, Hàm Thuận, Tánh Linh. Đại đội có 3 trung đội bộ binh, trang bị mỗi trung đội có 2 trung liên, tiểu liên, súng trường đầy đủ. Cán bộ chiến sĩ hầu hết là người địa phương nên thông thạo chiến trường đã kinh qua chiến đấu, trưởng thành, hăng say lập công.

15 giờ, ngày 09/4 bộ đội dùng 1 chiếc xe be chở gỗ của ông Huỳnh Chước, cải trang mặc đồ

xanh công nhân khai thác gỗ, ngồi trên xe be do đồng chí Sen, chiến sĩ công binh xưởng của tỉnh lái, có em Xuân Bê 16 tuổi liên lạc của địa phương ngồi trên xe để chỉ đường. Xe chạy đến cổng đồn, 6 tên lính mang súng ra hỏi tin tức về Tánh Linh, tức thì trung liên ta quét mạnh vào bọn địch và tiến vào cổng đồn. Bọn lính đứa gục tại chỗ, đứa hoảng hốt tháo chạy. Bộ đội nhanh chóng tràn vào đồn, dùng tiểu liên, lựu đạn đánh bọn địch bên trong đồn. Nhưng số địch còn sống sót trong đồn vào các lô cốt cố chống cự lại. Em Xuân Bê cùng chiến đấu với bộ đội rất kiên cường, chính em đã cùng với các chiến sĩ leo lên mái nhà nhắm quân địch tiêu diệt, tiêu diệt được tên đồn trưởng, mở đường cho toàn bộ lực lượng vào tiêu diệt hết số địch còn lại bên trong. Sau 40 phút chiến đấu, ta làm chủ hoàn toàn đồn Suối Kiết. Trận này ta diệt 20 tên, bắn bị thương 10 tên, bắt 25 tên, thu 1 đại liên Vicker, 1 trung liên, hơn 20 tiêu liên, 1 số súng trường, 2 máy VTD, hơn 100 thùng đạn, rất nhiều lựu đạn và toàn bộ chiến lợi phẩm khác trong đồn, đánh sập 2 cầu xe lửa ở 2 đầu Suối Kiết.

Ta hy sinh 10 đồng chí, có đồng chí Bính-Trung Đội trưởng đặc công, bị thương 6 đồng chí. Nhân dân ở xóm ga Suối Kiết đã đến thăm viếng

và tặng quà cho bộ đội. Đây là một trận đánh táo bạo, xuất sắc, dành thắng lợi to lớn, mở rộng vùng căn cứ giải phóng; được nhân dân Suối Kiết nói riêng và nhân dân Tánh Linh nói chung rất vui mừng phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2. Giai đoạn 1955- 1963:**

Vào cuối 1954 đầu 1955, sau khi chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu của dân tộc ta, đất nước tạm thời chia làm 2 miền. Tại địa bàn Suối Kiết, có một số người từ các vùng kháng chiến trong và ngoài huyện về đây làm ăn sinh sống.

Nhưng đời sống độc lập, tự do của đồng bào ta không được bao lâu thì đế quốc Mỹ tiến hành xâm lược. Đế quốc Mỹ đã từng can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương trước năm 1954, cho nên lúc này lợi dụng sự thất bại của Pháp đã nhảy vào Miền Nam, gạt Pháp để thay chân. Thực hiện âm mưu biến Miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng.

Để thực hiện âm mưu đó, chúng nhanh chóng xây dựng lên bộ máy Ngụy quyền, đứng đầu là

Ngô Đình Diệm. Chúng xây dựng đội quân Ngụy hùng hậu gần 500 ngàn quân, trong đó có 200 quân chính quy. Chúng ráo riết thực hiện quốc sách "tố cộng, diệt cộng", lập "khu trù mật, khu dinh điền"... chính quyền tay sai Miền Nam theo lệnh quan thầy Mỹ từ chối hiệp thương với Miền Bắc, dìm phong trào đấu tranh của đồng bào ta ở Miền Nam trong biển máu, gây cho ta nhiều tổn thất nặng nề. Chúng ra sức đàn áp phong trào cách mạng của ta, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, biến miền Nam nước ta thành pháo đài của Mỹ ở Đông Nam Á. Ngô Đình Diệm ra sức chống phá cách mạng, thành lập bộ máy ngụy quyền; lập Quốc Hội; huấn luyện và trang bị cho ngụy quân Miền Nam.

Chúng ra sức cưỡng ép một số đồng bào miền Bắc, miền Trung vào Nam lập nghiệp. Cho thành lập các đảng phái ra sức chống cộng, diệt cộng. Lấy "tố cộng, diệt cộng" làm quốc sách hòng tiêu diệt những người kháng chiến cũ và những người yêu nước, hòng dập tắt phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Đi đôi với chính sách "tố cộng, diệt cộng", Diệm cho thành lập các "khu Dinh điền", lập "Ấp chiến lược"... để cô lập, cắt đứt liên lạc giữa nhân

dân với những người kháng chiến ở ngoài rừng, ngoài khu căn cứ. Cùng thời điểm này ở Suối Kiết, chính quyền Ngô Đình Diệm cho lập thôn, lập xã ở các khu vực ga tàu và khu dân cư xã Suối Kiết cũng hình thành gồm các thôn, như: thôn Sông Dinh, thôn Sông Phan, thôn Gia Huynh, thôn Bà Tá và thôn Suối Kiết. Những tên gọi này cũng từng là địa danh là tên gọi xa xưa do đồng bào dân tộc đặt ra cho tên sông tên suối ở đây. Cho đến nay, qua tìm hiểu không có ai biết các địa danh này đã có từ năm nào. Với âm mưu của địch gắt gao như vậy, những người kháng chiến cũ của ta thực hiện kế hoạch đổi vùng cho nhau. Những người kháng chiến ở các khu vực này chuyển đến các khu vực kia sinh sống và ngược lại, việc đổi vùng này nhằm không để địch biết là người kháng chiến cũ tránh sự truy bắt, "làm khó dễ" của chúng. Nhờ vậy, những người kháng chiến cũ mới có điều kiện vận động bà con, anh em tiếp tục hoạt động hỗ trợ cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trong chống Mỹ cứu nước từ năm 1957, địch tách 2 huyện Hàm Tân và Tánh Linh ra khỏi tỉnh Bình Thuận. Thành lập tỉnh Bình Tuy gồm 3 quận: Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức. Do vậy, chính quyền ngụy chia Tánh Linh ra thành 2 quận, là

Tánh Linh và Hoài Đức. Các xã Nam sông La Ngà cộng với Trà Tân, Võ Đắc thành quận Tánh Linh. Xã Suối Kiết ở mảng Nam sông cùng với các xã: Đồng Kho, Đồng Me, Tà Pao, Lạc Tánh, Võ Xu, Trà Tân, Gia Huynh, Bà Tá, Bà Giêng thuộc quận Tánh Linh và Lạc Tánh là quận lỵ. Các xã Bắc sông La Ngà cộng với Đa Kai và xã Tố La, xã Cà Dòn thành lập quận Hoài Đức, quận lỵ đóng ở xã Bắc Ruộng. Đối với ta, khu vực Hoài Đức - Tánh Linh lúc ấy chỉ là một huyện Tánh Linh. Dân số xã Suối Kiết thời bấy giờ mỗi thôn trên dưới khoảng 100 hộ trong đó 1/3 là người dân tộc Rắclây và Châuro. Từ năm 1957, chế độ tay sai Sài Gòn dựng lên bộ máy tay sai ở xã Suối Kiết gồm:

Nguyễn Toàn Thắng (tức Tám Thắng) đại diện xã (tức là Xã Trưởng thời đó).

Ngô Thiện - làm cảnh sát xã;

Ngô Long - làm phụ trách Quân sự xã;

Và một số tên khác trong bộ máy chính quyền lúc đó.

Bộ máy này đã thực hiện chính sách dồn dân lập ấp; trong đó phần lớn là đồng bào dân tộc do tập quán du canh, du cư nên bọn chúng đưa về

quanh các khu ga xe lửa ở để dễ bề kiểm soát. Cho đến năm 1961, chúng lập ấp chiến lược, chia đất (mét tới) cho mỗi lao động trong gia đình và buộc họ đào hào cắm chông, chưa hết chúng còn bắt phải chặt cây rào kín, có chen chông ở giữa hai trụ; vòng ngoài cùng của ấp chiến lược chúng buộc nhân dân bứng tre về trồng làm hàng rào dày kín một con chồn cũng không qua lọt.

Sợ nhân dân không nghe theo mà chỉ làm qua loa, chiếu lệ, nên bọn chúng giao tre, sau khi trồng xong phải đảm bảo sống tốt. Nếu tre của ai mà bị chết thì sẽ bị phạt đồng thời phải trồng lại đến khi nào sống mới thôi. Phía trong cùng ấp chiến lược là một đường rào dây kẽm gai dày đặc, chúng quy định giờ giấc gắt gao đối với việc ra hay vào khu ấp chiến lược. Cũng từ đó người dân muốn ra ngoài để đi làm rừng hay bất kế đi đâu và về lại đều qua cửa ấp chiến lược có quy định giờ mở cửa, đóng cửa và có lính gác kiểm soát chặt chẽ, như sống trong trại tập trung vậy. Những người kháng chiến cũ thường ngồi lại với nhau, làm vè châm biếm chính sách của Ngô Đình Diệm như sau:

*"Đời ông cho chí đời cha,*
*Đời này mới thấy quốc gia rào người".*

Năm 1959, Ngô Đình Diệm ban hành Luật 10/59 lê máy chém khắp nơi để khủng bố những người theo "Việt Cộng" nhưng cũng không dập tắt được phong trào đấu tranh chống lại chế độ ngụy quân, ngụy quyền và đế quốc Mỹ. Bà con ta trong các khu "Dinh điền" đều có cơ sở cách mạng.

Đến năm 1962, chiến tranh ác liệt 1 số gia đình ở các khu vực nhà ga xe lửa không thể nào sống nổi đành phải về Lạc Tánh; còn 1 số về ga Gia Rây, số về Hàm Tân. Còn lại một số vào rừng tiếp tục chiến đấu, một số đi lánh nạn trong vùng địch tạm chiến; nhưng đa số đều đến xã Bà Giêng (là xã Tân Xuân ngày nay) thuộc huyện Hàm Tân, Bình Tuy cho đến khi giải phóng hoàn toàn Miền Nam 1975 mới trở về

Riêng thôn Sông Dinh, chủ yếu là đồng bào dân tộc Rắc-lây và có khoảng vài hộ người Kinh sống xen ghép chung quanh ga Sông Dinh. Trong thời kỳ này, Mỹ làm con đường đất từ Căn cứ Sáu qua Suối Kiết đi Lạc Tánh phục vụ cho chiến tranh của chúng, nền đường dựa theo nền đường cũ thời Pháp. Lúc này, tại quận lỵ Tánh Linh, bọn Mỹ - Ngụy cho xây dựng sân bay trực thăng, xung quanh sân bay rào bằng vỉ sắt và kẽm gai, cọc sắt để tăng

cường củng cố lực lượng chống lại cách mạng. Cuộc chiến ngày càng khốc liệt hơn, nhân dân trong vùng không thể sống nổi nên bỏ đi nơi khác. Địch thường xuyên rải chất độc hoá học nhằm huỷ diệt rừng già không còn chỗ cho cách mạng bám trụ, khai quang rừng Suối Kiết, làm cho hoa màu của bà con trong vùng bị rụng lá và chết khô. Tuy nhiên, rừng Suối Kiết là rừng già, rừng cây cổ thụ dày đặc cho nên chúng có rải chất độc bao nhiêu cũng không thể chết hết cây rừng.

Trước tình hình đó Trung ương Đảng đã nhận định và đưa ra sách lược để đánh bại âm mưu của bọn Mỹ - Ngụy.

Tháng 1/1959, Ban Chấp hành Trung ương mở Hội nghị lần thứ IX (khoá II) Thông qua Nghị quyết số 15, Nghị quyết có tính lịch sử: nhân dân Miền Nam phải dùng con đường cách mạng bạo lực để tự giải phóng mình, ngoài ra không còn con đường nào khác. Với phương châm đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị.

Nhờ chủ trương này mà cục diện cách mạng ở Miền Nam chuyển biến mạnh mẽ, nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra và thắng lợi rất vẻ vang. Tại Tánh Linh, dưới sư lãnh đạo của Đảng bộ, cùng với cả

nước quân và dân huyện Tánh Linh giàu truyền thống yêu nước, căm thù bọn cướp nước và bè lũ tay sai của chúng. Đồng bào các dân tộc đoàn kết một lòng chịu đựng gian khổ, chấp nhận hy sinh, chiến đấu kiên cường làm nên những chiến công rạng rỡ. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, thời kỳ mở đầu đánh địch bằng chính trị hỗ trợ quân sự của Tỉnh và Quân khu, đã chiến thắng oanh liệt ở Hoài Đức - Bắc Ruộng năm 1960; chỉ với 28 cán bộ, chiến sĩ trong vòng 4 phút tấn công ta làm chủ trận địa, tiêu diệt và bắt sống hơn 300 tên. Đánh tan lực lượng 180 thanh niên cộng hòa có vũ trang, bắt sống Chi khu trưởng làm địa điểm trưởng. Đưa 410 cán bộ bị địch bắt giữ và 5000 đồng bào dân tộc bị dồn ép vào khu Dinh Điền về lại căn cứ an toàn. Chiến thắng Hoài Đức-Bắc Ruộng đã giáng một đồn nặng nề vào chính sách phản động "thượng du vận" của địch. Mở ra bước ngoặt chiến lược và lịch sử dẫn đến những thắng lợi liên tục khác trong toàn miền và cả nước "đánh cho Mỹ cút".

Năm 1962, tỉnh chủ trương mở rộng hoạt động xuống đồng bằng, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, nhưng do cán bộ thiếu, huyện Tánh Linh địa bàn quá rộng (cả Hoài Đức và Tánh Linh của địch).

Trước tình hình đó, tháng 3/1962 Tỉnh uỷ chủ trương chia tách huyện Tánh Linh (của ta) thành 2 huyện Hoài Đức và huyện Tánh Linh, chia theo ranh giới hành chính của địch. Xã Suối Kiết thuộc huyện Tánh Linh. Thực hiện chủ trương trên, huyện được cán bộ tỉnh tăng cường về; xã cũng được huyện tăng cường thêm một số cán bộ thành lập đội công tác. Được sự hỗ trợ của trên, huyện Tánh Linh thành lập 3 đội công tác, trong đó có 1 đội phụ trách Sông Phan, Sông Dinh, Suối Kiết. Suối Kiết lúc này có 1 trung đội biệt động quân của địch đóng giữ. Trung đội này bị ta tiêu diệt vào đêm 12/7/1963. Do đại đội 489 (thiếu) của tỉnh kết hợp với đội công tác Suối Kiết do đồng chí Hà Thanh Trúc, Đại đội trưởng 489 và đồng chí Lê Khắc Thành Bí thư Huyện uỷ Tánh Linh chi huy đã bất ngờ nổ súng diệt gọn trung đội biệt động quân đóng ở Suối Kiết. Sáng ngày 13/7/1963, địch ở Tánh Linh tăng cường xuống chi viện cho Suối Kiết, nhưng cũng bị ta đoán trước cho phục kích tiêu diệt hoàn toàn trong vòng 20 phút.

Ở Sông Phan, đội công tác đã bất ngờ đột nhập vào ấp, đánh tan bọn dân vệ, diệt và làm bị thương nhiều tên khác. Trận này ta diệt địch nhanh, gọn, nhờ có cơ sở của ta trong ấp, một số cơ sở

trong ấp vận động nhân dân làm nội ứng phối hợp cùng đội công tác trong đánh ra, ngoài đánh vào tiêu diệt gọn bọn chúng. Ta làm chủ hoàn toàn thôn Suối Kiết, các nhà ga xe lửa ở xã trong buổi sáng ngày 13/7. Sau thắng lợi này, bộ đội trụ lại để hỗ trợ cho cán bộ chính trị xây dựng phong trào ở Suối Kiết. Đến 11 giờ, ngày 13/7 địch ở Tiểu khu Bình Tuy chi viện lên Suối Kiết, nhưng cũng bị ta chặn đánh quyết liệt, sau đó ta rút lui an toàn. Sau trận đánh này, tinh thần của nhân dân rất phấn khởi, còn tinh thần binh lính của địch rất hoang mang; bọn tề, điệp, dân vệ trực tiếp kềm kẹp ở các ấp chiến lược Suối Kiết, Sông Dinh, Sông Phan... đều khiếp sợ, co cụm lại. Nhờ vậy, các đội công tác của huyện thuận lợi trong việc xây dựng phát triển phong trào. Hoạt động vũ trang đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động chính trị ở địa phương. Cuối năm 1963, sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, phong trào cách mạng tại xã Suối Kiết không ngừng lớn mạnh.

Cuối tháng 12/1963. Đại đội 432, bộ đội địa phương huyện tập kích tiêu diệt một tiểu đội bảo an tại ấp Sông Phan. Ta thu được 1 trung liên; 1 PRC 10 và toàn bộ vũ khí; ta không có đồng chí nào bị thương vong.

*Chương III*

# SUỐI KIẾT VÙNG CỬA NGÕ CỦA QUÂN, DÂN TÁNH LINH CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (GIAI ĐOẠN 1964 - 1974)

Đến năm 1964, về phía địch bọn chúng đã hoàn chỉnh hệ thống ấp chiến lược, khu dinh điền. Ở các quận đều có đầy đủ bộ máy cai trị và lực lượng bảo an, dân vệ, công an, cảnh sát, bình định, tâm lý chiến, mỗi quận có đến trên 300 tên. Riêng ở các ấp, xã cũng có đầy đủ bộ máy tề, thám báo, gián điệp, có nơi có bảo an, thanh niên chiến đấu đóng giữ, kềm kẹp để khống chế quần chúng; người dân đi đâu phải báo cáo, về phải trình. Vòng ngoài đều có công sự, đồn bót, chướng ngại vật hàng rào kẽm gai 2, 3 lớp; các ấp, xã có đồn bót đều có cấp trung đội, bọn chúng bố trí thành hệ thống quân sự nằm dọc theo các con đường (336), (333), (334, 335) hòng khống chế toàn khu vực. Suối Kiết lúc này có đến 2 đồn: đồn Suối Kiết và đồn Sông Dinh được bố trí binh lính, hệ thống an ninh, vũ khí khá đầy đủ.

Cuối năm 1964, Trung ương Cục Miền Nam chủ trương mở chiến dịch Đông Xuân 1964-1965, với mục tiêu là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đồng thời còn đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược, phá thế kềm kẹp của địch; mở rộng vùng giải phóng nông thôn; củng cố xây dựng lực lượng vững mạnh để đánh thắng "chiến lược chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và bọn ngụy quân, ngụy quyền chế độ Sài Gòn.

Thực hiện chủ trương trên của Trung ương Cục, Thường vụ Khu uỷ và Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Quân khu VI lên kế hoạch mở đợt thực hiện chiến dịch Đông Xuân 1964-1965. Đợt hoạt động này của Quân khu bắt đầu từ thượng tuần tháng 11/1964, hướng tiến công trọng điểm, trong đó có 2 huyện Tánh Linh - Hoài Đức.

Tại Suối Kiết, hưởng ứng chủ trương này, Huyện uỷ Tánh Linh, được sự hỗ trợ của tỉnh gồm Đại đội đặc công của tỉnh, kết hợp cùng bộ đội địa phương và đội công tác của huyện ở xã tấn công các ấp Đá Mài, Sông Phan, Suối Kiết. Khi quân giải phóng làm chủ tình hình các thôn trong xã, thì trong phong trào cách mạng trong quần chúng nhân dân nổi lên mạnh mẽ. Nhân dân nổi lên phá ấp

chiến lược, dỡ bỏ hết các hàng rào kẽm gai, lật đổ đường sắt. Cắt phá đường dây sắt rào xung quanh các nhà ga để làm chông rải thành từng bãi chống lại địch càn quét bằng đường bộ. Đồng thời chặt cây vót nhọn đầu thành chông, dài 3 mét dựng phủ kín các khoảng trống trong làng nhằm chống không cho địch đổ bộ bằng đường không, ủng hộ cho quân chủ lực của ta từ bên ngoài đánh vào chiếm các ấp chiến lược và làm chủ các nhà ga. Địch tăng cường viện trợ từ các nơi đến hòng tái chiếm lại, nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân, dân ta địch không thể tái chiếm lại được. Chúng chuyển sang thủ đoạn bắn phá trong làng, rồi bằng máy bay oanh tạc, làm cho 2 người dân ở Bà Tá bị chết.

Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng nhân dân tự quản, nhân dân các thôn ở xã Suối Kiết đã xuống đường đấu tranh, kéo thẳng đến nơi làm việc của bọn ngụy quyền tại Chi khu Tánh Linh đòi chấm dứt hành vi bắn phá xóm làng nơi nhân dân đang sinh sống. Nhưng bọn địch hung hăng bắt giữ hết những người dân biểu tình không cho về. Dưới sự lãnh đạo của tổ công tác của Huyện và Hội đồng nhân dân tự quản xã, vận động nhân dân các thôn

khác tiếp tục biểu tình đòi thả hết dân bị giữ tại Chi khu Tánh Linh về và chấm dứt ngay nhưng hành động bắn phá xóm làng. Do Chi khu không còn chỗ để giữ nhân dân nên bọn địch đành phải thả cho dân về, nhưng bọn chúng tăng cường bắn phá ác liệt hơn trong các xóm, làng. Chúng ném bom ngay cả ban ngày, làm cho nhiều người dân bị chết vùi trong hầm không lấy xác được.

Từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ thực hiện "chiến lược chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và vũ khí vào Miền Nam Việt Nam. Ở huyện Hoài Đức, Tánh Linh, địch lập các trận địa pháo cùng với máy bay Mỹ bắn phá ngày càng khốc liệt hơn. Có ngày, chúng tổ chức đến cả chục cuộc bắn pháo và máy bay oanh tạc có tính huỷ diệt khắp địa bàn dân cư xã Suối Kiết và một số nơi khác trong huyện. Đi đôi với mặt khủng bố về quân sự, bọn chúng còn tăng cường hoạt động tuyên truyền, lôi kéo, hù doạ nhằm lôi kéo đồng bào về phía địch. Chúng còn cài mật thám, gián điệp, biệt kích trà trộn vào vùng giải phóng để hoạt động. Người dân Suối Kiết sống chung quanh ga Suối Kiết, ga Sông Dinh không còn sức chịu đựng được phải chuyển đi nơi khác. Các khu vực này

không còn 1 hộ dân nào sống trong vùng. Một số dân theo cách mạng thì vào rừng tiếp tục chiến đấu, một số đi lánh nạn trong vùng tạm chiến. Một số khác phải tản cư ra các nơi, chủ yếu vào các khu rừng theo từng nhóm hộ để sinh sống để tránh sự bắn phá của địch.

Khi nhân dân tản cư đi các nơi và ra rừng ở, thì bọn chúng ban ngày rải chất độc hoá học khai quang vùng rừng Suối Kiết. Dọc theo Núi Ông chúng cũng rải chất độc hoá học nhằm huỷ diệt cây cối để dễ phát hiện nơi đóng quân của ta. Dọc theo hai bên đường từ Suối Kiết đến Tánh Linh, chúng cho xe ủi từ lề đường vào sâu trong rừng mỗi bên 100 mét, để bảo vệ an ninh cho chúng mỗi khi di chuyển hành quân, nhằm giảm sự tập kích của quân ta. Ban đêm chúng dùng trực thăng rọi đèn pha truy kích những hoạt động của cách mạng. Khi phát hiện những vấn đề khả nghi, hay khu vực có dân ở bọn chúng sẵn sàng ném bom huỷ diệt. Chúng thực hiện phương châm "thà bắn lầm còn hơn bỏ sót", ra sức hủy diệt cây rừng, bắn phá gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động cách mạng và cuộc sống của người dân. Vừa tránh địch, vừa không sản xuất được do địch rải chất độc hoá học,

nên đời sống nhân dân lúc này gặp rất nhiều khó khăn, vô cùng thiếu thốn mọi bề. Những người khoẻ mạnh, thanh thiếu niên đi đào các loại khoai rừng, củ mài, hái lá rừng, măng rừng về ăn để sống và hoạt động. Rừng sâu nước độc, khí hậu nặng nề, dịch bệnh hiểm nghèo xuất hiện tràn lan. Có nhà trong một ngày có 1 đến 2 người chết. Năm 1965, địch tiến hành cuộc càn "Dân sinh 1965" đánh vào vùng giải phóng Hoài Đức - Tánh Linh, mục đích là nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và cơ quan đầu não của ta ở địa phương. Chủ yếu là ở khu vực Bắc sông Tánh Linh. Chúng đưa hết dân Bắc sông của huyện về Nam sông, xây dựng các ấp chiến lược, xoá trắng vùng giải phóng Bắc sông. Chúng huy động lực lượng lên đến 8000 tên, trong đó có 1.840 quân Mỹ, gồm lữ 173 dù Mỹ; các chiến đoàn 43, 48 của sư đoàn ngụy do tên thiếu tướng Lữ Lan chỉ huy; 3 chi đoàn xe tăng, xe bọc thép M113, M118, 100 xe quân sự, 50 xuồng sắt; hàng trăm máy bay trinh sát, trực thăng, khu trục, phản lực; súng các loại... bọn chúng triển khai cuộc càn dài ngày đánh phá ác liệt vào các địa phương. Chúng đi đến đâu, thì nhà cửa, lúa gạo, bị cháy đến đó; người thì chúng giết chết; trâu, bò, heo, gà, vịt đều chết, hoặc bị bắt ăn thịt, cảnh đau thương tang tóc bao

trùm lên 2 huyện; trong đó có cả nhân dân Suối Kiết. Do những khó khăn, khốc liệt, tàn bạo vô nhân đạo mà bọn Mỹ - Ngụy gây nên, để bảo vệ nhân dân, đến thời điểm cuối năm 1966, thực hiện theo chủ trương của trên, nhân dân phải tạm di cư về sống trong vùng địch hậu chờ thời cơ. Họ nhanh chóng đi tìm người quen, bà con để nương tựa tìm kế mưu sinh. Chỉ còn lại một ít bà con dân tộc thiểu số ở Bà Tá còn lại trong vùng căn cứ hoạt động cách mạng.

Đầu tháng 12/1966, Bộ chỉ huy Miền đưa Sư Đoàn 5 (thiếu) về đứng chân tại huyện Tánh Linh, Hoài Đức, gồm có 2 trung đoàn bộ binh (Q4 và Q5) và các đơn vị trực thuộc. Phối hợp với lực lượng địa phương, Trung đoàn 4 và Trung đoàn 5 đánh nhiều nơi, gây thiệt hại nặng cho địch. Đặc biệt, sự có mặt của Sư Đoàn 5 đã góp phần quan trọng giữ vững các vùng giải phóng ở Nam sông, trong đó có Suối Kiết bảo vệ an toàn khu căn cứ Đá Mài. Cuối Năm 1969, Bộ Chỉ huy Miền tiếp tục điều Trung Đoàn 33 đến đứng chân ở địa bàn Hoài Đức-Tánh Linh. Trung đoàn 33 đã đánh nhiều trận suất sắc gây cho địch nhiều thiệt hại. Trong đó, có trận Núi Lốp. Vào tháng 4/1970, sau khi hoạt động ở đường 333 về đứng chân tại Núi Lốp, đông lộ 2, (336),

Trung đoàn 33 đã chống quân Mỹ càn quét, bắn rơi 1 máy bay trực thăng; giết chết tên thiếu tướng Uyliam Bon, Lữ đoàn trưởng 199 của Mỹ. Chiến trường Suối Kiết, Tánh Linh ghi thêm một chiến công đánh Mỹ vào sách sử rất đáng được tự hào (1).

Trong các năm 1973, 1974 trên địa bàn xã Suối Kiết, cửa ngõ của huyện Tánh Linh cũng có nhiều trận đánh, trận tập kích tiêu hao nhiều quân lực địch. Trong đó có trận ngày 04/7/1974. Do bị một đơn vị của Trung đoàn 812 (2) bao vây cứ điểm Hột Xoài ở Nam Sông Phan, trên đoạn từ quốc lộ 1, đi Suối Kiết.

Bị uy hiếp nặng nên ngày 04/7/1974, Tỉnh trưởng Bình Tuy, Huỳnh Công Thành vội vã tung 2 đại đội bảo an lên giải toả. Chúng vừa đến khu vực gần ga Suối Kiết thì lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 840 và 186.Trận này ta diệt hơn 100 tên, số còn lại vội tháo chạy tán loạn về Lagi. Tên Thành chạy thoát được, nhưng sau đó đi máy bay lên thị sát tình hình ở Tánh Linh, lúc về bị quân ta bắn máy bay trung đạn, tên Thành tử thương.

---

(1) *Chiếc ba lô của Uyliam Bon hiện nay đang còn được lưu giữ trưng bày tại nhà truyền thống lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận.*

(2) *Trung đoàn của Quân khu VI, gồm 3d bộ binh, 840, 186, 15 và Tiểu đoàn trợ chiến 130 cùng một số đại đội trực thuộc thông tin, trinh sát, công binh... trung đoàn đã có nhiều chiến công vang dội trong kháng chiến chống Pháp và phát huy truyền thống trong chống Mỹ.*

Ngày 25/12/1974, Chi khu Tánh Linh của địch bị tiêu diệt, toàn huyện Tánh Linh không còn bóng quân địch. Huyện Tánh Linh hoàn toàn giải phóng. Chiến thắng Tánh Linh là tiếng kèn xung trận "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Đây là chiến thắng có ý nghĩa sâu sắc đối với Khu 6 và tỉnh Bình Tuy. Lần đầu tiên sau Hiệp định Pari, có một huyện được giải phóng, báo hiệu cho thời điểm sụp đổ của chế độ Mỹ -Ngụy Sài gòn, góp phần dẫn đến thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/4/1975 Miền Nam được giải phóng, cả nước độc lập đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chiến thắng này làm cho nhân dân Suối Kiết nói riêng, nhân dân Tánh Linh nói chung hết sức vui mừng, phấn khởi. Nhân dân Suối Kiết đi tản cư các nơi, nhưng chủ yếu nhất là bà con ở xã Bà Giêng (xã Tân Xuân ngày nay) - Hàm Tân - Bình Tuy, ở các vùng kháng chiến kéo nhau về quê hương xây dựng cuộc sống mới. Tết 1974, Tết giải phóng đầu tiên, bộ đội cùng nhân dân sum vầy hưởng cái Tết độc lập thanh bình trên quê hương mình.

Trải qua hơn 30 năm chiến đấu đầy gian nan thử thách, hết sức ác liệt, trong 2 cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của dân tộc, cùng với cả nước,

nhân dân Suối Kiết chịu nhiều hy sinh, mất mát, đau thương.

Địa bàn xã Suối Kiết là cửa ngõ của huyện Tánh Linh. Đối với ta là khu vực trọng yếu ngăn chặn không cho địch tiến quân vào trung tâm huyện lỵ Tánh Linh, chặn đánh các đợt chi viện của chúng. Đối với địch đây là cửa ngõ để tiến đánh chiếm Tánh Linh, là đường chi viện khi chi khu bị ta tấn công.

Do đó Suối Kiết, liên tiếp trong 2 thời kỳ kháng chiến của dân tộc là chiến trường khốc liệt giữa ta và địch. Đồng thời là "vựa gỗ" lớn cho quan thầy Pháp-Mỹ và bè lũ tay sai khai thác làm giàu. Có lúc thời điểm chiến tranh lên đến mức khốc liệt, nhân dân không thể sống được đành phải rời bỏ quê hương tản cư đi nơi khác lánh nạn, chỉ còn lại một số ít đồng bào dân tộc thiểu số bám trụ. Từ năm 1964, đến 1975 là nơi đứng chân của Khu VI, căn cứ kháng chiến của tỉnh, huyện, là chiến trường giữa ta và địch. Nhưng nhân dân Suối Kiết vẫn một lòng, một dạ theo Đảng, theo Bác Hồ. Đoàn kết các dân tộc trong xã cùng các lực lượng của Quân Khu, của tỉnh, huyện đóng chân trên địa bàn không sợ hy sinh, gian khổ ra sức chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.

*Chương IV*

# CỦNG CỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, RA SỨC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG (GIAI ĐOẠN 1975-1980)

## I. HÌNH THÀNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG:

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất Đảng và nhà Nước ta đã tập trung khôi phục tuyến đường sắt Bắc - Nam. Ở xã Suối Kiết có 3 ga xe lửa đi qua, gồm: Ga Sông Dinh, Ga Suối Kiết và Ga Gia Huynh (1) Các đoàn tàu chợ từ Phan Thiết đi Sài Gòn đều dừng lại ở các ga này. Từ đây, Suối Kiết bắt đầu hình thành các nhóm dân cư, chủ yếu là dân di cư các nơi trước năm 1975, nay trở về quê hương sinh sống, lập nghiệp.

Trong số đó, đa phần là dân Tân Hà, Tân Nghĩa, Tân Xuân thuộc Huyện Hàm Tân. Một số hộ khác ở Lạc Tánh, khu căn cứ... đến Suối Kiết lập nghiệp. Những hộ này đều là hộ nghèo kiếm đất lập nghiệp nhưng do sốt rét rừng gây ra thành dịch do đó cuộc sống của họ gặp nhiều khó khăn.

---

(1) *Lúc này Gia Huynh còn nằm trong xã Suối Kiết*

Cuối tháng 12/1975, đến năm 1978 trên địa bàn xã đã được hình thành 04 thôn, bao gồm:

**1. Thôn Sông Dinh** lúc bấy giờ còn trực thuộc xã Tân Minh, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Từ năm 1975 - 1978, thôn 3 Sông Dinh thuộc xã Tân Minh, huyện Hàm Tân tổ chức chính quyền gồm: Trưởng thôn là ông Nguyễn Văn Mười, người Bến Tre; Thư ký thôn ông Phan Văn Nghê; Công an thôn là ông Ngô Văn Điệp, Thôn Đội trưởng là ông Phan Văn Lực; ông Trần Văn Điệp là đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tân Minh, Uỷ viên Uỷ ban nhân dân làm Trưởng ban Kinh tế tài chính xã. Toàn thôn có 91 hộ, với khoảng trên 200 khẩu; thôn được chia ra làm 03 xóm:

+ Xóm 1: chủ yếu là đồng bào dân tộc Rắclây sinh sống, gồm có 32 hộ từ xã Bà Giêng (nay là xã Tân Xuân) và thôn Đông Hải (xã Tân Hà) thuộc Huyện Nghĩa Lộ *(tức là Huyện Hàm Tân)* đến, bà con chủ yếu sống bằng nghề rừng, múc dầu rái, hái măng tươi và săn bắn thú rừng.

+ Xóm 2: gồm có 33 hộ từ xã Tân Hà, huyện Hàm Tân di cư tự do đến.

+ Xóm 3: gồm có 36 hộ từ xã Tân Nghĩa - Hàm Tân và một số ở xã Tân Xuân - Tân Minh đến

lập nghiệp, khai hoang phục hoá đất để sản xuất và làm nghề rừng. Đến cuối năm 1978, thôn Sông Dinh được giao về xã Suối Kiết, huyện Tánh Linh do ông Nguyễn Xuân làm thôn Trưởng.

**2. Thôn Suối Kiết** được hình thành từ năm 1976. Thôn Suối Kiết (thôn 1 ngày nay), do ông Nguyễn Văn Ba làm Trưởng thôn; đến năm 1978 ông Nguyễn Đài làm Trưởng thôn; ông Hoàng Ngọc Bích - Phó thôn. Đến năm 1980 do ông Nguyễn Thượng Hùng làm Trưởng thôn. Nhân dân thôn Suối Kiết lúc bấy giờ có khoảng 50 hộ, với trên 100 khẩu, chủ yếu sinh sống xung quanh khu vực ga Suối Kiết. Số dân cư này chủ yếu từ các nơi khác về sau ngày 30/ 4/1975. Trong đó chủ yếu là những người dân của Suối Kiết đi tản cư lên Lạc Tánh, nay họ trở về. Có 1 số từ huyện Xuân Lộc tỉnh Đồng Nai ra. Một số từ Phan Thiết vào và 1 số dân miền Trung theo tàu di cư đến đây để lập nghiệp. Đời sống chủ yếu của các hộ dân này chủ yếu làm lá buông chở đi Phan Thiết bán; làm nghề rừng và múc dầu rái đi Sài Gòn bán lấy tiền trang trải cuộc sống...

**3. Thôn Gia Huynh** hình thành năm 1978, do ông Nguyễn Văn Thu làm Trưởng thôn, ông Mai

Văn Mích - Phó thôn; đến năm 1980, ông Nguyễn Chương làm Trưởng thôn. Thời kỳ sau 1975 đồng bào dân tộc thiểu số và người Kinh từ Biên Hoà (Đồng Nai) ra mua bán và làm nghề rừng khoảng 30 hộ, với gần 100 khẩu sinh sống quanh ga Gia Huynh. Đến năm 1977 một số dân từ Huế đến lập nghiệp và lần lượt vào thêm khoảng 50 hộ chủ yếu mua bán dầu rái, chai cục (1) và làm nghề rừng.

**4. Thôn Bà Tá** hình thành năm 1975, thuộc xã Lạc Tánh, do ông Nguyễn Tấn Vinh làm Trưởng thôn; ông Nguyễn Nhị làm Phó thôn; người dân thôn Bà Tá chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có khoảng 60 hộ, với khoảng 150 khẩu và một số ít dân quê gốc Bình Định, Phú Yên vào sinh sống. Đặc biệt, vùng này có khoảng 26 ha ruộng làm lúa nước và cây dầu rái mọc dày đặc, to từ 1 đến 2 người ôm, cao vút từ 10 đến 15 mét. Đây là những khu rừng dầu mọc tự nhiên hàng trăm năm qua, người dân đến khoanh vùng để làm sở hữu riêng của mình. Nhà nào đông người, có lao động thì chiếm 2-3 lô. Người dân ta có tập tục, lối sống, lệ, trở thành quy định mà ai cũng chấp nhận,

(1) *Loại nhựa của cây dầu rái sau khi múc dầu đốt miệng dầu chảy ra, người dân cạy đem về làm chất đốt và đưa về Phan Thiết, Miền Tây nấu lấy dầu trét ghe, thuyền... nhiều việc cần thiết khác trong cuộc sống.*

không những dầu rái mà còn những thứ khác như gốc cây, tổ ong, đất đai hoang hoá... người nào thấy trước làm dấu thì mãi mãi là của người đó không ai xâm phạm. Do vậy, hầu như nhà nào ở đây cũng có 1 hoặc 2 lô rừng dầu mà do mình phát hiện được, cứ hàng ngày đến để khai thác, sinh sống. Một số người dân khác còn làm thêm ruộng lúa, hoa màu để tăng thu nhập.

Trên địa bàn xã Suối Kiết, sau năm 1975 vẫn duy trì các ga xe lửa. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về khôi phục các đoạn đường sắt để đáp ứng nhu cầu đi lại sinh hoạt của nhân dân cả nước. Các đoạn đường sắt tại Suối Kiết cũng được khôi phục tu sửa nâng cấp. Từ ngày 12/8-08/9/1975 huyện Tánh Linh đã huy động hàng triệu ngày công của nhân dân tham gia tu sửa đường sắt từ ga Gia Huynh đi Sông Phan, Suối Kiết góp phần khai thông đường sắt Bắc - Nam trong năm 1976. Các trưởng ga thời kỳ năm 1975 đến năm 1980 đều do các ông trước đây đã từng làm cho chế độ cũ được ta sử dụng làm trở lại, như ga:

+ Ga Sông Dinh từ năm 1975 - 1977 do ông Nguyễn Hữu Thâm làm Trưởng ga; từ năm 1977 - 1980 do ông Nguyễn Văn Kiệu làm Trưởng ga.

+ Ga Suối Kiết từ năm 1975 - 1980 do ông Nguyễn Văn Ngoạn làm Trưởng ga.

+ Ga Gia Huynh từ năm 1975 - 1980 do ông Nguyễn Đức Hùng làm Trưởng ga.

Giai đoạn này trên địa bàn xã Suối Kiết còn có đơn vị Lâm trường Thuận Hải II [1] được hình thành năm 1977, do ông Lê Thọ Bân làm Giám đốc từ năm 1977 - 1980. Sau này đổi tên thành Lâm trường Tánh Linh, rồi Lâm trường Quân đội, sau chuyển thành Công ty Lâm nghiệp Sông Dinh. Năm 2006 Chi bộ đầu tiên được thành lập, có 05 đảng viên, Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2006-2010 do ông Nguyễn Văn Thành làm Bí thư chi bộ. Chi bộ lãnh đạo quản lý bảo vệ trên 6000 ha rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh trên 4000 ha cao su.

Suối Kiết là vùng đất có rất nhiều cây buông mọc. Các vị cao niên ở Suối Kiết cho biết: bất cứ mảnh đất nào của Suối Kiết nếu để tự nhiên thì sẽ có cây buông từ dưới đất mọc lên. Cây buông mọc

---

(1) *Tức là Lâm trường Tánh Linh; năm 1992 Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 541, quy định lại trong tỉnh có 11 lâm trường quốc doanh, là đơn vị kinh tế cơ sở trực thuộc quản lý của Sở Nông - Lâm nghiệp về mặt nhà nước; trong đó huyện Tánh Linh có 03 lâm trường: La Ngà, Tánh Linh, Sông Dinh; riêng lâm trường quốc doanh Sông Dinh trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; năm 2010 chuyên thành Công ty Lâm Nghiệp Sông Dinh.*

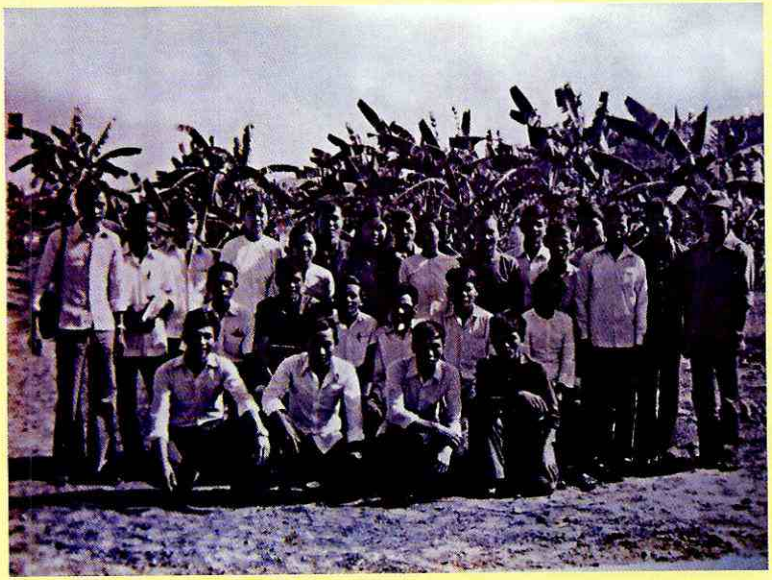

Các đồng chí lãnh đạo xã Suối Kiết
giai đoạn (1977-1980)

rải rác hàng ngàn ha. Nhưng cây buông mọc dày đặc có khoảng trên 1000 ha; có thể nói Suối Kiết là vùng có cây buông nhiều nhất nước.

Sau những năm 1990, do di dân tự do nhiều nơi đến lập nghiệp, cộng với sự phá rừng bừa bãi làm cho diện tích cây buông ngày càng thu hẹp. Trước tình hình đó, thực hiện theo sự chỉ đạo của tỉnh, năm 1997 Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Suối Kiết được hình thành (gọi tắt là HTX), theo Quyết định số 194 ngày 07/5/1997 của UBND huyện Tánh Linh. Tiếp đó, Uỷ ban nhân dân huyện Tánh Linh có Quyết định số 195, ngày 07/5/1997 chuẩn y Ban Quản lý Hợp tác xã, Chủ nhiệm là ông Nguyễn Tấn Sen, Phó Chủ nhiệm ông Lê Tấn Đông, Kế toán trưởng ông Nguyễn Đình Hoè. Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh của HTX, sự thống nhất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận có Công văn số 186, tháng 9/2001, tháng 9/2001 Uỷ ban nhân dân tỉnh có Công văn số 4051 giao cho Hợp tác xã Lâm - nông nghiệp Suối Kiết 814 ha đất lâm nghiệp thuộc tiểu khu 332.

Mục đích hoạt động của Hợp tác xã là quản lý, phục hồi, nuôi dưỡng, bảo tồn gen, trồng và phát triển cây buông, nhằm phát triển sản xuất, chế

biến mặt hàng công - mỹ nghệ xuất khẩu góp phần nâng cao đời sống nhân dân, ổn định tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường. Nhưng do đất đai ngày càng ít, các loại cây trồng khác như cao su, cây ăn quả... có giá trị kinh tế cao, nên diện tích cây buông ngày càng thu hẹp. Đến năm 2010 tỉnh phê duyệt HTX quản lý trên 300 ha cây buông. Một số hộ khác cũng làm nghề rừng khai thác song mây, săn bắt thú rừng, lấy mật ong. Cho nên thời kỳ này ở Suối Kiết hộ nào có nhiều lô dầu rái, múc cạo, thì hộ đó có thu nhập khá hơn. Trong thời kỳ bao cấp các mặt hàng mây, tre, lá làm ra khó tiêu thụ, các địa phương đều tự cung tự cấp. Riêng đồng bào dân tộc thiểu số, đa số sống bằng nghề múc dầu rái, chặt sống lá buông để vót đũa; săn bắt, hái lượm tại rừng, làm rẫy, đời sống du canh du cư. Đời sống của đồng bào hết sức khổ cực, bà con đào củ khoai mỳ, khoai mài, khoai sọ để đủ sống qua ngày, hạt gạo rất khan hiếm.

Mặc khác, Suối Kiết còn là nơi có bệnh sốt rét rất ác liệt. Hầu như bất kể người nào đến đây đều bị căn bệnh nguy hiểm này. Có người trong năm bị từ 3 đến 4 lần sốt rét. Sốt rét kinh niên, sốt

dai dẳng nên không có thuốc đủ để điều trị. Cuối năm 1975, trong vòng chỉ có 02 tháng người dân các nơi mới đến thôn Sông Dinh có khoảng 90 hộ, với 399 nhân khẩu, thì đã có trên 100 người mắc bệnh sốt rét, trong đó có 23 người bị chết làm cho toàn thôn hoang mang. Bệnh viện Hàm Tân tổ chức cho Y, Bác sỹ đến khám điều trị và cứu sống trên 100 người đang bị sốt. Trong thời kỳ này, không người nào tránh khỏi bị sốt rét, mỗi người ít nhất bị sốt rét hành hạ 1 đến 2 lần /1 năm. Đỉnh điểm sót sét có lúc làm chết 28 người trong 1 tháng. Sốt sét ở Suối Kiết nổi tiếng ai cũng biết. Người dân Suối Kiết bị sốt rét chuyển đến Bệnh viện Phan Thiết, chỉ cần nói dân kinh tế mới ở Suối Kiết là các Bác sỹ ở đây cho nhập viện ở khu cách ly ngay khỏi cần làm thủ tục nhập viện. Trung ương cũng nghe tiếng sốt sét ở Suối Kiết, nên cử một Đoàn kỹ sư nguyên cứu côn trùng học và Bác sỹ ở Phân viện Sốt rét Quy Nhơn và Trạm sốt rét tỉnh về bắt muỗi xét nghiệm ký sinh trùng để nghiên cứu thuốc chữa bệnh.

Bị sốt rét hành hạ khủng khiếp đến nổi nhân dân lúc này có câu "nhất Kiết nhì Huynh, tam Dinh, tứ Vận" (1) để nói đến khí hậu độc hại và

(1) *Các địa danh Suối Kiết, Gia Huynh, Sông Dinh, ga Suối Vận*

vùng sốt rét khốc liệt ở các vùng kinh tế mới ở Tánh Linh.

Về hoạt động của các đoàn thể, thời điểm này các phong trào đều rất lớn mạnh hỗ trợ cho nhau vượt qua nạn đói, xóa được mù chữ, điển hình như các phong trào đoàn thanh niên do đồng chí Ngô Văn Điệp và đồng chí Trần Văn Điệp phụ trách ngày càng hoạt động nề nếp, hiệu quả đi vào chiều sâu; đồng chí Ngô Thị Xuân Huệ phụ trách đội thiếu niên nhi đồng; cán bộ chi hội thanh niên được thành lập quản lý theo chương trình hành động hàng tuần, tháng, quý, năm theo phong trào thanh niên tiên tiến, thanh niên xung kích làm chủ tập thể.

Thanh niên xung kích đi đầu trong phong trào diệt dốt có phong trào xây dựng trường học. Trường tiểu học Suối Kiết và trường mẫu giáo điều do sức của thanh niên đóng góp như chặt cây tre, lá và công sức để làm. Từ đó, các em có nơi học tập. Người lớn được học bổ túc văn hóa và xoá mù chữ vào ban đêm. Từ đồng bào người Kinh đến đồng bào dân tộc thiểu số đều tham gia học tập rất tích cực. Nhờ vậy, trong vòng 3 năm liên tục xã Suối Kiết cơ bản đã xóa được mù chữ. Đội ngũ giáo viên được thanh niên trong xã có trình độ từ lớp 9 đến lớp 12 phụ trách như cô Cúc, cô Hoa, cô Vang,

anh Diện, anh Tứ, anh Anh, anh Nhu... hoạt động rất tích cực.

Xóa đói nghèo, thanh niên đi đầu trong lao động sản xuất, xây dựng tổ vần đổi công, đội sản xuất tập đoàn sản xuất. Ngoài ra xã đoàn còn tổ chức phát động hàng tháng thực hiện phong trào bỏ ra một ngày công lao động Xã hội Chủ nghĩa để gây quỹ giúp đỡ cho những thanh niên có cuộc sống khó khăn, hoặc bệnh tật ổn định cuộc sống.

Trong tổ chức Hội phụ nữ, lúc này do đồng chí Lê Thị Lê và Phạm Thị Hoa đảm nhiệm. Trong công tác của Hội, nổi lên có phong trào vượt qua khó khăn đói khổ sau chiến tranh, hăng hái lao động sản xuất chăm lo đời sống gia đình mang lại hiệu quả cao. Phong trào nông dân do đồng chí Nguyễn Văn Thạnh, Đoàn Hoạch phụ trách vận động nông dân lao động sản xuất đi vào làm ăn tập thể hổ trợ cho nhau lúc khó khăn hoạn nạn, góp phần ổn định cuộc sống.

Cuối năm 1978, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đức Linh quyết định thành lập Chi Bộ lâm thời xã Suối Kiết (1978 - 1979) với 04 đảng viên; các đồng chí đảng viên hầu hết là do huyện tăng cường về xã công tác, được bố trí công việc như sau:

1. Đ/c Nguyễn Đông Ty - Bí thư chi bộ;
2. Đ/c Nguyễn Quang Chính - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
3. Đ/c Nguyễn Quang Tuyết- (đại uý) xã Đội trưởng;
4. Đ/c Trịnh Thị Thanh - Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã;

Huyện còn tăng cường đồng chí Huỳnh Ngọc Tâm, cán bộ Huyện đoàn giữ chức Uỷ viên thư ký Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Nguyễn Đức Ruân cán bộ Mặt trận... Trụ sở làm việc của Chi uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các đoàn thể là một ngôi nhà lợp lá buông, vách lá chung quanh, do nhân dân giúp đỡ xây dựng; bàn ghế chủ yếu bằng tre (đóng tại thôn 1 ngày nay); cán bộ xã xong làm việc nghỉ lại chủ yếu là nằm võng và ở một số nhà dân.

Ngày 13/5/1979, nhân dân xã bầu cử Hội đồng nhân dân xã khoá I, nhiệm kỳ 1979-1982 gồm có 12 đồng chí; công tác cán bộ xã được phân công như sau:

1. Đ/c Nguyễn Đông Ty - Bí thư chi bộ;
2. Đ/c Nguyễn Quang Chính - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
3. Đ/c Nguyễn Đức Ruân - Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã;

4. Đ/c Nguyễn Quang Tuyết (Đại úy) xã Đội trưởng;

5. Đ/c Nguyễn Quốc Dũng - Trưởng Công an xã, sau đó thay đồng chí Bùi Ngọc Lực;

6. Đ/c Huỳnh Ngọc Tâm - Uỷ viên thường trực. Sau đó thay đồng chí Nguyễn Thượng Hùng.

7. Đ/c Trần Văn Điệp - Kinh tế tài chính.

8. Đ/c Dương Văn Nhu - Kế toán ngân sách xã.

9. Đ/c Nguyễn Văn Huê - Chủ tịch Nông hội.

10. Đ/c Trịnh Thị Thanh - Chủ tịch Hội phụ nữ.

11. Đ/c Nguyễn Thị Thu Hoài - Phụ trách thương nghiệp.

12. Đ/c Ngô Văn Điệp - Bí thư đoàn sau đó (thay đồng chí Lực làm trưởng Công an xã).

Đến năm 1979, công tác cán bộ xã có sự thay đổi đồng chí Lực được bố trí làm Trưởng Công an. Ban Công an xã gồm có: đồng chí Bùi Ngọc Lực - Trưởng Công an; đồng chí Nguyễn Quốc Đài - Phó trưởng Công an, phụ trách hộ khẩu và một số công an viên khác phụ trách các thôn.

Phụ trách Nông - lâm nghiệp được thay thế đồng chí Dương Thanh Long; đồng chí Phan Văn

Nghê phụ trách Hợp tác xã mua bán. Năm 1980 ông Huỳnh Ngọc Tâm được rút về Huyện đoàn Đức Linh, ông Nguyễn Thượng Hùng lên thay; ông Nguyễn Minh - Xã Đội trưởng; ông Dương Thanh Sơn Xã Đội phó; ông Nguyễn Thanh Vân phụ trách công tác Quản lý thị trường; bà Lê Thị Thu - y tá làm Trưởng trạm; ông Hoàng Trang phó trạm. Sau khi được thành lập, Chi uỷ lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội; ổn định về tình hình an ninh trật tự xây dựng quê hương có nhiều chuyển biến.

**Về giáo dục** những ngày đầu giải phóng (năm 1975), sau khi ổn định xong nhà cửa, người dân chú ý đến công tác giáo dục. Chi uỷ, chính quyền địa phương vận động nhân dân tự chặt cây tre, nứa, lá buông làm lớp học. Bàn ghế học sinh và giáo viên đều làm bằng tre. Bước đầu hình thành 5 lớp cho các cháu tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5. Đến năm học 1977 - 1978 có 2 lớp mẫu giáo trực thuộc xã Tân Minh quản lý. Trường tiểu học Suối Kiết do thầy Nhơn làm Hiệu trưởng, giáo viên gồm có: thầy Thân, thầy Thận, cô Cúc, cô Hậu; giáo viên mẫu giáo có cô Huệ và cô Hoa. Tất cả giáo viên đều ở nhà dân. Từ cơ sở ban đầu như trên, các năm sau hình thành các lớp 6 - 7. Trung Học cơ sở, Sở Giáo dục điều động thầy Châu người Phan Thiết lên làm

Hiệu trưởng. Sau vài năm công tác tại Suối Kiết do bị sốt rét nên năm 1980, thầy Châu chết. Tiếp đến những năm sau có các thầy Danh, thầy Trung làm Hiệu trưởng, sau đó thay thầy Hồng. Do bị bệnh sốt rét ác tính nặng lâu ngày chích thuốc nhiều, nên về sau thầy Hồng bị liệt thần kinh chỉ nằm một chỗ không đi lại được.

**Về công tác xã hội** sau khi đường tàu lửa được phục hồi đi vào vận chuyển hàng hóa và hành khách. Trên tuyến tàu lửa Bắc - Nam nổi lên những băng cướp hoạt động làm cho những người đi tàu rất lo lắng. Bọn này chuyên cướp tài sản, hàng hoá của khách trên tàu. Chúng lợi dụng các ga nằm ở ven rừng ở Suối Kiết, khi bọn chúng cướp xong nhảy xuống tàu lẩn vào rừng (nhất là đoạn đường từ ga Gia Ray đến Mương Mán). Suối Kiết là địa bàn kinh tế mới, vùng rừng núi, vùng có nhiều ga tàu lửa chạy qua nên thường có những vụ cướp xảy ra. Nhiều nhất là ở các nhà ga tàu lửa. Hầu hết các vụ cướp này đều do các băng cướp ở Sài Gòn, Biên Hòa, Nha Trang thực hiện. Qua thời gian theo dõi, lực lượng công an đường sắt phối hợp với địa phương tiến hành phục bắt ráo riết từ năm 1978-1980, bọn cướp bị xóa sổ hoàn toàn, 1 số chuyển nghề ra làm ăn lương thiện, có một số ở lại Suối Kiết lập nghiệp.

Riêng vụ "Ngã ba xác chết" làm kinh hoàng người dân lúc bấy giờ. Thời kỳ trước năm 1975, con đường ngã ba xác chết chỉ là một đường xe be đi lấy cây gỗ còn lại của thời kỳ trước giải phóng, sau nhiều năm không người đi lại cây rừng bắt đầu phủ kín đường. Đến lúc dân cư về lại sau năm 1975 đi lại nhiều để múc dầu rái khai thác lá buông, song mây nên thành đường mòn. Đến năm 1976 trong lúc trời mưa tầm tã vào khoảng 8 giờ tối đoàn tàu Phan Thiết từ Sài Gòn về đến đầu Ghi Nam giảm tốc độ vào ga Suối Kiết. Có một băng cướp sau khi trấn lột từ ga Trảng Táo - Gia Huynh về đến đây nhảy xuống tàu đi vào rừng chia nhau tiền vàng cướp được. Do chia không đồng đều gây ra sự thanh toán nhau bằng dao, kết quả có 3 người chết tại chỗ phía Ghi Nam, cách đường sắt khoảng 100 mét trong rừng. Tại khu vực này do không có nhà cửa dân ở nên đến ngày hôm sau một số người dân đi múc dầu phát hiện, họ về nhà kêu thêm người vào đào đất chôn 3 xác chết. Từ đó người dân đặt tên chỗ này là đường ngã ba xác chết.

Trong thời kỳ này tình hình an ninh chính trị vô cùng phức tạp, bọn phản động trốn cải tạo nổi lên chống phá cách mạng. Bọn "phục Quốc" ở Tân Minh hình thành có nhiều hoạt động gây hại cho ta. Sau các sự việc bọn phản động gây ra, chúng ta đã

tổ chức truy quét tại núi Mâm và các vùng lân cận bắt trọn ổ bọn này đưa ra xét sử. Mặt khác, bọn tàn quân co cụm về Suối Kiết hoạt động, chính quyền xã với sự hỗ trợ của lực lượng của huyện, tỉnh, truy quét bọn này bỏ chạy về Lâm Đồng và Miền Tây Nam Bộ.

**Về công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số** ở Suối Kiết giai đoạn này đa số là dân tộc Rắclây, có phong tục sống du canh - du cư, do có đặc thù phải trồng lúa mạ. Lúa mạ là giống lúa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, phải trồng trên rẫy mới phát triển được. Theo phong tục tập quán trước khi xuống giống phải cúng trời đất, sau khi thu hoạch cũng phải cúng vái tạ trời đất, mới được đưa về nhà. Về nhà trước tiên cúng ăn mừng cơm mới. Có nhiều hộ gia đình khá giả cúng ăn mừng cơm mới đánh phèng la, đánh chiêng ăn uống say sưa suốt cả tuần lễ. Sau khi cúng xong lúa mới thu hoạch đó mới được sử dụng. Về lễ nghi, mỗi lần cúng đều phải có rượu cần, hột gà, dừa, cà khô, đồng thời mổ thịt dê, gà ăn mừng. Riêng đồng bào dân tộc Châu Ro ở Gia Huynh - Bà Tá, ở thôn 2, ngoài việc làm lúa rẫy họ còn hái lượm, săn bắn trái cây, thú rừng để sống. Thời kỳ này thú rừng nhiều

vô kể. Chỉ cần vài lần đi thăm bẫy với cung tên, ná đi vài tiếng đồng hồ là có thú rừng đem về ăn thịt.

Thậm chí ra phía sau nhà cũng săn bắt được thú về ăn thịt. Heo rừng, khỉ, chồn, thậm chí có lúc cọp ở lẩn quẩn sau nhà. Bà con kể thú rừng có con Cheo không cần bắn trúng, chỉ nghe tiếng súng nổ là nó chết ngất. Một số hộ khác có lô dầu rái lấy dầu và chai dầu thì cuộc sống khá giả hơn.

Từ năm 1975 - 1980, đời sống của nhân dân Suối Kiết chỉ có một phần nhỏ làm nông 26 ha tại thôn Bà Tá, Gia Huynh, còn lại hầu hết đều làm nghề rừng và buôn bán tại các ga tàu lửa để sinh sống. Các ngành nghề tiểu - thủ - công - nghiệp hầu như không có gì. Đời sống chủ yếu làm củi, khai thác lá buông bán cho đường tàu ở 3 ga và một số mang về Sài Gòn bán. Đặc biệt trong thời kỳ 1975 - 1980, ai sống trên vùng đất Suối Kiết đều bị sốt rét nặng, nhất là những người mới đến. Nhưng nhờ Suối Kiết có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhất là rừng và đất đai trù phú màu mỡ, nên đã giữ chân được các hộ gia đình di cư đến làm ăn sinh sống và ngày càng phát triển đông đúc như ngày nay.

*Chương V*

# THÀNH LẬP XÃ SUỐI KIẾT, TẬP TRUNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG (GIAI ĐOẠN 1980 - 1986)

## 1. Tiếp tục củng cố hệ thống chính trị (1980 - 1983):

Cuối năm 1979, một số cán bộ do huyện tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền tại Suối Kiết được rút lại về huyện, chỉ còn lại các đồng chí phụ trách Công an, Quân sự. Năm 1980, Huyện uỷ Đức Linh ra quyết định chuyển đồng chí Phạm Văn Hồng về giữ chức Bí thư xã. Toàn xã lúc này chỉ có 01 đảng viên là đồng chí Phạm Văn Hồng vừa mới được tăng cường. Đến năm 1981 huyện tăng cường đồng chí Nguyễn Phước Biên - Trung uý, đảng viên là người dân tộc thiểu số thuộc Ban Chỉ huy quân sự huyện về giữ chức Xã Đội trưởng. Bức xúc trước tình hình đó, địa phương có tờ trình đề nghị huyện

cho mở 01 lớp đối tượng đảng (lớp bồi dưỡng kết nạp đảng) tại Suối Kiết. Huyện uỷ thống nhất chỉ đạo các Ban Đảng Huyện uỷ trực tiếp xuống Suối Kiết mở lớp đối tượng Đảng, có một số quần chúng ưu tú của các đơn vị khác cũng theo học như: Lâm Trường Tánh Linh, Lạc Tánh, gồm gần 20 đồng chí. Qua lớp này Chi bộ Đảng xã Suối Kiết kết nạp được 04 đồng chí đảng viên, đó là đồng chí Ngô Văn Điệp, đồng chí Trần Văn Điệp, đồng chí Mang Minh và Trần Thị Ngọc Huệ. Chi bộ lúc này lên đến 06 đảng viên. Hội đồng nhân dân xã cũng đã tiến hành bầu cử khóa II, (nhiệm kỳ 1981 - 1983) gồm có 11 đồng chí. Sau Đại hội Chi bộ và bầu cử Hội đồng nhân dân, công tác cán bộ xã được phân công:

1. Đ/c Phạm Văn Hồng - Bí thư xã;
2. Đ/c Phan Văn Nghê - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã;
3. Đ/c Nguyễn Phước Biên - Phó Chủ tịch kiêm Xã Đội Trưởng;
4. Đ/c Nguyễn Thượng Hùng - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
5. Đ/c Ngô Văn Điệp - Trưởng Công an;
6. Đ/c Trần Văn Điệp - Uỷ viên thư ký UBND xã;

Từ trái qua phải đ/c Trần Thị Ngọc Huệ, Bí thư Chi bộ giai đoạn 1987 - 1989; đ/c Phạm Văn Hồng, Bí thư Chi bộ giai đoạn 1980 - 1986; đ/c Lê Thị Lan cán bộ Phụ nữ xã

7. Đ/c Nguyễn Văn Bảy - Uỷ viên Tài chính;
8. Đ/c Trần Thị Ngọc Huệ - Trạm trưởng y tế;
9. Đ/c Đỗ Thị Vấn - Chủ tịch Hội phụ nữ;
10. Đ/c Dương Thanh Long - Chủ tịch Hội nông dân;
11. Đ/c Lê Đình Anh - Bí thư đoàn;

Các đồng chí xã đội phó và Công an phó, các phó đoàn thể vẫn giữ nguyên như trước đây.

Sau khi củng cố hệ thống chính trị, Chi uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội, nhưng kết quả đạt được rất hạn chế. Tất cả các thôn trên địa bàn đều thành lập tập đoàn sản xuất và các đội sản xuất nông nghiệp. Nhưng hầu hết các tập đoàn sản xuất và đội sản xuất hoạt động không có hiệu quả. Do đặc thù địa phương không có đất sản xuất nông nghiệp như các địa phương khác, nên sau thời gian rồi dần dần tự tan rã. Các hộ xã viên tập trung làm nghề rừng để kiếm sống, như các công việc trước đây, như: lấy củi, chặt lá buông, lấy măng, song mây, ngoài ra còn đi hái trái rừng như Thanh Trà, Sa Nhân, trái Ươi và đi rừng lấy Trầm Hương... bán lấy tiền sinh sống. Bên cạnh đó, có một số hộ còn làm thêm công việc như múc dầu rái, lấy chai cục, đơm cá, tép dọc bờ các

con sông; săn bắt thú rừng. Trong thời gian này thực hiện chủ trương kế hoạch hoá tập trung, bao cấp, nên hàng hoá đều bị quản lý rất nghiêm ngặt; nội bất xuất, ngoại bất nhập, từ đó đời sống của nhân dân đã khó lại càng khó khăn hơn. Việc mua đi, bán lại chỉ diễn ra lén lút không quản lý được.

Cuối năm 1980, dân di cư tự do từ Miền Trung đổ vào các ga ở Suối Kiết theo các đoàn tàu lửa Bắc- Nam đến Suối Kiết, nhất là nhân dân các tỉnh Nam Hà, Quảng Trị vào. Có lúc trong 01 ngày, có trên 100 hộ xuống tàu định cư tại Suối Kiết. Trước tình hình đó Chi uỷ, Chính quyền địa phương kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo Ban Kinh tế mới huyện phối hợp với xã giúp đồng bào nơi ăn, chốn ở ổn định cuộc sống. Số bà con này được bố trí nơi ở từ đầu dốc sỏi (nơi giáp ranh xã Gia Huynh ngày nay), đổ về hướng xã Suối Kiết.

Sau khi bà con ổn định chỗ ở, được cấp đất làm nhà, cấp phát gạo để ổn định cuộc sống, thì xuất hiện dịch sốt rét đối với những người mới đến. Chỉ tính riêng trong Tết Nguyên đán năm 1981, khu vực này có trên 10 người bị chết do sốt rét ác tính gây nên, đa số là phụ nữ có thai và trẻ em. Phòng Y tế phối hợp với địa phương tổ chức dập dịch nhưng cũng không dập tắt được nạn dịch này, làm

Cô giáo: Lê Thị Huệ cùng các cháu Mẫu giáo Sông Dinh - năm 1984

cho bà con hoang mang, lo lắng, một số di tản lên vùng Đức Thuận, Đức Bình để ở, một số vào thôn Bà Tá, số bám trụ lại còn khoảng 20 hộ. Các hộ này sau này ở rải rác dọc theo 2 bên đường DT 720. Năm 1981 thôn kinh tế mới này được thành lập, ông Nguyễn Văn Cương làm Trưởng thôn; phụ trách Kinh tế mới là ông Nguyễn Ngọc và ông Nguyễn Văn Tám (gọi là Tám Lồ ồ). Tại đây cũng đã xây dựng được 01 trường tiểu học, nhưng sau đó dần dần không có đủ học sinh, nên một số em theo học phải xuống đến trường Tiểu học Sông Dinh để học.

Tình hình an ninh trật tự thời gian này được tăng cường, công tác kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu được thường xuyên, do vậy không xảy ra những vụ việc lớn và phức tạp. Đội quản lý thị trường thường xuyên kiểm tra ở các ga Sông Dinh, Suối Kiết và Gia Huynh, cũng như trục đường DT 720, nơi cửa ngõ của huyện ra căn cứ và vào thành phố Hồ Chí Minh nên ngăn chặn hạn chế được nạn buôn lậu xảy ra.

**2. Chia tách xã Suối Kiết (1983 - 1986)**

Sau Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ III, thực hiện Quyết định số 204/HĐ, ngày

30/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 01 tháng 5 năm 1983 Huyện Đức Linh được chia thành 2 huyện: huyện Đức Linh và huyện Tánh Linh. Tiếp đến ngày 28 tháng 11 năm 1983, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định Số: 140/HĐ về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Thuận Hải, trong đó có xã Suối Kiết huyện Tánh Linh. Quyết định phân vạch địa giới xã chia xã Suối Kiết thành 2 xã, lấy tên là xã **Suối Kiết** và xã **Gia Huynh**.

Địa giới của xã Suối Kiết ở phía Đông giáp xã Hàm Thạnh (thuộc huyện Hàm Thuận Nam) phía Tây giáp xã Gia Huynh, phía Nam giáp xã Tân Minh, xã Tân Nghĩa (thuộc huyện Hàm Tân) và xã Tân Lập (thuộc huyện Hàm Thuận Nam), phía Bắc giáp xã Lạc Tánh. Với diện tích 21.000 ha; dân số 256hộ/1.204 khẩu.

Địa giới của xã Gia Huynh ở phía Đông giáp xã Suối Kiết và xã Lạc Tánh; phía Tây giáp xã Trà Tân và xã Tân Hà (thuộc huyện Đức Linh); phía Nam giáp xã Tân Minh (thuộc huyện Hàm Tân); phía Bắc giáp xã Lạc Tánh và xã Gia An.

Diện tích xã Suối Kiết còn lại trên 21 nghìn ha với tổng số dân: 256 hộ/1.204 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 56 hộ 302 khẩu. Xã gồm

có 2 thôn Sông Dinh và Suối Kiết. Dân sinh sống dọc tuyến đường ĐT 720. Sau đó thôn Sông Dinh tách thành 2 thôn. Toàn xã có 3 thôn, gồm: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3. Thôn 2 là thôn thuần đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là bà con dân tộc Rắclây sống lâu đời ở đây. Thôn 3 là thôn Sông Dinh.

Sau khi chia tách xã theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và thực hiện bầu cử Hội đồng nhân dân xã (khóa III) nhiệm kỳ 1983 - 1986, công tác cán bộ của xã được củng cố một bước, đồng chí Phạm Văn Hồng tiếp tục giữ chức Bí thư chi bộ xã Suối Kiết, kiêm lãnh đạo xã Gia Huynh (lúc này Gia Huynh chưa có chi bộ). Công tác cán bộ được phân công như sau:

- Đồng chí Phạm Văn Hồng - Bí thư Chi Bộ;

- Đồng chí Trần Văn Điệp - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

- Đồng chí Nguyễn Quốc Đài - Phó Chủ tịch, đến năm 1986 - 1987 Quyền Chủ tịch UBND xã;

- Đồng chí Ngô Văn Điệp - Tư pháp xã, kiêm Thanh tra

- Đồng chí Mang Minh - Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân xã;

- Đồng chí Trần Văn Diện - Trưởng Công an;

- Đồng chí Phạm Hoan - Xã đội trưởng;

- Đồng chí Phan Văn Nghê - Chủ Tịch hội Nông dân;

- Đồng chí Nguyễn Thượng Hùng - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

- Đồng chí Lê Đình Anh - Bí thư xã đoàn;

- Đồng chí Ngô Thị Xuân Huệ - Chủ tịch Hội Phụ nữ.

Các ngành chức năng, đoàn thể chính trị xã hội được củng cố đầy đủ thành phần, đảm bảo cho hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các thôn cũng được bố trí đầy đủ nhân sự.

Thôn 1: Trưởng thôn là ông Hoàng Ngọc Bích;

Thôn 2: Trưởng thôn là ông Nguyễn Văn Ngay.

Thôn 3: Trưởng thôn là ông Nguyễn Xuân;

Hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương, từng bước đi vào ổn định. Chi uỷ, chính quyền địa phương tập trung ra sức chỉ đạo phát triển kinh tế-xã hội, ổn định an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội.

Về kinh tế giai đoạn 1983 - 1986, tập trung chủ yếu là nông - lâm - tiểu thủ - công nghiệp,

thương mại dịch vụ. Trong thời kỳ này người dân chấp hành tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, đời sống chính là khai thác sông mây, củi chẻ củi thước 4 tấc bán cho các doanh nghiệp.

Cuối năm 1983 được sự giúp đỡ của Liên minh các Hợp tác xã của tỉnh và một số đơn vị tại Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư phương tiện, thiết bị giúp đỡ xã Suối Kiết và nhân dân gồm có: Dụng cụ sản xuất, 2 xe reo, 3 cầu GMC thường xuyên vào rừng vận chuyển hàng hóa lá buông, song mây đưa thẳng về Phan Thiết và thành phố Hồ Chí Minh để sản xuất thành hàng xuất khẩu thủ công mỹ nghệ; ngược lại nhân dân được đổi lưu tiền mặt, gạo, vải may quần áo. Trong thời gian này nhờ vùng nguyên liệu lá buông trên địa bàn phong phú còn nguyên sinh do đó tiền công lao động của nhân dân rất lớn, giúp người dân có công việc thường xuyên, có thu nhập ổn định. Ngoài ra, lao động nhàn rỗi tập trung vào vót đũa sóng lá buông tăng thêm thu nhập đáng kể cho gia đình.

- Về nông nghiệp, thời kỳ này chưa có gì khả quan, toàn xã chỉ có khoảng 150 ha chuyên sản xuất lúa rẫy, một số rất ít lúa ruộng. Các khe suối được tận dụng trồng khoai mỳ (sắn) để ăn độn gạo

và các loại đậu *(thời bao cấp trước 1986 và đầu đổi mới hầu hết nấu cơm đều có độn khoai lang, mì hay đậu, thậm chí nấu cơm chỉ một ít gạo mà thôi, còn lại là củ độn là chuyện thường ngày)*; công cụ sản xuất chủ yếu cuốc tay bằng sức người, toàn xã chỉ có 3 cặp trâu cày kéo. Về chăn nuôi hàng năm toàn xã nuôi được khoảng 100 con heo đen hoặc heo cỏ (chưa có heo lai) và gia cầm chủ yếu gà, vịt để ăn trong gia đình.

- Về thương mại, toàn xã có một cửa hàng thương nghiệp, một cửa hàng ăn uống của Hợp tác xã. Tuy nhiên lượng hàng hóa không nhiều, hàng tiêu dùng chủ yếu do các đoàn tàu cung cấp, các quán mua bán trong địa phương chủ yếu tập trung về 2 ga Sông Dinh và Suối Kiết.

- Công tác xây dựng Đảng có nhiều cố gắng, nhất là công tác củng cố hệ thống chính trị. Công tác ổn định tình hình an ninh trật tự... có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên tình hình phát triển đảng viên gặp nhiều khó khăn. Đây là vùng kinh tế mới, bà con đến từ nhiều vùng trên cả nước, phương tiện đi lại gặp nhiều khó khăn. Công tác cán bộ có một số thay đổi. Nhưng nhờ sự chủ động tham mưu và đề xuất huyện trực tiếp mở lớp đối tượng Đảng tại xã,

nên sau đó đảng viên mới được phát triển lên 05 đồng chí. Đến năm 1984 mới tổ chức Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 1984 -1986. Đại hội bầu đồng chí Phạm Văn Hồng giữ chức Bí thư chi bộ. Sau khi được củng cố, nhất là phấn khởi trước sự thành công của Đại hội chi bộ Đảng lần thứ I, chi bộ chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội thu được những kết quả nhất định.

Trong giai đoạn này đời sống của người dân có nhiều khởi sắc, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các tệ nạn cướp giật đoàn tàu đã bị các cơ quan chức năng quét sạch. Dịch bệnh sốt rét được các cấp lãnh đạo của huyện, tỉnh quan tâm cử các đoàn về nghiên cứu, khám, chữa bệnh nên được giảm đi đáng kể. Nét nổi bật của xã trong giai đoạn này là vận động sự đóng góp của cán bộ, nhân dân và cho phép của Nhà nước đã tập trung sức cưa cây, xẻ gỗ xây dựng được trụ sở làm việc khang trang sạch đẹp. Nhà gỗ, mái lợp ngói, tường xây gạch, chiều dài 24m, chiều rộng 12m, trị giá trên 25 triệu đồng. Đảm bảo cho các ban, ngành, đoàn thể xã làm việc, được cán bộ và nhân dân rất phấn khởi.

# Chương VI

# SUỐI KIẾT THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (Giai đoạn 1986 - 2000)

## 1. Giai đoạn 1986 - 1989:

Đây là giai đoạn xã Suối Kiết gặp rất nhiều khó khăn về công tác cán bộ, do huyện rút hết cán bộ tăng cường, tại địa phương thì chưa có đủ nguồn thay thế. Lúc này Chi bộ Đảng chỉ có 03 đảng viên, do đồng chí Phạm Văn Hồng làm Bí thư, sau đó đồng chí Hồng tiếp tục được huyện rút về, đồng chí Trần Thị Ngọc Huệ, Trưởng trạm Y tế làm Bí thư (1987-1990). Do ít đảng viên nên lúc này các đảng viên của Chi bộ Suối Kiết sinh hoạt ghép với Chi bộ Lâm Trường II. Cuối tháng 12 năm 1989, huyện điều động tăng cường đồng chí Võ Thiên Thu (1990-1991) về làm Bí thư thay cho đồng chí Huệ. Giai đoạn này chi bộ có 03 đảng viên: đồng chí Võ Thiên Thu, Trần Thị Ngọc Huệ, Mang Minh. Công tác cán bộ xã sau Hội đồng nhân dân xã khóa IV, nhiệm kỳ 1987-1989 được phân công nhiệm vụ như sau:

1. Đ/c Trần Thị Ngọc Huệ - Bí thư Chi bộ xã (1987 - 1990);

2. Đ/c Võ Thiên Thu - Bí thư Chi bộ (1990 - 1991);

3. Đ/c Nguyễn Thượng Hùng- Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã;

4. Đ/c Nguyễn Quốc Đài - Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã kiêm Trưởng Công an;

5. Đ/c Đoàn Văn Thọ - Xã Đội trưởng .

6. Đ/c Phan Văn Nghê - Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

7. Đ/c Vũ Tuấn Đức - Ủy viên thư ký;

8. Đ/c Lê Hoàng Huy - Ủy viên tài chính;

9. Đ/c Nguyễn Thị Hương - Chủ tịch Hội Phụ nữ;

10. Đ/c Nguyễn Quốc Lương - Chủ tịch Hội Nông dân;

11. Đ/c Mang Minh - Bí thư Xã đoàn

Trưởng thôn 1: ông Hoàng Ngọc Bích

Trưởng thôn 2: ông Nguyễn Văn Ngay

Trưởng thôn 3: ông Huỳnh Văn Khánh

Trong tình hình kinh tế cơ cấu vẫn là lâm nông tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

Thời kỳ này chỉ tiêu khai thác của các đơn vị lâm trường Tánh Linh, lâm trường quân đội có chỉ tiêu khai thác gỗ chính phẩm cũng như site, củi chẻ mặc hàng lâm sản đầu ra tiêu thụ rất mạnh từ ga Hố Nai đến Bình Triệu. Do đó tình hình phá rừng khai thác các nguồn gỗ cấm như: trắc, cẩm lai, gõ đỏ, hương, căm xe, bằng lăng, sao, sến bị khai thác liên tục làm cho nhiều khu rừng bị cạn kiệt, mặc khác các lâm trường cũng khai thác theo chỉ tiêu, đây là thời kỳ rừng bị khai phá nặng nề nhất, hầu hết gỗ đưa về miền tây nam bộ bằng xe lớn, về các ga Đồng Nai, Sài Gòn bằng phương tiện xe lửa và xe hơi để tiêu thụ .

Trong thời kỳ này kinh tế của xã hầu như dựa vào rừng, nông nghiệp hầu như không còn sản xuất. Tất cả bà con người Kinh cũng như bà con dân tộc thiểu số đều tập trung làm nghề rừng. Một mặt khai thác, vận chuyển lâm sản cho các đơn vị của Nhà nước. Mặt khác khai thác gỗ, củi, vận chuyển trái phép. Do vậy, trong thời gian này tỉnh Thuận Hải tăng cường trạm của Tỉnh đóng tại xã Suối Kiết nhằm phối hợp với các trạm của huyện,

lực lượng của xã để ngăn chặn tình trạng vi phạm lâm luật tràn lan như hiện nay. Nhờ vậy, nạn khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép ở địa phương có giảm.

Đời sống của nhân dân trong xã lúc bấy giờ có thu nhập rất cao nhờ làm nghề rừng, tỷ lệ các hộ mua xe bò, xe kéo tăng rất nhanh với tổng số dân 274 hộ, 1.542 khẩu đã có trên 150 chiếc xe kéo để làm nghề rừng.

- *Về tiểu thủ công:* chủ yếu bà con đồng bào dân tộc thiểu số ở thôn 2 vẫn tiếp tục duy trì vót đũa sóng lá buông làm nghề phụ tăng thêm thu nhập cho cuộc sống. Các hoạt động công, mỹ nghệ của HTX làm ăn không hiệu quả đã dần dần tan rã.

- *Về thương mại dịch vụ:* bắt đầu phát triển theo thời kỳ đổi mới mở cửa mua bán giao lưu hàng hóa, các quán phục vụ người tiêu dùng mọc lên nhiều hơn. Tuy nhiên các mặt hàng tiêu dùng chưa phong phú đa dạng, hàng điện máy còn rất hạn chế, phương tiện đi lại chủ yếu là xe đạp, toàn xã chỉ có 4 chiếc xe 67 và 2 chiếc đời 84; 6 xe đời 78; loại trên 50 phân khối ở xã có 1 chiếc MZ.

Tình hình an ninh trật tự thời kỳ này khá phức tạp trở lại, dân các nơi tập trung về tạm trú mua

bán lâm sản trái phép. Sự đi lại của các đoàn tàu tại ga Sông dinh, Suối Kiết phức tạp. Hành khách đi lại khá đông nhưng các đoàn tàu này chủ yếu chở cây gỗ lậu trên tàu về các ga Miền trong. Từ thời điểm này các lực lượng thường xuyên tổ chức truy quét bắt giữ phương tiện tang vật khá lớn.

**2. Giai đoạn 1989 - 1990:**

Năm 1990, đồng chí Võ Thiên Thu tiếp tục giữ chức vụ Bí thư chi bộ; đến năm 1991 huyện rút đồng chí Võ Thiên Thu về huyện; tăng cường đồng chí Nguyễn Văn Hai xuống giữ chức Bí thư chi bộ. Lúc này đảng viên của chi bộ chỉ có 04 đồng chí (Võ Thiên Thu, Trần Thị Ngọc Huệ, Nguyễn Thượng Hùng, Mang Minh); nhiệm kỳ này chỉ phát triển thêm 01 đảng viên.

Chi bộ phân công lãnh đạo địa phương như sau:

1. Đồng chí Võ Thiên Thu - Bí thư (1990-1991);
2. Đ/c Nguyễn Văn Hai - Bí thư (1991-1994);
3. Đồng chí Nguyễn Thượng Hùng - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã.
4. Đồng chí Nguyễn Quốc Đài - Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã, kiêm Trưởng Công an;

5. Đồng chí Phạm Hoan - Xã Đội trưởng.

6. Đồng chí Trần Văn Điệp - Chủ tịch Hội Nông dân;

Các ngành, mặt trận và các đoàn thể vẫn giữ nguyên như trước.

Trong thời gian này cơ cấu kinh tế vẫn là Lâm nông - Tiểu thủ công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ. Đời sống của nhân dân vẫn gắn liền với rừng được sự liên kết của 2 lâm trường giao chỉ tiêu để tổ chức cho nhân dân khai thác như củi chẻ, bao bì ster cây chính phẩm do lâm trường khai thác. Thời gian này, trong rừng nảy sinh phức tạp dân trong địa phương vừa khai thác theo chỉ tiêu của Lâm Trường; vừa phải chịu sự cho phép bọn đầu nậu ngoài địa phương trong phạm vi quản lý của bọn chúng như: Tân Nghĩa, Tân Phúc, Tân Minh,Tân Đức và dân Đồng Nai giáp ranh ồ ạt vào rừng khai thác trai phép từ gỗ quý đến gỗ dầu có chủ. Bọn chúng ngang nhiên mua chuộc cắt và vận chuyển bằng nhiều phương tiện trái phép. Ngoài ra còn khai thác mây, tre, lá vót đũa.

Dân số giai đoạn này toàn xã có 311 hộ, 1.656 khẩu. Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số có 89 hộ, 502 khẩu. Xe trâu, bò cày kéo có 220 con, toàn xã có trên 800 lao động hết 2/3 lao động làm nghề

rừng, 1/3 lao động làm nông và tiểu thủ công nghiệp thương mại, các cửa hàng thương mại cũng như của HTX đều đóng cửa vì kinh doanh không hiệu quả nhường lại cho cơ chế thị trường phát triển tư nhân.

- *Về nông nghiệp:* toàn xã chỉ có khoảng 200 ha, tập trung quanh khu dân cư từ Suối Kiết đến Sông Dinh, kể cả rẫy du canh của đồng bào dân tộc chủ yếu trồng điều, trồng lúa và các loại hoa màu.

- *Về an ninh:* trật tự an toàn xã hội diễn biến nhiều phức tạp, nạn tạm trú quá nhiều trong dân cư, phức tạp hơn các băng nhóm phá rừng tranh chấp lẫn nhau, hiện tượng tiêu cực của các lực lượng nảy sinh đút lót, hối lộ, xin cho trong công tác bảo vệ rừng.

- *Về chăn nuôi:* thời kỳ này người dân bắt đầu chú trọng đến chăn nuôi bò sinh sản bắt đầu toàn xã có 60 con, heo có 230 con.

- *Về giáo dục:* toàn xã có 1 trường trung tiểu học chia thành 2 phân hiệu dạy 3 điểm 3 thôn có 17 lớp; 1 trường mẫu giáo có 3 lớp 74 cháu, lực lượng giáo viên chỉ có 16 người kể cả mẫu giáo. Do đó có giáo viên phải dạy 2 lớp, ngoài ra phải phụ trách các lớp xóa mù vào ban đêm.

- *Về y tế:* được sự quan tâm của cấp trên cho xây dựng trạm y tế xã với nhà làm việc cấp 4, có chỗ khám điều trị bệnh cho nhân dân. Nhân viên y tế được đào tạo tăng cường cho xã 3 y sỹ, 1 y tá đủ khả năng phục vụ tốt cho nhân dân, từ đó hạn chế được các bệnh sốt rét và các bệnh xã hội khác.

- *Về thu ngân sách:* hàng năm đều vượt chỉ tiêu trên nhờ vào tài nguyên rừng. Hàng năm trung bình thu ngân sách được trên 80 triệu đồng, góp phần cùng sự hỗ trợ của huyện đáp ứng nhu cầu chi tiêu hoạt động ở địa phương.

Đời sống kinh tế của người dân, trong đó phần nhiều là người Kinh được nâng lên 1 bước, giảm được đói từ 56 hộ xuống còn 20 hộ. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều hộ nghèo, riêng đồng bào dân tộc thiểu số đến cuối năm 1994 vẫn còn 74 hộ/ 89 hộ thiếu đói.

An ninh quốc phòng tuy diễn biến có nhiều phức tạp, nhưng được sự tập trung chỉ đạo của Chi uỷ và sự hổ trợ của các ngành chức năng huyện, nên đã giữ vững được an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội. Giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu. Nhìn chung trong giai đoạn này công tác xây dựng hệ thống chính trị ngày càng được cũng cố vững mạnh.

Đời sống của nhân dân được cải thiện, nhưng so với các địa phương trong địa bàn huyện Tánh Linh thì Suối Kiết vẫn còn nhiều khó khăn. Phát triển kinh tế - xã hội chưa thật bền vững. Hộ nghèo, đói còn nhiều. Kết cấu cơ sở hạ tầng hầu như không có gì.

**3. Giai đoạn 1991 - 1995:**

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện, theo sự chỉ đạo của cấp trên, sau một thời gian chuẩn bị, Đại hội Chi bộ xã lần thứ II, (nhiệm kỳ 1991-1995) được tổ chức vào năm 1991. Đại hội có 05 đảng viên tham dự và đầy đủ các ngành, mặt trận đoàn thể. Đại hội thực hiện các nội dung: đánh giá tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ thời gian qua, đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ II; tham gia góp ý kiến Cương Lĩnh chính trị của Đảng; các báo cáo chính trị của tỉnh, huyện; bầu Bí thư; bầu đại biểu dự Đại hội cấp trên. Đồng chí Nguyễn Văn Hai tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ. Công tác cán bộ xã được sắp xếp:

1. Đ/c Nguyễn Văn Hai - Bí thư chi bộ;
2. Đ/c Nguyễn Thượng Hùng - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã (1991-1994);
3. Đ/c Nguyễn Quốc Đài - Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã;

4. Đ/c Trần Văn Điệp - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

5. Đ/c Nguyễn Văn Kim - Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã; (Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã năm 1994);

6. Đ/c. Ngô Văn Điệp - Trưởng Công an xã;

7. Đ/c Trần Đình Thạch - Xã đội trưởng;

8. Đ/c Trần Sơn - Bí thư Xã đoàn sau đó thay Đ/c Nguyễn Sơn Hà;

9. Đ/c Hoàng Toàn - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;

10. Đ/c Lê Thị Xây - Chủ tịch Hội Phụ nữ;

11. Đ/c Nguyễn Đức Hơn - Chủ tịch Hội Nông dân;

12. Đ/c Phan Văn Nghê - Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

Trưởng thôn 1: ông Hoàng Ngọc Bích
Trưởng thôn 2: Nguyễn Văn Ngay
Trưởng thôn 3: Trần Hồng.

Công tác củng cố tổ chức nhà nước ngày càng được chú trọng đến chất lượng cán bộ. Trong thời kỳ này để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới đất nước, Huyện uỷ có chủ trương chú

trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ học vấn, chuyên môn, chính trị cho cán bộ. Tuy nhiên ở địa phương rất ít đồng chí tham gia các lớp học này.

Trong nhiệm kỳ 1991 - 1995 về kinh tế lâm nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ cao, chiếm tỷ lệ thu nhập 50% trong thu nhập của nhân dân. Sau khi khai thác cây gỗ rừng gần như cạn kiệt cây có giá trị như gõ đỏ, giáng Hương, căm xe, sao, sến... chuyển qua khai thác bất hợp pháp cả cây dầu rái, nguồn sống chủ yếu của một số bà con. Nhiều vùng cạn kiệt cây lấy gỗ, chuyển qua đốt lò than, khai thác trắng một số diện tích rừng.

Về kinh tế nông nghiệp, 1 số hộ làm rừng bị nghiêm cấm chuyển sang làm nông khoảng 30%, còn lại lao động khác tiếp tục làm nghề vót đũa, phơi lá buông và kinh doanh thương mại dịch vụ. Đến cuối năm 1993 kết quả kinh tế xã hội đạt được 1 số kết quả. Tổng thu nhập của người dân 901.600.000 đồng, bình quân thu nhập 558.405 đồng/người/năm, tăng 30% so với năm 1992. Thu ngân sách năm 1993 cũng đạt khá 91 triệu 590 ngàn đồng, vượt 20% chỉ tiêu kế hoạch.

Giai đoạn từ 1993-1995, kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Nhân dân vẫn tập trung

ổn định sản xuất nghề rừng (85% số hộ). Năm 1994 thu nhập toàn xã là 1.421.280.000 đồng, bình quân 884.708 đồn/người/năm; năm 1995 thu nhập toàn xã tăng lên trên 1 tỷ rưỡi đồng. Bình quân mỗi năm tăng trên 20% so với năm trước. Thu ngân sách từ 91 triệu năm 1993, lên 132 triệu 770 ngàn năm 1994; năm 1995 thu trên 140 triệu đồng vượt chỉ tiêu kế hoạch trên giao.

Về văn hoá - xã hội cũng có nhiều chuyển biến. Tổ chức thành lập được 1 đội Thông tin lưu động, 1 đội bóng chuyền, 1 đội văn nghệ, 1 hội cờ tướng đi vào hoạt động thường xuyên ổn định. Đội thông tin lưu động phát thanh 1 ngày 2 buổi sáng và chiều, đưa thông tin đến với người dân tận thôn, xóm. Những chủ trường, đường lối của Đảng, địa phương đều được tuyên truyền kịp thời đến với người dân. Thường xuyên tổ chức giao lưu bóng chuyền với các xã trong và ngoài huyện. Tham gia đầy đủ các Hội thi, Hội thao do huyện mở. Tham gia Hội thi tiếng Hát Truyền hình của huyện đạt được 3 giải cá nhân.

Đáng chú ý là công tác chăm lo sức khoẻ cho nhân dân được chú trọng. Trạm y tế có 4 y sỹ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Đặc

biệt được sự quan tâm của huyện và tỉnh, Suối Kiết thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, trong đó có chương trình phòng chống sốt rét. Công tác điều tra côn trùng, tổ chức cho uống thuốc tại chỗ, tẩm màn, phun hoá chất diệt muỗi đạt kết quả cao. Tỷ lệ bệnh sốt rét giảm từ 50% năm 1992, xuống còn 15,18% năm 1995.

Công tác giáo dục được duy trì. Mặc dù hầu hết giáo viên từ mẫu giáo đến cấp I, cấp II đều do Phòng Giáo dục huyện tăng cường, nhưng các thầy, cô có nhiều cố gắng chăm lo sự nghiệp giáo dục ở địa phương. Mẫu giáo ổn định 03 lớp, với 90 cháu; huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp 1 đạt 95%; cấp I và cấp II có 17 lớp với 360 học sinh; trong đó có 45 học sinh người dân tộc thiểu số; phổ cập cấp I, một lớp 20 học viên; xoá mù 03 lớp 78 học viên. Qua đợt xoá mù có 60/78 được công nhận xoá mù, trong đó hầu hết là đồng bào dân tộc thiểu số.

Cuối năm 1993 toàn xã có 347 hộ với gần 1.800 khẩu. Trong đó dân di cư tự do có đến 64 hộ, với 260 khẩu. Là địa bàn vùng sâu, vùng núi kinh tế mới nên chi bộ rất quan tâm đến công tác an ninh, trật tự. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, nhất

là hộ khẩu để đảm bảo an ninh trật tự. Nhờ vậy tình hình An ninh trật tự luôn được ổn định.

**4. Giai đoạn 1996 - 2000:**

Kết thúc nhiệm kỳ II, Đại hội Chi bộ lần thứ III, nhiệm kỳ (1996-2000) được diễn ra năm 1996. Đại hội đã bầu đồng chí Nguyễn Thượng Hùng làm Bí thư Chi bộ. Bầu đại biểu đi dự Đại hội huyện.

Công tác cán bộ giai đoạn này được chú trọng. Các ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể được bố trí đầy đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

1. Đ/c Nguyễn Thượng Hùng- Bí thư chi bộ, kiêm Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã;
2. Đ/c Ngô Văn Điệp - Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã;
3. Đ/c Trần Văn Điệp - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã;
4. Đ/c Nguyễn Văn Kim - Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã;
5. Đ/c Hoàng Tình - Trưởng Công an xã;
6. Đ/c Trần Đình Thạch - Xã Đội trưởng;
7. Đ/c Trần Sơn - Bí thư Xã đoàn;

8. Đ/c Trần Văn Diện - Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh;

9. Đ/c Lê Thị Xây - Chủ tịch Hội Phụ Nữ;

10. Đ/c Nguyễn Đức Hơn - Chủ tịch Hội Nông dân;

11. Đ/c Nguyễn Tấn Sen- Thư ký Hội đồng Nhân dân xã.

12. Đ/c Phan Văn Nghê - Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

Nhiệm kỳ này tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, Chi bộ tập trung lãnh đạo làm rõ nhiều vấn đề quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tình hình lãnh đạo điều hành trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy nhiệm kỳ 1995 - 2000, trong thời gian này hoạt động của Hội đồng Nhân dân xã bắt đầu có hiệu lực theo luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân sửa đổi năm 1996. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân. Hàng năm căn cứ vào nghị quyết của Đảng, Hội đồng Nhân dân xã đề ra nghị quyết về kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng để Uỷ ban Nhân dân xã thực hiện trên cơ sở tăng cường công tác giám sát và đề ra quy chế phối hợp

Hội đồng Nhân dân xã khoá VI
kỳ họp lần thứ I nhiệm kỳ (1994 - 1999)

3 bên giữa Hội dồng Nhân dân- Ủy ban Nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên đã kịp thời tham mưu cho Chi bộ Đảng có định hướng chỉ đạo đúng phù hợp với tình hình địa phương.

Từ những năm 1996 - 2000 nông dân bắt đầu chú ý đến sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên còn những khó khăn nhất định:

- Tư liệu sản xuất lạc hậu toàn xã chỉ có 2 chiếc máy cày ở địa phương, còn 2 chiếc ở địa phương khác đến cày thuê.

- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi chưa hiểu biết nhiều, chưa có kinh nghiệm.

- Diện tích đất chỉ có 371 ha. Trong đó tập trung chỉ đạo chặn các khe nước cải tạo đất chuyển thành ruộng lúa nước. Từ 15 ha năm 1995 lên 54 ha năm 2000. Diện tích gieo trồng năm 1995 105 ha, lên 670 ha năm 2000. Chi bộ tập trung chỉ đạo chuyển đổi sản xuất từ làm nghề rừng sang sản xuất nông nghiệp, định hướng trồng cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày có giá trị kinh tế cao như: cao su, điều, mía đường, xoài ghép, tiêu, chuối,... đem lại hiệu quả cao.

- Vốn vay Ngân hàng nông dân khó tiếp cận, chỉ cho vay có thế chấp tài sản, nhưng tài sản của dân lúc này chưa có gì có giá trị để thế chấp. Giai đoạn này chưa có chế độ ưu đãi để khuyến khích phát triển nông nghiệp.

- Nghề rừng còn quá hấp dẫn, sáng đi làm chiều có tiền ngày công gấp 3 lần làm lao động nông nghiệp do đó nông dân chưa mặn mà gì với làm nông.

Trước tình hình nêu trên Chi bộ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động phong trào sản xuất nông nghiệp. Để có đất cho dân lao động sản xuất, địa phương lập đề án xin cấp trên phê duyệt dưa 200 hecta đất rừng nghèo kiệt vào sản xuất nông nghiệp. Dự án 200 ha được trên chấp thuận, nhưng những hộ dân được chia không nhận giao lại cho người khác sản xuất. Trong thời gian này Hội đồng nhân dân xã cũng ra nghị quyết quy hoạch đất dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng ổn định dân di cư tự do từ ga Suối Kiết về trên thôn 2, một mặt xin huyện, tỉnh, Trung ương cho dự án xin chuyển dịch đất lâm nghiệp 330 ha ra ngoài 3 loại rừng để cấp đất sản xuất cho đồng bào dân tộc.

Ngày 07/5/1997 Uỷ ban Nhân dân huyện Tánh Linh có Quyết định số 194 về việc thành lập

Hợp tác xã Lâm-Nông nghiệp Suối Kiết (gọi tắt là Hợp tác xã Suối Kiết) và chuẩn y Ban Quản lý Hợp tác xã do ông Nguyễn Tấn Sen làm Chủ nhiệm, ông Lê Tấn Đông Phó Chủ nhiệm; kế toán ông Nguyễn Đình Hoè. Tháng 9 năm 1997, Hợp tác xã Nông - lâm nghiệp Suối Kiết tiến hành Đại hội xã viên lần thứ I.

Sau khi thành lập, Hợp tác xã hoạt động theo Điều lệ đã được ban hành. Chi bộ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân, tập trung chỉ đạo khai thác sơ chế lá buông tạo công ăn việc làm cho lao động. Mặt khác giúp Hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất và đề án giao 861 rừng đặc sản lá buông cho Hợp tác xã quản lý.

Từ cơ sở có bước chuyển biến về đất đai được Đảng, chính quyền tích cực xin cấp trên phê duyệt, mặc khác lúc này rừng ngày càng cạn kiệt, người dân quay về làm nông nghiệp là chính. Nhân dân chú ý đến mua sắm công cụ lao động sản xuất. Sau khi cấp đất sản xuất cho dân, Chi bộ, chính quyền địa phương có chủ trương phát triển cây công nghiệp; chọn 2 cây trồng chính là cao su và cây điều làm cây chủ lực vận động bà con xuống giống. Trồng xen kẽ cây ngắn ngày cây bắp cây bông, để

lấy ngắn nuôi dài. Từ đó cây công nghiệp ở xã Suối Kiết bắt đầu phát triển.

Năm 1999 cây cao su bắt đầu được trồng tại Suối Kiết; ban đầu diện tích cây cao su trồng được 170 ha; trong đó chủ yếu là của Công ty Hải Sơn 120 ha; còn lại là của dân địa phương, tiêu biểu anh Thạch 4 ha, anh Ấn 7 ha, anh Thọ 9 ha là người những người đi đầu trong việc phát triển cây cao su ở địa phương.

Về chăn nuôi phát triển khá mạnh. Được sự hỗ trợ của Nhà nước trong chương trình 327 đã có đồng bào dân tộc vay mua 30 con bò năm 1995 - 1977 được vay mua tiếp 30 con bò cái để sinh sản; lúc này rừng bị tàn phá không còn cây nữa, những người làm rừng đã chuyển qua sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi, có hộ mua bò cái nuôi để sinh sản. Do đặc thù địa phương đất rộng, cỏ nhiều phù hợp với chăn nuôi. Đến năm 1999 toàn xã có 38 con trâu, 740 con bò, 500 con heo. Tổng thu nhập về nông nghiệp năm 1999 lên con số 1 tỷ 530 triệu (trong đó chăn nuôi đạt 610 triệu).

Công tác đo đạt cấp quyền sử dụng đất được 397 ha (cấp lần đầu tiên cho xã Suối Kiết năm 1997). Đây là sự khởi đầu người nông dân thật sự

Lá Buông Suối Kiết

thấy giá trị đất đai được nhà nước giao cho làm chủ mảnh đất của mình giá trị gần 50 năm. Từ cơ sở này, nhân dân bắt đầu thấy được giá trị của đất cùng nhau tìm đất để ổn định cuộc sống cơ bản và lâu dài.

Về thương mại dịch vụ, trên cơ sở phát triển nông nghiệp, ngành thương mại dịch vụ bắt đầu phát triển. Địa phương trung quy hoạch phát triển vùng nông thôn. Trong đó có việc xây dựng chợ. Vận động dân hiến đất, ủng hộ cây gỗ làm nhà lồng để làm chợ Sông Dinh. Bước đầu có tên 20 hộ mua bán cho đến ngày nay. Ngoài ra các hộ thương nghiệp trên toàn xã bắt đầu mở rộng mua bán mạnh nhất là đầu tư phân thuốc, mua bán nông sản phẩm, một số hộ mua sắm được xe ô tô, máy cày, vận chuyển và cày đất. Mạng lưới dịch vụ hớt tóc, sửa xe gắn máy, quán ăn, giải khác... phát triển. Tổng thu nhập về thương mại dịch vụ: 1 tỷ 071 triệu, các khoảng thu nhập khác 1 tỷ 058 triệu.

Qua tình hình kinh tế xã hội đến năm cuối nhiệm kỳ 1994 - 1999 đưa tổng thu nhập nội xã cuối năm 1998 lên con số 6 tỷ 112 triệu đồng.

Bình quân hộ gia đình 9 triệu đồng/ hộ/ năm; tốc độ tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 1994 - 1999 đạt trên 1,5 lần.

Về xây dựng cơ bản được chú trọng, Chi bộ, chính quyền đề nghị cấp trên hổ trợ kinh phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở. Nhờ vậy, đường giao thông nông thôn khu vực 800 ha, 200 ha, đường từ ngã ba đi vào xóm 5 và ra ga xe lửa thuộc thôn 3 được đầu tư sửa chữa lớn và làm mới. Đầu tư vốn xây dựng trụ sở UBND xã; trạm y tế, phân trạm y tế được đầu tư xây dựng; các trường trung tiểu học, mẫu giáo đều được chăm lo xây dựng bằng nhiều nguồn vốn do các đơn vị hỗ trợ cũng như sự đầu tư của cấp trên sự đóng góp của nhân dân trong xã.

Về công tác xã hội, thực hiện công tác toàn dân đưa trẻ đến trường được sự trợ giúp của Ban dân tộc miền núi hàng năm trợ cấp cho các cháu đi học. Từ đó, đến năm học 1998 - 1999 đạt tỷ lệ học sinh ra lớp rất cao, chất lượng dạy và học không ngừng được nâng cao, số học sinh ra lớp 3 cấp học từ 78,6% năm 1996 lên đạt 95% năm 2000. Mặt khác huy động tăng cường công tác phổ cập cấp I và xóa mù chữ được 466 người độ tuổi từ 15 - 25 đã được công nhận đạt tiêu chuẩn Quốc gia công tác phổ giáo dục tiểu học - xóa mù chữ.

Các chương trình y tế quốc gia thực hiện có kết quả. Trong đó đặc biệt là chương trình phòng

chống sốt rét được tỉnh, huyện quan tâm. Trong giai đoạn này tại Suối Kiết có các đoàn y tế trong và ngoài nước đến để nghiên cứu và điều trị tại chỗ như: Bệnh viện Chợ Rẫy, các chuyên gia Trung Quốc, Hà Lan... Nhờ vậy, bệnh sốt rét ở Suối Kiết không còn thành dịch và càng ngày càng bị tiêu diệt mầm mống, đến năm 2000 trở đi hầu như không còn người bệnh sốt rét chết nữa. Các chương trình y tế khác như lao, bại liệt, phong... cũng được quan tâm điều trị. Công tác tiêm chủng cho các cháu dưới 6 tuổi hàng năm đều đạt 100%.

Về hoạt động văn hóa, thường xuyên được cấp trên quan tâm, mỗi tháng 2 lần, chiếu phim màn ảnh rộng phục vụ đồng bào dân tộc thôn 2. Thường xuyên thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình liệt sĩ người có công Cách mạng, trợ cấp khó khăn cho người già yếu, trẻ mồ côi.

Công tác chính sách miền núi được trú trọng trợ giá cước giống cây trồng từ 50 - 70% các giống xoài cát hòa lộc, nhãn, bắp lai. Thực hiện chế độ 566 cho các cháu đi học được cấp phát hàng năm quần áo đồ dùng học tập, sách vở, gạo, dầu lửa... Ngoài ra còn được quan tâm đầu tư vây vốn chăn nuôi bò, trợ cấp tết...

Tình hình an ninh chính trị đã được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định, các vụ việc xảy ra đều xử lý theo quy định của pháp luật.

Hàng năm hoàn thành tốt công tác huấn luyện, giao quân đạt chỉ tiêu trên giao, xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ đạt 3% so với dân số; thường xuyên củng cố lực lượng, nâng cao chất lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tốt tài sản của nhà nước và nhân dân, hoàn thành suất sắc nhiệm vụ được Đảng và nhân dân giao cho.

Về hoạt động của các Đoàn thể ngày càng được hoàn thiện, phối hợp với chính quyền thực tốt nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao hàng năm đều được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đánh giá chung nhiệm kỳ 1995-2000, về kinh tế có bước đột phá trong sản xuất nông nghiệp, tập thể cán bộ đều tay, dám nghĩ dám làm đã tích cực tuyên truyền vận động chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ lâm nông tiểu thủ công nghiệp thương mại dịch vụ sang cơ cấu nông lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ. Tình hình kinh tế xã hội gần cuối nhiệm kỳ có sự chuyển biến nhiều mặt. Sản lượng lương thực tăng hàng năm bình quân 1,4 lần, diện tích nông nghiệp đến

nay tăng gấp 3 lần mặc dù bà con chưa quen làm nông nhưng vẫn đầu tư trồng cây công nghiệp dài hạn như: xoài, điều, cao su, cây ngắn ngày như cây bắp, bông vải hoặc đậu các loại...vv. đã tạo cho nông dân tin tưởng vào sản xuất nông nghiệp để ổn định lâu dài và cũng tin tưởng đó thực sự là mảnh đất của mình làm chủ đã được nhà Nước giao đất. Sự chuyển biến trong phát triển kinh tế-xã hội ở Suối Kiết trong 5 năm 1995-2000 là đáng chú ý. Đặc biệt là phát triển về nông nghiệp. Đời sống nhân dân được ổn định và có bước phát triển. Nhiều hộ tự vươn lên làm giàu. Các mặt xã hội đều được quan tâm đúng mức, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được ổn định và giữ vững.

Do đó trong nhiệm kỳ 1995 - 2000 Chi bộ xã Suối Kiết luôn hoàn thành nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đề ra. Riêng năm 1996 được Huyện uỷ Tánh Linh xếp loại là Chi bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Đây là danh hiệu đầu tiên từ khi thành lập Chi bộ đến nay của xã Suối Kiết.

*Chương VII*

# RA SỨC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG GIÀU ĐẸP (GIAI ĐOẠN 2000 - 2010)

## I - Giai đoạn 2000 - 2005:

Giai đoạn 2000 - 2005 công tác cán bộ xã Suối Kiết lại tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt địa phương liên tiếp được thay đổi. Đến tháng 08 năm 2000, Ban Thường vụ Huyện uỷ có Quyết định tăng cường đồng chí Trần Văn Hội - cán bộ Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện về tham gia công tác Đảng, giúp chi bộ tiến hành tổ chức Đại hội lần thứ IV. Đại hội chi bộ xã Suối Kiết lần thứ IV (nhiệm kỳ 2000-2005) được tổ chức vào tháng 11 năm 2000. Đại hội đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ III, đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV; bầu Ban chấp hành, bầu Bí thư. Đồng chí Trần Văn Hội được bầu giữ chức Bí thư chi bộ. Đến đầu năm 2003 Huyện uỷ

tiếp tục tăng cường đồng chí Lê Tịnh Thành về làm Bí thư thay cho đồng chí Hội. Công tác cán bộ xã được phân công như sau:

1. Đ/c Nguyễn Thượng Hùng - Bí thư chi bộ (2000 - 2001);
2. Đ/c Trần Văn Hội - Bí thư chi bộ (2001-2003);
3. Đ/c Lê Tịnh Thành - Bí thư chi bộ (2003-2005);
4. Đ/c Nguyễn Văn Kim - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã (2000);
5. Đ/c Hà Văn Nghĩa - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã (2001 - 2003);
6. Đ/c Nguyễn Quốc Đài - Quyền Chủ tịch (2003 - 2004), Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã (2004 - 2005);
7. Đ/c Trần Văn Điệp - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã;
8. Đ/c Lê Văn Cảnh - Trưởng Công an (2000 - 2003); Đ/c Hồ Thanh Hoàng (2004-2005);
9. Đ/c Đổ Chánh Thi - Xã Đội trưởng;
10. Đ/c Trần Thị Hiền - Chủ tịch Hội Phụ Nữ;

11. Đ/c Hồ Phi Hùng - Chủ tịch Hội Nông dân;

12. Đ/c Nguyễn Văn Hoàng - Bí thư Chi đoàn;

13. Đ/c Nguyễn Hữu Lin - Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh;

14. Đ/c Phan Văn Nghê - Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc xã (2000 - 2003);

đ/c Phạm Ngọc Thanh (2004 - 2005).

Tháng 10/2004, 01 đồng chí Cấp uỷ viên không thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, vi phạm kỷ luật Đảng bỏ việc và tháng 06/2005, Huyện uỷ có quyết định cách chức 01 chi uỷ viên, lúc này thực hiện nhiệm vụ Cấp uỷ chỉ có 2 đồng chí gồm: 1 Bí thư và 1 chi uỷ viên.

Về địa bàn hành chính xã năm 2002, được sự cho phép của cấp trên, Thôn 1 được chia thành 2 thôn (1). Thôn 1 do ông Phan Thanh Hưng làm Thôn trưởng; thôn 2 do ông Nguyễn Tấn Thanh làm Trưởng thôn; thôn 3 ông Hồ Sơn - Trưởng thôn; thôn 4 ông Nguyễn Văn Tý làm Trưởng Thôn. Tình hình dân số năm 2004, toàn xã có 921 hộ, với 3.945 khẩu thường trú.

(1) *Tức là thôn 1 và thôn 4 ngày nay*

Tuy nhiên, nhiệm kỳ này có nhiều lần thay đổi lãnh đạo cấp ủy, UBND gây trở ngại cho quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tình hình dân cư tự do lấn chiếm đất đai khu vực Suối Sâu, Dự án 861 của Hợp tác xã Lâm nông nghiệp và các quỹ đất khác do lâm trường Sông Dinh, lâm trường Tánh Linh quản lý.

Trong những năm này do tình trạng phá rừng ồ ạt, làm cho những dãy núi, những khu rừng già bị kiệt quệ, nên Suối Kiết xuất hiện đàn voi dữ gồm có 5 con đến chiếm giữ khu vực núi Gà Lôi - núi Xã Dú, (nơi còn có rừng) phá hoại hoa màu và dẫm chết người. Đàn voi do con voi cái chân hột xoài già nhất đàn làm đầu đàn. Từ năm 2000 - 2004 đã dẫm chết 11 người, chủ yếu là dân làm rẫy. Trong đó hầu hết là dân ngoài địa phương đến làm rẫy ở lại. Các cây trồng của dân đều bị chúng phá hoại nghiêm trọng, gây sự hoang mang cho dân chúng trong toàn xã trên 3 năm liền. Thực ra đây không phải là lần đầu tiên voi rừng xuất hiện tại Suối Kiết, mà từ trước năm 1975 đến những năm sau thập niên 80 của thế kỷ XX tại các khu rừng của Gia Huynh, Suối Kiết thường xuất hiện đàn voi

rừng 8-10 con. Mùa mưa sống ở vùng rừng giáp ranh Đồng Nai; mùa nắng về vùng Gia Huynh, Suối Kiết. Vùng voi thường cư trú người dân đặt tên là Suối Tượng. Bầy voi rất hiền, có lúc tìm thức ăn đến sát khu vực nhà dân, nhưng không gây hại gì.

Từ năm 1998 các khu rừng này bị nghèo kiệt, một phần giao cho các dự án sản xuất; một phần do người dân các nơi đến khai phá lấn chiếm đất làm rẫy. Nơi trú ngụ và nguồn sống của đàn voi bị thu hẹp dần và bị đe doạ, đàn voi bắt đầu hung giữ tàn phá hoa màu và dẫm chết người. Trong những năm này người dân không dám đi ra rẫy để sản xuất.

Buổi chiều khi mặt trời xuống núi là mọi người vội vã về nhà cửa đóng, then cài không một ai dám đi ra đường. Người dân sử dụng tất cả các dụng cụ mình có như nồi, chão, mâm, thùng... để làm kẻng đánh, gõ cả đêm, nhiều nhà còn đốt lửa hù doạ để cho voi sợ không đến. Chi bộ Đảng, chính quyền chỉ đạo lực lượng công an, quân sự tăng cường tuần tra, giám sát phát hiện đàn voi xuất hiện phát tín hiệu (bắn súng) để dân biết phòng tránh. Một số bà con còn sáng chế ra súng bắn khí đá có tiếng nổ to khi đàn voi xuất hiện bắn

cho dân biết. Sự đe doạ của đàn voi làm cho kinh tế địa phương trong 3 năm liền không phát triển được, đời sống nhân dân vô cùng vất vả. Trước tình hình đó huyện, tỉnh kiến nghị và được Trung ương thuê đoàn chuyên gia của Malaixia phối hợp với chuyên gia Việt Nam bắn thuốc gây mê bắt dần đàn voi đưa về Bản Đôn, Ban Mê Thuột.

Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng được quan tâm của huyện và tỉnh, Chi uỷ lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Đầu tư ổn định dân di cư do, cấp đất ở cho 100 hộ dọc tuyến ĐT 720, từ Công ty Lâm nghiệp Sông Dinh đến cống Bà Đầm, cuối thôn 4. Đầu tư chuyển dịch diện tích 800 ha đất sản xuất và đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn ở các thôn 1, 2, 3, 4. Phân chia đất sản xuất cho đồng bào dân tộc DA 330 ha bình quân mỗi hộ trên 2 ha. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đã giúp cho bà con dân tộc thiểu số có đất sản xuất ổn định cuộc sống.

Phong trào các đoàn thể có sự chuyển biến tích cực và thường xuyên được cũng cố đủ mạnh để hoạt động. Do đó tình hình kinh tế xã hội có bước khởi sắc.

Về kinh tế, đến cuối năm 2004 đạt được:

- Tổng diện tích gieo trồng tính đến hết năm 2004: 220 ha, bình quân hộ gia đình đạt 2,2 ha (kể cả số tạm trú).

- Tổng số lượng lương thực quy thóc 92,06 tấn = 233 kg/khẩu.

- Thu nhập về cây lâu năm và các loại cây trồng khác đạt hiệu quả.

- Tình hình chăn nuôi đến cuối năm 2004 toàn xã có 1162 con bò chiếm 40% nuôi bò toàn huyện, đàn trâu 23 con, đàn dê 100 con, đàn heo 845 con. Đây là thời kỳ chăn nuôi thịnh nhất xã Suối Kiết.

- Về thương mại dịch vụ tăng khá, số lượng xe ôtô, máy cày, xe cải tiến được 37 chiếc phát triển mạnh nhất so với từ trước đến nay.

Trong thời gian này các dự án liên doanh và tư nhân bắt đầu được Tỉnh giao đất để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả; thành lập các doanh nghiệp đóng chân tại xã, như Công ty Hoàng Mỹ 300 ha; Công ty Ninh Thuận 500 ha; Công ty Đại Lộc 140 ha; Công ty LTC 150 ha; Công ty cao su Bình Thuận 1200 ha...

Công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm chú trọng. Chi bộ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phải tập trung sức xóa đói giảm nghèo bằng nhiều biện pháp như xóa dần nhà ở tạm bợ dột nát bằng nhiều nguồn vốn. Cấp đất sản xuất, giao khoán bảo vệ rừng, cho vay vốn chăn nuôi, vốn sản xuất nông nghiệp... Vì vậy tính đến năm 2005, toàn xã chỉ còn 118 hộ/921 khẩu chiếm 12,8%. Đa số hộ đồng bào dân tộc, người già neo đơn, số hộ nghèo di cư tự do mới đến.

Về an ninh chính trị thời kỳ này một số người lợi dụng chính sách tôn giáo hoạt động trái phép. Chủ yếu là tụ tập đông người tại khu dân cư hoạt động trái với quy định. Một số đối tượng khác đến lấn chiếm đất trái phép tại núi Gà Lôi để hoạt động tôn giáo. Tuy vậy, các hoạt động này được địa phương giải quyết, địa bàn dân cư được ổn định. Bên cạnh đó tình hình dân di cư tự do đến ngày càng nhiều, chủ yếu là để lấn chiếm đất làm rẫy. Riêng khu vực Suối Sâu có trên 210 hộ, với số dân di cư tự do đến đông đảo như vậy, nên địa phương kiến nghị huyện, tỉnh cho thành lập thôn. Năm 2007

tỉnh cho thành lập riêng một thôn (thôn Suối Sâu); khu vực 814 ha của Hợp tác xã trên 90 hộ; ngoài ra tại địa bàn 4 Thôn tạm trú trên 78 hộ. Tình hình trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp. Trong năm 2005 có 35 đơn tranh chấp đất đai được giải quyết. Do đó, lực lượng Công an - Quân sự hoạt động tích cực, thường xuyên phối hợp truy quét, kiểm tra hộ khẩu, hạn chế tình hình vi phạm an ninh, trật tự ở địa phương.

Về hoạt động của các đoàn thể thời kỳ này hoạt động cầm chừng chưa rõ nét do có sự thay đổi các đồng chí trong Ban Chấp hành nhiều lần.

Tóm lại trong những năm 2000 - 2004 Chi bộ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như nhân dân xã nhà đã xác định bước đi đúng đắn cơ bản lâu dài là cơ cấu nông - lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

Đến năm 2004, thu nhập từ nông nghiệp: 6.110.200.000 đồng; thu nhập từ TTCN: 3.010.000.000 đồng; thu nhập từ chăn nuôi: 2.120.000.000 đồng; thu nhập khác: 1.220.330.000 đồng. Tổng cộng: 12.460.530.000 đồng.

Bình quân thu nhập hộ gia đình 13.529.348 đ/hộ/năm. Bình quân thu nhập khẩu là 3.158.562đ/khẩu/năm = 315.856đ/tháng.

Đánh giá chung tình hình kinh tế xã hội trong những năm 2000 - 2005: Cấp ủy, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân, Uỷ ban Mặt trân Tổ quốc Việt Nam ra sức cũng cố không ngừng hoàn thiện bộ máy của Đảng, Nhà Nước, Mặt trận và các đoàn thể đi vào hoạt động từng bước phát huy hiệu quả. Xây dựng sự đoàn kết thống nhất, nhằm lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - an ninh quốc phòng.

**II - Giai đoạn 2005 - 2010:**

Bước sang giai đoạn 2005 - 2010, tình hình kinh tế - xã hội ở Suối Kiết vẫn còn có những diễn biến phức tạp. Do địa phương là vùng miền núi, kinh tế mới, vùng đồng bào dân tộc nên đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai liên tiếp xảy ra gây nhiều tổn thất đến sản xuất và đời sống; nạn lấn chiếm đất lâm nghiệp diễn biến phức tạp, đồng thời nổi lên tình hình dân từ các tỉnh khác đến lấn chiếm đất và cư trú trái

phép; tình hình lấn chiếm đất trái phép tại núi Gà Lôi để hoạt động tôn giáo... gây ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển chung của địa phương. Tuy nhiên, được sự quan tâm hỗ trợ tích cực của Huyện uỷ, Uỷ ban Nhân dân huyện và các ban, ngành chức năng của huyện; cộng với sự quyết tâm nỗ lực, phấn đấu khắc phục khó khăn của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân trong xã kết thúc nhiệm kỳ đạt được những kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Đại hội Chi bộ xã Suối Kiết lần thứ V, nhiệm kỳ 2005 - 2010, được tổ chức vào ngày 20 - 21/7/2005. Bầu Ban Chấp hành Chi uỷ xã gồm 02 đồng chí và phân công như sau:

1. Đồng chí: Trần Thị Bích Trâm, Phó Bí thư Chi uỷ;
2. Đồng chí: Nguyễn Thượng Chơn Lý, Đảng uỷ viên;

Ngày 28/11/2005, Ban Thường vụ Huyện uỷ Tánh Linh ra Quyết định luân chuyển, chỉ định đồng chí Trần Vũ Linh, chuyên viên Ban Tổ chức Huyện uỷ tham gia Chi uỷ, giữ chức Bí thư Chi uỷ xã Suối Kiết nhiệm kỳ 2005 - 2010.

Ngày 11/8/2008, Ban Thường vụ Huyện uỷ Tánh Linh ra quyết định thành lập Đảng bộ xã Suối Kiết, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 07 đồng chí, được phân công như sau:

1. Đồng chí Trần Vũ Linh, Bí thư Đảng uỷ;
2. Đồng chí Trần Thị Bích Trâm, Phó Bí thư Đảng uỷ;
3. Đồng chí Phạm Ngọc Thanh, Đảng uỷ viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
4. Đồng chí Nguyễn Thượng Chơn Lý, Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân;
5. Đồng chí Mai Đăng Hùng, Đảng uỷ viên, Phó Trưởng Công an xã;
6. Đồng chí Mang Minh, Đảng uỷ viên, Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
7. Đồng chí Nguyễn Văn Bình, Đảng uỷ viên, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Suối Kiết;

Về phía Chính quyền và các đoàn thể các chức danh cũng được củng cố, bố trí đầy đủ:

- Đ/c Ngô Văn Điệp - Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã;

- Đ/c Nguyễn Quốc Đài - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã;
- Đ/c Trần Văn Điệp - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã;
- Đ/c Nguyễn Hữu Lin - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- Đ/c Lê Thị Kim Anh - Chủ tịch Hội Phụ Nữ;
- Đ/c Trần Thị Ngọc Anh - Bí thư Xã đoàn;
- Đ/c Nguyễn Thái Hồ - Chủ tịch Hội Nông dân;
- Đ/c Trần Lê Bình Phương - Xã đội trưởng;
- Đ/c Hồ Thanh Hoàng - Trưởng Công an (2005 - 2007); đ/c Nguyễn Quốc Đài - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã kiêm Trưởng Công an (2007 - 2008); đ/c Mai Đăng Hùng - Trưởng Công an (2009 - 2010);

Sau khi thành lập Đảng bộ, Đảng bộ xã Suối Kiết có 05 chi bộ:

- Chi bộ thôn 1, do đồng chí Nguyễn Thượng Chơn Lý làm Bí thư;

- Chi bộ thôn 2, do đồng chí Mang Minh làm Bí thư;

- Chi bộ thôn 3, do đồng chí Ngô Văn Điệp làm Bí thư;

- Chi bộ thôn 4, do đồng chí Hồ Thanh Hoàng làm Bí thư;

- Chi bộ Quân Sự, do đồng chí Trần Vũ Linh - Bí thư Đảng bộ kiêm Bí thư chi bộ (8/2008 - 01/2009); 02/2009 do đồng chí Phạm Hương làm Bí thư chi bộ.

Ngày 04 tháng 02 năm 2009, Ban Thường vụ Huyện ủy Tánh Linh ban hành Quyết định số 1267-QĐ/HU luân chuyển, chỉ định đồng chí Phạm Hương, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện uỷ Tánh Linh giữ chức Bí thư Đảng uỷ xã Suối Kiết, từ ngày 01/02/2009, thay cho đồng chí Trần Vũ Linh chuyển công tác khác.

Đến cuối tháng 9/2009, Đảng bộ có 09 chi bộ trực thuộc (thành lập mới thêm 04 chi bộ, gồm 03 chi bộ trường học, 01 chi bộ thôn Suối Sâu) Các chi bộ mới thành lập gồm:

- Chi bộ Trường Tiểu học Suối Kiết, do đồng chí Nguyễn Văn Bình làm Bí thư;

- Chi bộ Trường Tiểu học Sông Dinh, do đồng chí Nguyễn Văn Lưỡng làm Bí thư (2009); năm 2010 đồng chí Nguyễn Bé - Bí thư;

- Chi bộ Trường THCS, do đồng chí Trần Quyến làm Bí thư;

- Chi bộ Thôn Suối Sâu, do đồng chí Nguyễn Thanh Phong làm Bí thư.

Ngày 26/6/2010, Đảng bộ xã Suối Kiết tổ chức Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 2010-2015). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng uỷ xã gồm 11 đồng chí; đồng chí Phạm Hương tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Đảng uỷ; Bầu Ban Thường vụ Đảng uỷ gồm 03 đồng chí:

1. Đ/c Phạm Hương - Bí thư Đảng uỷ;

2. Đ/c Trần Thị Bích Trâm - Phó Bí thư Đảng uỷ;

3. Đ/c Nguyễn Quốc Đài - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân xã;

Đại hội bầu Uỷ ban kiểm tra và Chủ nhiệm, Phó Chủ Nhiệm Uỷ ban kiểm tra Đảng ủy.

Đại hội đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Chi bộ lần thứ V và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ VI, (2010 - 2015).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội chi bộ lần thứ V (nhiệm kỳ 2005 - 2010), trong điều kiện hết sức khó khăn, thách thức đó là: tình hình thiên tai, dịch bệnh, giá cả thị trường biến động và tăng cao, ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, tình trạng lấn chiếm đất đai, tôn giáo, dân di cư tự do, an ninh nông thôn trên địa bàn xã phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Song nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự hổ trợ của các ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể huyện và sự nổ lực phấn đấu của chính quyền, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể và nhân dân trong xã; sự cố gắng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Cấp ủy, nên nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội phát triển tương đối ổn định; hệ thống chính trị được củng cố và hoạt động hiệu quả.

Trong 5 năm qua, kể từ Đại hội Chi bộ xã Suối Kiết lần thứ V đến nay, trong điều kiện nền kinh tế cả nước ổn định và phát triển; sự nghiệp đổi mới của Đảng tiếp tục thu được những thành tựu mới; dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã thu được nhiều kết quả quan trọng. Kết cấu hạ tầng đầu tư từ các năm trước và trong nhiệm kỳ đã và đang phát huy tác dụng làm tăng năng lực sản xuất; cùng

với tiềm năng đất đai phong phú, nguồn lao động dồi dào, năng lực sản xuất ngày càng tăng, đã tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của xã nhà. Tuy nhiên, do địa phương là vùng miền núi, kinh tế mới, vùng đồng bào dân tộc nên đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai liên tiếp xảy ra gây nhiều tổn thất đến sản xuất và đời sống; nạn lấn chiếm đất lâm nghiệp diễn biến phức tạp, đồng thời nổi lên tình hình dân từ các tỉnh khác đến lấn chiếm đất và cư trú trái phép, gây ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển chung của địa phương. Tuy nhiên, kết thúc nhiệm kỳ đạt được những kết quả quan trọng, nhiều chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Trong 5 năm qua, nền kinh tế của xã tiếp tục ổn định và phát triển, phần lớn các chỉ tiêu do Đại hội Chi bộ xã lần thứ V đề ra thực hiện đạt và vượt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng bình quân hàng năm 12,5% (chỉ tiêu Nghị quyết là 11%); GDP bình quân đầu người 233 USD năm 2006, tăng lên 425 USD năm 2010 (tương đương 8,075 triệu đồng), đạt 176% so với chỉ tiêu Nghị quyết là (242 USD).

Đại hội Đảng bộ xã Suối Kiết
lần thứ VI, nhiệm kỳ (2010 - 2015)

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông lâm nghiệp từ 65% năm 2006 tăng 70% năm 2010, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng từ 8% năm 2006 lên 15% năm 2010, thương mại - dịch vụ từ 27% năm 2006 còn 15% năm 2010.

Sản xuất nông nghiệp, duy trì được nhịp độ tăng trưởng. Lương thực, thực phẩm (cả cây lấy bột) năm 2006 là 11.984 tấn đến năm 2010 là 19.000 tăng 58%, đạt 339% so với chỉ tiêu Nghị quyết (5.600 tấn), bình quân hàng năm tăng trên 1.403 tấn. Diện tích, năng suất các loại cây trồng so đầu nhiệm kỳ đều tăng, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 2.808 ha, cây công nghiệp dài ngày 6.441 ha tăng 1.743 ha, cây ăn quả tăng 164 ha; từng bước hình thành các vùng chuyên canh tập trung như cây cao su 5.210 ha tăng 2.496 ha, đạt 144% so với (NQ 3.600 ha).

Lĩnh vực lâm nghiệp việc giao khoán bảo vệ rừng theo Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy cho 97 hộ dân tộc thiểu số với diện tích 3.500 ha vẫn duy trì tốt. Thực hiện Chỉ thị 12 của UBND Tỉnh *"về việc chỉ đạo giải quyết tình hình lấn chiếm đất trái phép,*

*giao khoán cho các hộ dân thiếu đất sản xuất trên địa bàn huyện Tánh Linh"*. Đây là một chủ trương đúng đắn được người dân đồng tình ủng hộ, nhất là những người nghèo, người thiếu hoặc không có đất sản xuất để họ có điều kiện đầu tư sản xuất ổn định cuộc sống. Đồng thời cương quyết xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm liên quan đến đất trái phép tại Tánh Linh. Thực hiện Chỉ thị trên, Đảng uỷ, Hội đồng Nhân dân, Uỷ ban Nhân dân xã Suối Kiết kết hợp với các ngành chức năng của huyện tiến hành kiểm tra, đo đạc và làm các thủ tục theo quy định giao khoán cho hơn 222 hộ, không có đất sản xuất với hơn 226 ha; Tiếp tục củng cố, ổn định về tổ chức, định hướng sản xuất cho Hợp tác xã Lâm nông nghiệp; đo đạc đề nghị cấp trên cấp quyền sử dụng đất trên diện tích 573 ha đất quy hoạch đưa ra khỏi 3 loại rừng để ổn định sản xuất...

Các hoạt động thương mại - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp ngày càng phong phú và đa dạng. Toàn xã có hơn 276 hộ mua bán các loại, lưu thông hàng hoá mở rộng; dịch vụ thông tin liên lạc bảo đảm liên tục thông suốt, kịp thời; bình quân 100

người dân có 23 máy điện thoại, hàng năm giải quyết việc làm cho hơn 200 lao động có việc làm ổn định.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã, bình quân năm sau cao hơn năm trước 10% (đạt chỉ tiêu NQ đề ra 10%), năm 2006 là 392 triệu đồng năm 2010 là 1.500 triệu đồng, tăng gấp 2,8 lần, đạt 382% so với đầu nhiệm kỳ; điều hành chi ngân sách có nhiều cố gắng, đảm bảo chi đúng kế hoạch và thực hiện tốt việc chống lãng phí, tiết kiệm, sử dụng ngân sách Nhà nước đúng mục đích;

Được sự quan tâm đầu tư của cấp trên, cộng với đời sống kinh tế của nhân dân được nâng lên, nên địa phương có sự đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở lớn. Tổng giá trị xây dựng cơ bản 11,2 tỷ đầu tư xây dựng các công trình như: mở rộng nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã, xây mới 6 phòng học Trường THCS, 4 phòng học Trường THSK, nhà công vụ, nhà vệ sinh, chức năng; đặc biệt được sự đầu tư của tỉnh trong chương trình định canh định cư cho thôn Suối Sâu, bao gồm nhà văn hoá, trường học, đường, điện... Ngoài ra còn một số công trình khác bằng nguồn vốn nhân dân đóng góp như: làm

mới, tu sửa các hệ thống cầu cống, cổng tường rào trụ sở thôn 1; đường giao thôn nông thôn tại Thôn 4.

Nhờ có các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, nên hàng năm giải quyết việc làm cho trên 1.000 lượt người lao động, tăng 2 lần so với đầu nhiệm kỳ.

Công tác xoá đói giảm nghèo được tập trung thực hiện đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,8% năm 2006 xuống còn 4% năm 2010 (NQ 7%). Đời sống của đại bộ phận nhân dân được nâng lên nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, số hộ giàu, khá tăng so với đầu nhiệm kỳ.

Chính sách đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ xã hội, huy động được nhiều người trong cộng đồng tham gia. Vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa được trên 36 triệu đồng, quỹ vì người nghèo 58 triệu đồng, xây mới 155 căn nhà tình thương *(trị giá từ 10 - 20 triệu/căn)* cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo, đối tượng khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự nghiệp giáo dục chuyển biến tích cực, mạng lưới trường lớp ở các bậc học, ngành học phát triển rộng khắp và được bố trí khá hợp lý nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học, chất lượng

dạy và học nâng dần lên. Thực hiện tốt xã hội hoá công tác giáo dục. Công tác phổ cập giáo dục được triển khai tích cực đã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS và TH đúng độ tuổi.

Có chuyển biến tiến bộ trong phòng bệnh và chữa bệnh; mỗi năm trạm y tế khám cho khoảng 5.300 lượt người; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi 26% năm 2006 xuống còn 22% năm 2010, giảm 4% so với đầu nhiệm kỳ;

Hoạt động văn hoá, văn nghệ tiếp tục được đầu tư về nội dung và hình thức, diễn ra sôi nổi, nhất là các dịp lễ, Tết, những ngày kỷ niệm lớn của đất nước góp phần nâng cao nhu cầu thưởng thức văn hoá tinh thần của nhân dân.

Riêng tại thôn 2, đồng bào dân tộc thiểu số, thông qua các chương trình, dự án được đầu tư trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc được đầu tư khá cao. Đầu tư trên 3 tỷ để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Đến nay đã cấp đất sản xuất 330 ha/150 hộ, bình quân 2ha/hộ, giải quyết cho 19 hộ vay 23 con bò. Hệ thống giáo dục - y tế từng bước được kiên cố, xây mới; đầu tư lắp đặt hệ thống

nước máy; số hộ nghèo của vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm xuống đáng kể. Số nhà tạm, dột nát cơ bản được giải quyết; tạo điều kiện cho các hộ đồng bào dân tộc có cuộc sống ổn định, có tích luỹ và vươn lên thoát nghèo.

Nhiệm vụ Quốc phòng và công tác quân sự tại địa phương có nhiều tiến bộ; thường xuyên chú trọng giáo dục ý thức Quốc phòng toàn dân, không ngừng nâng cao cảnh giác Cách mạng, phòng chống chiến lược *"Diễn biến hoà bình"*, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; xây dựng xã vững mạnh toàn diện về Quốc phòng - An ninh; lượng dự bị động viên được quản lý thành nề nếp, chặt chẽ. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao;

Tình hình an ninh - chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và ổn định, bình quân hàng năm giản từ 8-10%; Một số vụ việc vi phạm nổi lên trong lợi dụng tôn giáo, dân tộc... đã được tập trung giải quyết kịp thời, không để nảy sinh tình hình phức tạp. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát triển sâu rộng hơn, các mô hình quần chúng tự quản ngày phát triển;

Giai đoạn này cùng với cả nước, Đảng uỷ lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng; nhất là Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*; tổ chức 05 hội nghị triển khai Quân sự - Quốc Phòng, có trên 320 lượt chiến sỹ, cán bộ, đảng viên tham gia; mở 07 lớp triển khai học tập các Nghị quyết của Trung ương (NQ TW3; TW 5, 6, 7, 9) có trên 370 lượt người tham gia; 08 lớp chuyên đề về Tư tưởng Hồ Chí Minh có trên 420 lượt người tham gia; 02 lớp kiến thức Quốc phòng - an ninh thuộc đối tượng 5, có 89 lược người tham gia; 08 buổi thông báo thông tin thời sự có 410 lượt người tham dự; ngoài ra còn tổ chức 37 cuộc hội nghị triển khai các chỉ thị, kế hoạch của Tỉnh, Huyện và Cấp uỷ với 2.960 lượt người tham gia; các nhóm đối tượng xác định phải được học tập là cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức xã và cán bộ quần chúng cốt cán ở thôn, tỷ lệ tham gia trên 90%, đảng viên trên 97%, qua các đợt học tập nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức xã, thôn được nâng lên.

Thông qua các lớp, các buổi thông tin thời sự, hội nghị và sinh hoạt chi bộ định kỳ, cấp ủy luôn có

biện pháp phù hợp để lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân đấu tranh chống các quan điểm sai trái, những hành vi nói, viết và làm trái quan điểm, đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, cục bộ, bè phái, bảo thủ và các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan; phòng chống sự suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng và những đề xuất, kiến nghị của Đảng viên và nhân dân, Cấp ủy đã kịp thời chỉ đạo Ủy ban Nhân dân xã giải quyết các vụ việc liên quan đến quyền lợi chính đáng của nhân dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ quan và cộng đồng khu dân cư.

Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, chính trị, nhiều đồng chí cán bộ, Đảng viên, CNVC đã nhận thức tốt ý nghĩa và mục đích của công cuộc đổi mới đất nước, cũng như cuộc vận động học tập đạo đức Hồ Chí Minh, từ đó tạo sự chuyển biến rõ nét trong hành động cũng như trong nhiệm vụ được giao. Trong sinh hoạt thể hiện tinh thần đoàn kết nội bộ, nêu cao được ý thức phê bình và tự phê bình, thẳng

thắn đóng góp xây dựng đối với đồng chí, đồng nghiệp. Trong xử lý công việc bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất chung của Cấp ủy; vừa phát huy được vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên Cấp ủy, của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, của các ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ các chuyên đề; đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, coi trọng việc chỉ đạo thực hiện qui chế, có cải tiến lề lối làm việc.

Nhiệm kỳ 2005 - 2010 là nhiệm kỳ Đảng bộ có sự tập trung chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên; cử 20 đồng chí học trung cấp chuyên môn (1); 14 đại học (2); 06 đồng chí học trung cấp lý luận chính trị; 15 đồng chí sơ cấp chính trị. Ngoài ra còn cử trên 380 lượt cán bộ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ tại Huyện và Tỉnh. Nhờ vậy, chất lượng hiệu quả công việc được nâng lên.

Công tác tổ chức, bộ máy và cán bộ đã kiện toàn và sắp xếp phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.

---

(1) *06 đ/c học Pháp lý, 07 nông nghiệp, 02 công an, 01 xã đội, 02 thanh vận, 01 kế toán, 01 văn thư lưu trữ.*

(2) *01 hành chính, 02 luật, 01 kế toán, 10 kinh tế luật.*

Sau khi Đại hội chi bộ, đến tháng 8/2008 được thành lập Đảng bộ; có 05 chi bộ trực thuộc [1] đến tháng 9/2009 Đảng bộ thành lập thêm 03 chi bộ trường học, nâng tổng số chi bộ trực thuộc lên 08; đầu năm 2010 thành lập thêm Chi bộ thôn Suối Sâu, xoá được thôn không có chi bộ Đảng. Nâng số chi bộ trực thuộc lên 09 (01 Quân sự; 05 thôn; 03 giáo dục) Đến hết năm 2010 toàn Đảng bộ có 52 đảng viên; tăng 35 đảng viên so với năm 2000.

Khối vận, Mặt trận, đoàn thể xã đã có nhiều cố gắng trong công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị xã, ở khu dân cư. Công tác dân vận có nhiều đổi mới, phương thức hoạt động, phát động đoàn viên, hội viên thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương; xây dựng củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên xây dựng cốt cán chính trị, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

Tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội (khóa XII), vận động nhân dân địa phương chấp hành các chủ trương,

(1) *01 chi bộ Quân sự, 04 chi bộ thôn.*

chính sách giải quyết về tôn giáo tại khu vực núi Gà Lôi, tình hình đất đai, ổn định dân cư tại Suối Sâu, hiến đất làm đường DT 720, tuyên truyền các chủ trương lớn như Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, Nghị quyết 32 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ nhà ở cho người nghèo...

Công tác Dân vận của chính quyền có nhiều chuyển biến tiến bộ hơn cả về nhận thức và hành động, thể hiện qua việc phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã tiếp xúc cử tri và trả lời những ý kiến của cử tri quan tâm, các chương trình trọng tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống sản xuất được người dân phấn khởi, hưởng ứng thực hiện với phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm"* đã góp phần làm chuyển biến rõ nét bộ mặt nông thôn mới.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể trong nhiệm kỳ qua đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chính của địa phương. Các chính sách về dân tộc và tôn giáo thực hiện tốt hơn trước; sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ổn định,

khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được củng cố và mở rộng. Tích cực xây dựng gia đình văn hoá, đến nay có 5.548 hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá. Qua kết quả bình xét có 4.995 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa, chiếm 90,03%; xây dựng được 05 trụ sở thôn gắn với Nhà Văn hoá, công nhận 01 thôn đạt Thôn văn hoá, ra mắt 04 thôn (100% thôn xây dựng thôn văn hoá). Hàng năm 6/6 đoàn thể được huyện xếp loại vững mạnh và vững mạnh xuất sắc. Riêng Hội Phụ Nữ xã năm 2006 được Thủ Tướng chính phủ tặng Bằng khen. Uỷ ban Nhân dân xã được Bộ Trưởng Bộ Văn Hoá - Thể thao và Du lịch tặng bằng khen năm 2009.

Đánh giá chung: trong nhiệm kỳ qua tình hình kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tăng, cơ cấu chuyển dịch đúng hướng; phát triển nền kinh tế nông nghiệp khá toàn diện, sản xuất lương thực tăng từ diện tích đến năng suất sản lượng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng đúng hướng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, cơ giới hoá sản xuất ngày càng cao và có hiệu quả. Cơ sở hạ tầng như: điện, đường, trường, trạm tương đối ổn định. Chính

quyền địa phương thường xuyên chăm lo cho sự nghiệp y tế, giáo dục, trong đó chú trọng chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân; nâng cao chất lượng dạy và học, thực hiện tốt chính sách xóa đói giảm nghèo; công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân được nâng lên, phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc được nhân rộng. Nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự thường xuyên duy trì hiệu quả. Đặc biệt 2009, 2010 Đảng bộ xã được Huyện uỷ xét đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp trên cơ sở.

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ qua vẫn còn những hạn chế nhất định. Tỷ lệ GDP bình quân đầu người còn thấp, chưa khai thác đúng tiềm năng lợi thế của địa phương. Trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi chưa tương xứng với trồng trọt. Đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu của địa phương; các phúc lợi xã hội chưa có gì đáng kể. Thương mại dịch vụ - Tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm quy mô nhỏ, chưa có chợ trung tâm, kinh tế trang trại chưa được phát huy thế mạnh. Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm tuy có giảm, nhưng vẫn còn

cao so với số hộ ở địa phương; đời sống một bộ phận dân cư còn gặp nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí thấp, nhất là ở địa phương có thôn 2 dân tộc thiểu số và thôn Suối Sâu mới thành lập; địa phương chưa có nhà trẻ, chất lượng dạy và học chưa đồng đều, vẫn còn hạn chế, chất lượng gia đình văn hoá và thôn văn hóa vẫn chưa thật sự đạt yêu cầu. Công tác quản lý nhân hộ khẩu còn nhiều bất cập.

*Chương VIII*

# XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC RA SỨC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG

Là một xã miền núi, xã Suối Kiết gồm nhiều thành phần dân tộc sống xen ghép, rải rác trên địa bàn xã. Riêng Thôn 2 - xã Suối Kiết là thôn thuần dân tộc thiểu số gồm: Rắc-lây và một số ít dân tộc khác như Tày, Khơ me, K'Ho, Chăm...

Tổng số hộ dân của xã đến năm 2010 là trên 1.621 hộ, với trên 6.500 người; trong đó dân tộc thiểu số trên toàn địa bàn là: 203 hộ/871 khẩu, bao gồm: Rắc-lây: 192 hộ/826 khẩu; Chăm: 02 hộ/09 khẩu; Khơme: 03 hộ / 14 khẩu; Mường: 01 hộ/5 khẩu; Châu Ro: 03 hộ/13 khẩu; Tày: 1 hộ/2 khẩu; Thái : 1 hộ/2 khẩu.

Đồng bào dân tộc thiểu số được phân bố tại các thôn như sau: Thôn 1: 07 hộ/28 khẩu; Thôn 2: 193 hộ/836 khẩu; Thôn 3: 2 hộ/04 khẩu; Thôn 4: 1 hộ/3 khẩu: Châu ro.

Từ những năm trước, đa số bà con trình độ dân trí thấp, nhận thức của phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số về sự đói nghèo và tự lực vươn lên chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại vào sự cứu trợ. Bên cạnh đó, công tác khuyến nông, thông tin thị trường còn chậm và chưa đến kịp với đồng bào. Tuy nhiên, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, gần đây nhất là từ năm 2004 Tỉnh uỷ Bình Thuận có Nghị quyết 04 và Huyện uỷ Tánh Linh có Nghị quyết 11, năm 2002 "về phát triển dân sinh kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số" nên đời sống về tinh thần, vật chất của đồng bào được nâng lên rõ rệt.

Thực hiện Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy; Chỉ thị 22 của Huyện uỷ; ngày 20/4/2004 Chi bộ xã Suối Kiết đã ban hành Quyết định số 02/QĐ/CU-SK "thành lập Ban Chỉ đạo khảo sát điều tra tình hình dân tộc trên địa bàn". Đồng thời Hội đồng Nhân dân xã cũng ra Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐND ngày 29/7/2003; Uỷ ban Nhân dân xã ra Quyết định số 20/QĐ-UBSK ngày 15/10/2002 "thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện nghị quyết 04. Năm 2004 Uỷ ban Nhân dân xã ra Thông báo 18/TB-UBSK ngày 22/4/2004 về nghiêm cấm việc mua bán, sang

nhượng đất ở khu vực 330 ha của đồng bào dân tộc thiểu số và đồng thời tổ chức sinh hoạt học tập tinh thần các Nghị quyết, Chỉ thị, các văn bản trên cho đồng bào dân tộc thiểu số và toàn dân trong xã để biết thực hiện. Việc tổ chức học tập tuyên tuyền bằng nhiều hình thức, như: phối hợp tổ chức học tập tại Khối quân dân chính 3 đợt/80 lượt người dự; sinh hoạt tại khu dân cư của 4/4/ thôn (đặc biệt là khu dân cư Thôn 2) có 224 lượt người dự; 100% các đoàn thể chính trị xã hội tổ chức phổ biến quán triệt Nghị quyết, phổ biến hàng năm cho cán bộ khu dân cư. Hàng năm Uỷ ban Nhân dân xã đều tổ chức sơ kết, tổng kết tiến độ thực hiện nghị quyết 04, nhằm tổng kết phát huy những mặt đạt được và tìm ra hạn chế, hướng khắc phục những hạn chế trong thực hiện nghị quyết...

Sau học tập, tuyên truyền xã tổ chức cho từng gia đình ký cam kết thực hiện 3 không theo Nghị quyết:

- Không bán, không cho thuê, không bỏ hoang đất được Nhà nước cấp;

- Không bán, không đổi bò được Nhà nước cho vay khi chưa trả hết vốn vay cho Ngân hàng;

- Không phá rừng làm rẫy, đốt than, không chặt gỗ trái phép trên diện tích rừng của Nhà nước.

Việc ký cam kết được xã tổ chức công khai qua việc treo băng-rôn, khẩu hiệu tuyên truyền và thông qua tài liệu sinh hoạt của Uỷ ban Nhân dân huyện. Kết quả: có 164 hộ tham dự học tập, có 156 đăng ký cam kết và đóng bản cam kết 3 không tại nhà, còn lại 08 hộ là do chưa được hưởng NQ 04 nên chưa thực hiện. Trong buổi học tập bà con đồng thuận với chủ trương của Đảng và Nhà nước, cùng các biện pháp trong những năm tiếp theo.

Qua 08 năm thực hiện Nghị quyết, công tác xóa đói giảm nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Suối Kiết đạt được kết quả cao. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã xuất hiện nhiều mô hình làm ăn giỏi, nhiều hộ tìm tòi, học hỏi áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vươn lên vượt khó thoát nghèo, như hộ Tòng Thị Gái, Mang Phúc, Trần Thị Dung, Mang Thị Diệu, Mang Đưa... qua đó tinh thần tương thân, tương trợ giúp đỡ nhau ngày càng mở rộng, mối quan hệ trong cộng đồng các dân tộc được cũng cố và phát triển an ninh - Quốc phòng đảm bảo trật tự ổn định; đời sống vật chất, tinh thần

Đoàn đại biểu xã Suối Kiết dự Đại hội
các Dân tộc thiểu số huyện

của đồng bào từng bước được cải thiện phát huy tốt quy chế dân chủ cơ sở cùng tham gia vào công việc cộng đồng.

Đảng uỷ, UBND, các ngành, các cấp trong xã luôn chủ động sáng tạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch hành động phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng vùng đồng bào các dân tộc mà Nghị quyết các cấp đề ra, như: Chương trình chính sách hỗ trợ theo Quyết định 134 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách hỗ trợ hàng năm khác của Trung ương, của tỉnh, huyện đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư đã trang bị kiến thức cơ bản về cách sản xuất mới, nhân rộng mô hình hộ gia đình làm ăn giỏi trong toàn vùng được chú trọng, hàng năm xã phối kết hợp với ngành chuyên môn của huyện mở trung bình 12 lớp. Nhờ việc học tập này mà bà con đã sản xuất, chăm sóc thành thạo vườn cao su, vườn cây ăn trái, chăm sóc đàn bò, đàn dê...

Hiện nay có 75% hộ dân tộc thiểu số xã Suối Kiết xây dựng khu dân cư giàu đẹp, đời sống vật

chất, tinh thần ngày một nâng lên. Trong những năm qua, xã đã thực hiện tốt các Nghị quyết chuyên đề về đầu tư phát triển kinh tế, xã hội thôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, các Chương trình 134, Quyết định 168 cùng với chương trình trợ giá trợ cước theo Quyết định 304 của Thủ tướng Chính phủ đã làm thay đổi rõ nét bộ mặt khu dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

Bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, xã đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội cho đồng bào các dân tộc thiểu số, như; đường giao thông; trường học; trạm y tế; hệ thống nước sạch... Đến nay bà con đã được đầu tư giải quyết cơ bản vấn đề đất ở, đất sản xuất, nhà ở; 100% hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới Quốc gia, nước sinh hoạt. Đã có trên 200 hộ được xây dựng nhà tình thương, trị giá trên 1 tỷ đồng.

Thực hiện chương trình 135 hỗ trợ phát triển sản xuất vùng đồng bào DTTS từ nguồn kinh phí của Trung ương, bà con dân tộc Suối Kiết được hổ trợ hàng trăm triệu đồng đầu tư sản xuất. Riêng Dự án hỗ trợ cho bà con hộ nghèo thôn 2 hàng năm

tổng cộng cho hơn 101 hộ hàng năm, hỗ trợ các hạng mục như tập huấn mô hình trồng và chăm sóc cây cao su, hỗ trợ giống, cấp phát phân bón, thuốc và bình xịt thuốc để các hộ tiếp tục sản xuất đạt hiệu quả cao, góp phần phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc.

* Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

- Kết quả thực hiện chính sách bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số theo NQ 05 của Tỉnh uỷ : Đã bồi dưỡng, đào tạo nguồn theo NQ 05 của Tỉnh uỷ 12 người. Trong đó tạo nguồn được 02 trung cấp chính trị, 02 đại học.

- Củng cố hệ thống cán bộ cơ sở. Phát triển thêm Đảng viên là người dân tộc thiểu số được 04 người (trong đó 01 nữ). Thành lập chi bộ thôn 2 dân tộc.

- Xây dựng củng cố tổ chức hội, đoàn ở cơ sở đến nay cốt cán trong các hội đoàn thể là người dân tộc thiểu số là 29 người.

- Hàng năm Uỷ ban Nhân dân xã thành lập hội đồng xét tuyển đã xét tuyển và đề nghị được 3

em là học sinh khá giỏi lớp 9 được tuyển vào trường phổ thông dân tộc nội trú theo chỉ tiêu Tỉnh giao. Hàng năm đều xét học sinh Dân tộc thiểu số được tiên hưởng học bổng, quần áo dụng cụ học sinh theo chế độ Quyết định 64 hơn 115 học sinh, địa phương thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần để các em yên tâm học tập. Xét duyệt 04 em vào trường Nội trú huyện Tánh Linh năm 2009. Năm 2010 tiếp tục xét duyệt cho 06 em vào trường Nội trú Huyện.

Trong những năm qua, được sự đầu tư quan tâm của Đảng, Nhà nước thông qua các chủ trương chính sách hết sức đúng đắn đối với đồng bào dân tộc đã đạt được những kết quả nhất định, vùng đồng bào dân tộc góp phần không nhỏ vào quá trình đi lên phát triển từng ngày của xã trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn những khó nhất định trong quá trình thực hiện, trong đó nguyên nhân khách quan là chủ yếu do đặc thù tín ngưỡng dân gian lâu đời so với sự phát triển chung chưa phù hợp còn ăn sâu trong tiềm thức của đồng bào, ảnh hưởng đến cách nghĩ, cách làm dẫn đến chậm đổi mới. Bên cạnh đó trình

độ dân trí còn thấp, sự đầu tư tích lũy chưa có cơ sở vững chắc, lao động thiếu việc làm dẫn đến hàng loạt các vấn đề căn cơ khác không được giải quyết triệt để như nguy cơ tái nghèo có khả năng xảy ra, tình trạng bỏ học giữa chừng hàng năm vẫn tiếp diễn, an ninh trật tự có lúc có nơi không ổn định.

Đảng uỷ xác định, trong thời gian tới, tiếp tục triển khai thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc. Mục tiêu tổng quát xác định rõ là tạo sự chuyển biến nhanh về đời sống, vật chất, tinh thần cho đồng bào trước mắt, sau năm 2010 trở đi phải ưu tiên thực hiện các chính sách xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào, bằng mọi giải pháp phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo. Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng đến phát triển và sử dụng cán bộ là đồng bào dân tộc, không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ cơ sở các khu phố có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

*Chương IX*

# SUỐI KIẾT HƠN 30 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1978 - 2010)

Suối Kiết là một xã được hình thành chậm hơn so với các xã khác của huyện Tánh Linh. Tuy nhiên địa danh Suối Kiết được nhiều người biết đến thì từ năm 1945. Người ta biết đến Suối Kiết không những là nơi đất lành chim đậu, mà còn là nơi địa ngục trần gian do bệnh sốt rét rừng. Ai đã từng ở Suối Kiết trước năm 1990, thì không thể tránh khỏi sốt rét; sốt rét theo con người, hành hạ con người triền miên, không còn sức lực để lao động. Người ta còn biết đến Suối Kiết, bởi đàn voi rừng xuất hiện trong các năm 2003 - 2004, với số lượng lên đến 07 con; voi phá hoại hoa màu, cản trở không cho bà con đi làm rẫy, nguy hiểm hơn còn quật chết người.

Trong quá trình xây dựng và phát triển quê hương, Suối Kiết qui tụ dân cư nhiều tỉnh thành về đây lập nghiệp xây dựng Suối Kiết cho đến ngày nay. Từ năm 1945-1954, Suối Kiết được biết đến

như một công trường khai thác cây phục vụ cho thực dân Pháp và bọn tay sai, lúc này chủ yếu là do dân các nơi đến làm thuê cho chúng;

Từ năm 1946 - 1975, Suối Kiết được coi là cửa ngõ của huyện Tánh Linh trong kháng chiến chống Pháp xâm lược. Người dân Suối Kiết kiên cường bám trụ hoạt động cách mạng; có lúc cuộc chiến tranh leo thang lên đỉnh điểm ác liệt, người dân Suối Kiết không còn chịu đựng được nữa phải di tản đi các nơi để yên ổn làm ăn và hoạt động cách mạng (năm 1962 - 1963). Lúc này Suối Kiết còn là bãi chiến trường giữa ta và địch. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng từ năm 1975 đến nay, cán bộ và nhân dân Suối Kiết tiếp tục ra sức thi đua lao động sản xuất xây dựng quê hương mới. Nhất là từ năm 1997 đến nay, đất lành chim đậu, Suối Kiết có hàng ngàn người con từ khắp mọi miền đất nước về đây lập nghiệp. Trong đó có 227 hộ với 857 khẩu nhân dân thôn Suối Sâu đến từ các tỉnh Miền Tây sau những cơn bão dữ dội năm 1997 - 1998 ở vùng Hồng Ngự - Đồng Tháp; người dân đi tìm cuộc sống mới và đến dừng chân lập nghiệp tại Suối Kiết Tánh Linh. Thôn Suối Sâu giờ đây bạt

ngàn cây ăn trái, như: xoài, bưởi, cam, quýt... người dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất hàng năm cho thu nhập kinh tế cao.

Đặc biệt, với địa bàn giàu tiềm năng đất đai, khoáng sản Suối Kiết thu hút hàng chục doanh nghiệp đến đầu tư khai thác và trồng cây công nghiệp. Suối Kiết hình thành các vùng chuyên canh, như: cây ăn trái, cây cao su, cây điều, các làng nghề như: làng nghề lá buông, đũa tre... giải quyết công ăn việc làm cho hàng trăm người có thu nhập ổn định.

Suối Kiết giờ đây đã thực sự khởi sắc và mang diện mạo khá đặc trưng của một vùng nông thôn mới, kinh tế xã hội không ngừng phát triển, đời sống của nhân dân ngày càng ổn định nâng cao; không còn hộ đói, chính sách xã hội được thực hiện tốt, an ninh chính trị được đảm bảo, niềm tin của nhân dân đối với Đảng càng vững bền.

*Chương X*

# CHƯƠNG PHỤ LỤC

## I. DANH SÁCH GIA ĐÌNH THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

### 1. Danh sách liệt sĩ:

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Nguyên Quán | Nhập ngũ | Đơn vị | Hy sinh |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Nguyễn Văn Lộc | 1948 | Hàm Thuận | 1966 | ATD 482 | 15/2/1968 |
| 02 | Nguyễn Bông | 1925 | Quảng Ngãi | 1966 | Y tế xã | 16/11/1969 |
| 03 | Nguyễn Văn Giang | 1951 | Hàm Thuận Bắc | 1965 | E33 | 14/4/1974 |
| 04 | Nguyễn Văn Lễ | 1959 | TP.HCM | 7/1977 | D3E777 | 14/4/1974 |
| 05 | Trần Dê | 1941 | Suối Kiết | 4/1963 | Huyện Đội | 30/5/1965 |
| 06 | Trần Bưởi | 1944 | Suối Kiết | 4/1965 | Huyện Đội | 30/5/1965 |
| 07 | Dương Thanh Tùng | 1947 | Tuy phong | 6/1968 | Trung sỹ Tỉnh đội | |
| 08 | Lý Hồng Bích | 1935 | Quảng Ngãi | 10/1954 | H16 Quảng Ngãi | 1972 |
| 09 | Nguyễn Văn Quá (Quang) | 1962 | Quảng Nam | 1969 | Du kích xã Đại Thắng | 03/01/1970 |
| 10 | Lê Văn Quân | 1968 | Thanh Hóa | 01/1987 | C1D4E174F312-Quân đoàn 1 | 25/10/1987 |
| 11 | Nguyễn Văn Lực | | Bình Thuận | 01/1966 | A Trưởng H3-Tiểu đoàn 482 | 15/02/1968 |
| 12 | Nguyễn Bá Kim | 1916 | Quảng Ngãi | 1943 | Công dân | 1943 |
| 13 | Phạm Văn Long | 1950 | Bình Thuận | 3/1966 | Huyện đội Hàm Thuận-BT | 08/3/1967 |
| 14 | Nguyễn Văn Sáng | 1943 | Hàm Thuận Bắc-BT | 02/1962 | Tiểu đội Trưởng C2-482 | 25/02/1968 |
| 15 | Nguyễn Văn Tám | 1964 | Tánh Linh-BT | 8/1983 | Đại đội 4, tiểu đoàn 19, Sư đoàn 307 | 30/3/1984 |

## 2. Danh sách thương - bệnh binh:

| TT | Họ và tên | Thương - Bệnh binh | Dân tộc | Nơi ở | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Văn Hồng | Thương binh từ 21 - 60% | Kinh | Thôn 1 | |
| 2 | Lê Văn Minh | // | Kinh | Thôn 1 | |
| 3 | Hoàng Xuân Thu | // | Kinh | Thôn 1 | |
| 4 | Nguyễn Thị Đường | // | Kinh | Thôn 4 | |
| 5 | Nguyễn Văn Thạnh | Bệnh binh 61 - 80% | Kinh | Thôn 3 | |
| 6 | Nguyễn Thuận | // | Rắclây | Thôn 2 | |
| 7 | Nguyễn Hữu Lin | QNTBNLĐ từ 61 - 80% | Kinh | Thôn 4 | |

## II. DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN 40, 50, 60 TUỔI ĐẢNG: (tính đến tháng 12/2010):

### 1. Danh sách đảng viên 40 tuổi Đảng:

| TT | Họ và Tên | Năm sinh | Quê quán | Ngày vào Đảng |
|---|---|---|---|---|
| 01 | Phạm Văn Hồng | 01/12/1941 | Hàm Thuận Bắc Bình Thuận | 15/10/1963 20/7/1964 |
| 02 | Mai Văn Minh | 11/12/1940 | Vĩnh Lộc Thanh Hoá | 12/3/1967 7/12/1967 |
| 03 | Lê Thị Lanh | 20/6/1940 | Hoằng Hoá – Thanh Hoá | 22/6/1966 30/9/1967 |

## III. DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ QUA CÁC NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI

### 1. Danh sách Ban Chi uỷ lâm thời (1978 - 1979)

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Đ/c Nguyễn Đông Ty | Bí thư chi bộ; | |
| 02 | Đ/c Nguyễn Quang Chích | Chủ tịch UBND xã; | |
| 03 | Đ/c Nguyễn Quang Tuyết | Xã Đội trưởng; | |

### 2. Bí thư xã (1980 - 1983)

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Phạm Văn Hồng | Bí thư | 1980 - 1982 |

### 3. Bí thư Chi bộ xã, nhiệm kỳ lần thứ I (1984 - 1986)

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Phạm Văn Hồng | Bí thư | |

**4. Bí thư Chi bộ xã (1987 - 1990)**

***4.1/ Giai đoạn 1987 - 1989:***

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Trần Thị Ngọc Huệ | Bí thư | |

***4.2/ Giai đoạn 1989 - 1990:***

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Võ Thiên Thu | Bí thư | |

**5. Bí thư Chi bộ xã nhiệm kỳ lần thứ II (1991 - 1995)**

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Nguyễn Văn Hai | Bí thư | |

**6. Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ xã nhiệm kỳ lần thứ III (1995 - 2000)**

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Nguyễn Thượng Hùng | Bí thư<br>Chủ tịch UBND | |
| 02 | Ngô Văn Điệp | Phó Bí thư -<br>Chủ tịch UBND | |

**7. Bí thư và Chi uỷ Chi bộ xã nhiệm kỳ lần thứ IV (2000 - 2005)**

*7.1/ Giai đoạn 1999 - 2001:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Nguyễn Thượng Hùng | Bí thư | |

*7.2/ Giai đoạn 2001 - 2003:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Trần Văn Hội | Bí thư | |

*7.3/ Giai đoạn 2003 - 2005:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Lê Tịnh Thành | Bí thư | |
| 02 | Ngô Văn Điệp | Chủ tịch HĐND | |
| 03 | Đỗ Chánh Thi | ĐUV- Xã đội Trưởng | |

**8. Danh sách Chi ủy, Chi bộ xã nhiệm kỳ lần thứ V (2005 - 2010)**

*8.1/ Giai đoạn từ 2005 - 8/2008:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Trần Vũ Linh | Bí thư | |
| 02 | Trần Thị Bích Trâm | Phó Bí thư | |
| 03 | Nguyễn Thượng Chơn Lý | Phó Chủ tịch UBND | |

## 9. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời xã (2008 - 2010)

### *9.1/ Giai đoạn từ 8/2008 - 02/2009:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Trần Vũ Linh | Bí thư | |
| 02 | Trần Thị Bích Trâm | Phó Bí thư | |
| 03 | Nguyễn Thượng Chơn Lý | Phó Chủ tịch UBND | |
| 04 | Phạm Ngọc Thanh | Chủ tịch UBMTTQ | |
| 05 | Mai Đăng Hùng | Trưởng CA | |
| 06 | Mang Minh | Phó Chủ tịch Hội Nông dân | |
| 07 | Nguyễn Văn Bình | Hiệu Trưởng Trường THSK | |

### *9.2/ Giai đoạn từ 02/2009 - 06/2010:*

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Phạm Hương | Bí thư | |
| 02 | Trần Thị Bích Trâm | Phó Bí thư | |
| 03 | Nguyễn Thượng Chơn Lý | Phó Chủ tịch UBND | |
| 04 | Phạm Ngọc Thanh | Chủ tịch UBMTTQ | |
| 05 | Mai Đăng Hùng | Trưởng CA | |
| 06 | Mang Minh | Phó Chủ tịch Hội Nông dân | |
| 07 | Nguyễn Văn Bình | Hiệu Trưởng Trường THSK | |

**10. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhiệm kỳ lần thứ VI (2010 - 2015)**

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 01 | Phạm Hương | Bí thư | |
| 02 | Trần Thị Bích Trâm | Phó Bí thư | |
| 03 | Nguyễn Quốc Đài | Chủ tịch UBND | |
| 04 | Nguyễn Thượng Chơn Lý | Phó Chủ tịch UBND | |
| 05 | Nguyễn Thanh Ly | Phó Chủ tịch UBND | |
| 06 | Lê Thị Bích Thảo | Trưởng Ban Tổ chức | |
| 07 | Nguyễn Văn Minh | Chủ nhiệm UBKT | |
| 08 | Trần Lê Bình Phương | Xã Đội Trưởng | |
| 09 | Mai Đăng Hùng | Trưởng CA | |
| 10 | Nguyễn Văn Bình | Hiệu Trưởng Trường THSK | |

# MỤC LỤC

*Trang*


- *Lời giới thiệu:* Suối Kiết đất lành chim đậu 3
- *Chương I:* Suối Kiết, đất nước con người Quá trình hình thành xã Suối Kiết 7
- *Chương II:* Suối Kiết buổi đầu hình thành (giai đoạn 1945 - 1963) 18
- *Chương III:* Suối Kiết vùng cửa ngõ của quân, dân Tánh Linh (giai đoạn 1964 - 1974) 53
- *Chương IV:* Củng cố hệ thống chính trị ra sức xây dựng quê hương (giai đoạn 1975 - 1980) 63
- *Chương V:* Tập trung lao động sản xuất ổn định cuộc sống, (giai đoạn 1980 - 1986) 81

- *Chương VI:* Suối Kiết thực hiện công cuộc đổi mới, (giai đoạn 1987 - 2000) 92

- *Chương VII:* Ra sức xây dựng quê hương giàu đẹp, (giai đoạn 2000 - 2010) 116

- *Chương VIII:* Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng quê hương 147

- *Chương IX:* Suối Kiết hơn 30 năm xây dựng và phát triển 156

- *Chương X:* Chương Phụ lục 159
  - Danh sách Liệt sỹ
  - Danh sách Thương, Bệnh binh
  - Danh sách đảng viên 40 tuổi Đảng
  - Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ xã qua các kỳ Đại hội

**LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG XÃ SUỐI KIẾT**
**(1945 - 2010)**

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***
Đồng chí: Phạm Hương - *Bí thư Đảng uỷ*

***Chỉ đạo biên soạn:***
Đảng uỷ, HĐND, UBND và Ban chỉ đạo Biên soạn
Lịch sử truyền thống Đảng bộ xã

***Biên soạn, biên tập:***
Phạm Hương, Nguyễn Quốc Đài,
Ngô Văn Điệp, Trần Văn Điệp

***Trình bày bìa và sửa bản in:***
Trần Thị Bích Trâm
Nguyễn Thượng Chơn Lý
Nguyễn Thanh Ly

---

In 300 cuốn - Khổ 13 x 19 cm tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận - Giấy phép xuất bản số: 85/GP-STTTT ngày 15/10/2010 do Sở Thông tin - Truyền thông Bình Thuận cấp. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2010.